



VINAMILK



VỮNG
VỊ THẾ
tiên phong

BÁO CÁO | 2014
THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

MÃ CỔ PHIẾU: VNM

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Tên tiếng Anh	: Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
Tên viết tắt	: Vinamilk
Vốn điều lệ	: 10.006.413.990.000 đồng
Trụ sở chính	: 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84-8) 54 155 555
Fax	: (84-8) 54 161 230
Email	: vinamilk@vinamilk.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKKD và mã số thuế	: 0300588569

www.vinamilk.com.vn





TẦM NHÌN, SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn



Trở thành biểu tượng mang tầm vóc thế giới trong lĩnh vực thực phẩm và thức uống, nơi mà tất cả mọi người đặt trọn niềm tin vào sản phẩm an toàn và dinh dưỡng.

Sứ mệnh



Mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng giá trị nhất bằng tất cả sự trân trọng, tình yêu và có trách nhiệm với cuộc sống.



TRÁCH NHIỆM	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	SÁNG TẠO	PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI	KHÁCH HÀNG LÀM TRUNG TÂM
Chúng tôi luôn tận tâm với nhiệm vụ và hành động một cách có trách nhiệm cao nhất.	Chúng tôi hoạt động kinh doanh trên nền tảng chú trọng lợi ích dài hạn của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.	Chúng tôi đề cao sự cách tân và tinh sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của tất cả các hoạt động.	Chúng tôi chú trọng mọi hoạt động liên quan đến việc phát triển kiến thức và năng lực của nhân viên.	Chúng tôi luôn theo đuổi việc đem lại những gì đúng đắn, tốt đẹp cho khách hàng và lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ, hành động.





CÁC TỪ VIẾT TẮT:

Công ty	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Vinamilk	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
BĐH	: Ban Điều hành
KTNB	: Kiểm toán nội bộ
SCIC	: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Thông tin tài chính cơ bản	08
	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	10
THÔNG TIN CHUNG	Quá trình hình thành và phát triển	16
	Ngành nghề kinh doanh chính	19
	Danh mục sản phẩm tiêu biểu	20
	Địa bàn kinh doanh, hệ thống phân phối	36
	Thông tin cổ đông và cổ phần	40
	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm	42
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	Chiến lược phát triển Công ty	46
MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	Mô hình tập đoàn và các công ty con, liên doanh, liên kết	50
	Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý	60
	Giới thiệu Hội đồng Quản trị	62
	Giới thiệu Ban Kiểm soát	66
	Giới thiệu Ban Điều hành	68
BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	Báo cáo của Ban Kiểm soát	74
	Báo cáo giám sát Tổng Giám đốc của Hội đồng Quản trị	80
	Báo cáo giám sát Ban Điều hành của Hội đồng Quản trị	84
	Báo cáo Quản trị Công ty	86
	Báo cáo Quản lý rủi ro	98
	Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành	104
	» Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	104
	» Phân tích tình hình tài chính	106
	» Tình hình thực hiện các dự án đầu tư tài sản	107
	» Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	108
	» Phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi	110
	» Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	118
	» Các giải thưởng, danh hiệu đạt được trong năm	120
	» Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư	124
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG		130
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	Thông tin về Công ty	139
	Báo cáo của Ban Điều hành	140
	Báo cáo Kiểm toán độc lập	141
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	143
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	146
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	148
	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	150
	ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	194



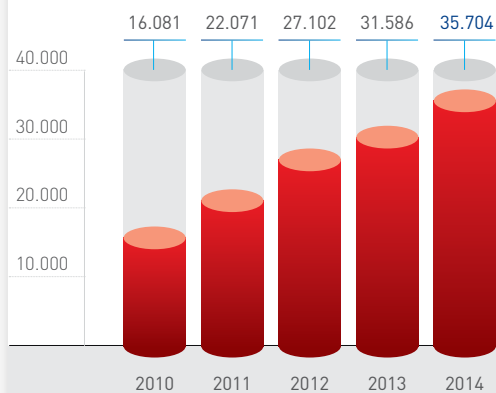
THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Hợp nhất, đã kiểm toán)

ĐVT: Tỷ đồng

TỔNG DOANH THU

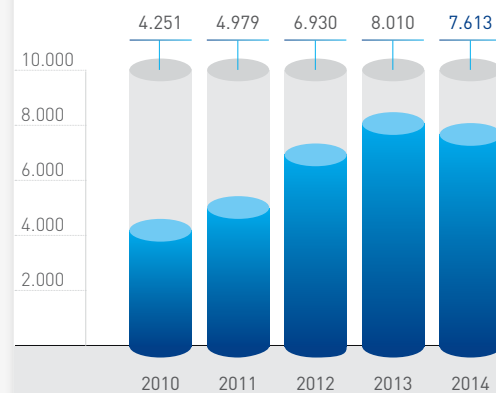
(tỷ đồng)



↑ 22%
TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

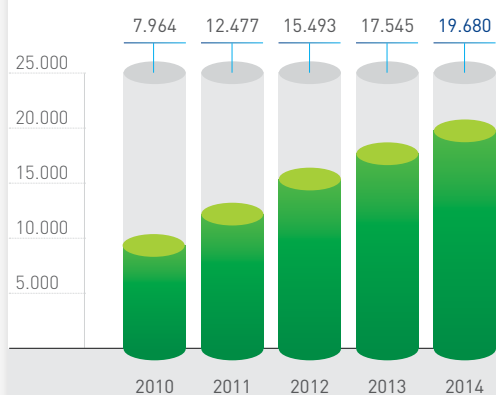
(tỷ đồng)



↑ 16%
TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN

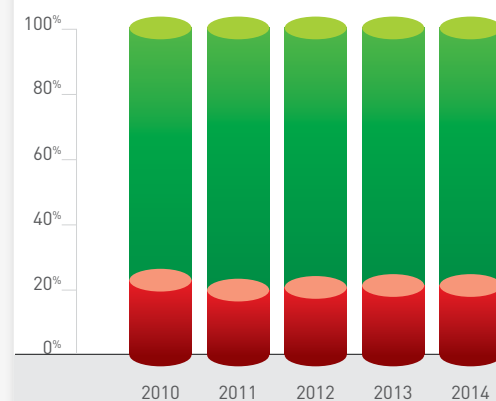
VỐN CHỦ SỞ HỮU

(tỷ đồng)



↑ 25%
TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN

CƠ CẤU VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ TỔNG NỢ



Vốn chủ sở hữu

Tổng nợ phải trả

Năm kết thúc 31/12

2010

2011

2012

2013

2014

KẾT QUẢ KINH DOANH

Tổng doanh thu	16.081	22.071	27.102	31.586	35.704
Doanh thu thuần	15.753	21.627	26.562	30.949	34.977
Lợi nhuận gộp	5.174	6.588	9.077	11.183	12.308
<i>Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần</i>	<i>32,8%</i>	<i>30,5%</i>	<i>34,2%</i>	<i>36,1%</i>	<i>35,2%</i>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.643	4.751	6.630	7.712	7.309
Thu nhập khác	609	237	287	255	245
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(0)	(9)	13	44	60
Lợi nhuận trước thuế	4.251	4.979	6.930	8.010	7.613
Lợi nhuận sau thuế	3.616	4.218	5.819	6.534	6.068
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	<i>23,0%</i>	<i>19,5%</i>	<i>21,9%</i>	<i>21,1%</i>	<i>17,3%</i>
Lãi trên cổ phiếu (đồng)	6.834	5.145	6.981	6.533	6.068

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản ngắn hạn	5.920	9.468	11.111	13.019	15.522
Tài sản dài hạn	4.853	6.115	8.587	9.856	10.248
Tổng tài sản	10.773	15.583	19.698	22.875	25.770
Nợ ngắn hạn	2.645	2.947	4.145	4.956	5.453
Nợ dài hạn	164	159	60	351	517
Tổng nợ phải trả	2.809	3.105	4.205	5.307	5.970
Vốn chủ sở hữu	7.964	12.477	15.493	17.545	19.680
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	23	120
Tổng nguồn vốn	10.773	15.583	19.698	22.875	25.770

LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN

Lợi nhuận trước thuế	4.251	4.979	6.930	8.010	7.613
Khấu hao và phân bổ	290	415	535	786	1.033
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	3.892	5.001	7.087	8.402	8.153
Dòng tiền thuần từ kinh doanh	2.019	2.411	5.295	6.252	5.328
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(643)	6	(4.974)	(1.590)	(3.873)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.188)	126	(2.225)	(3.168)	(2.673)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	613	3.157	1.252	2.746	1.528



THÔNG điệp CỦA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“TRONG BỐI CẢNH GIÁ SỮA THẾ GIỚI BIẾN ĐỘNG, KHÔNG ỔN ĐỊNH, VIỆC ĐẦU TƯ CÁC TRANG TRẠI CHĂN NUÔI BÒ SỮA VÀ CHỦ ĐỘNG NGUỒN NGUYÊN LIỆU SỮA TƯƠI TẠI CHỖ LÀ MỘT MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC QUAN TRỌNG VÀ LÀ HƯỚNG ĐI LÂU DÀI GIÚP VINAMILK NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, TĂNG TỶ LỆ NỘI ĐỊA HÓA NGUỒN NGUYÊN LIỆU”.

KÍNH GỬI
QUÝ CỔ ĐÔNG!

1 TẬP ĐOÀN DINH DƯỠNG
HÀNG ĐẦU
TẠI VIỆT NAM

DẪN ĐẦU TOP 50 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT LỚN NHẤT VIỆT NAM VỚI DOANH THU TRÊN 1,6 TỶ USD.

Năm 2014 là một năm nhiều biến động với tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, tổng cầu tăng chậm và tình hình an ninh chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp. Ngành sữa Việt Nam phải đối mặt với giá nguyên liệu sữa tăng cao cả trong và ngoài nước, chịu nhiều ràng buộc mang tính luật định trong hoạt động kinh doanh của ngành. Trong bối cảnh đó, Vinamilk đã phấn đấu và

vượt qua khó khăn để hoàn thành mục tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, tiếp tục khẳng định vị thế và danh tiếng Vinamilk trên thương trường.

Trong năm 2014, Vinamilk đã vinh dự được tạp chí Forbes Việt Nam vinh danh là một trong 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, có kết quả kinh doanh vượt trội trong ngành và đem lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư. Ngoài ra, tạp chí Nikkei Asian Review đã chọn Vinamilk là một trong 5 Doanh nghiệp lớn và uy tín của Việt Nam vào danh sách 122 Công ty hàng đầu tại khu vực Đông Nam Á. Kết thúc năm 2014, Vinamilk đạt tổng doanh thu là 35.704 tỷ đồng (tăng 13% so với năm 2013), tổng lợi nhuận trước thuế là 7.613 tỷ đồng, giá trị vốn hóa của Vinamilk hiện nay hơn 95,6 nghìn tỷ đồng.

Bên cạnh đó, với định hướng nhất quán về chiến lược phát triển bền vững, Vinamilk tiếp tục duy trì và nâng cao các hoạt động và chương trình nhằm mang lại các giá trị



TOP 100

DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT ASEAN
VỀ VỐN HÓA DO TỔ CHỨC TÍN
NHIỆM QUỐC TẾ STANDARD AND
POOR'S (S&P'S) BÌNH CHỌN.

bền vững trên các khía cạnh kinh tế - xã hội - môi trường cho các bên liên quan: Khách hàng - Nhân viên - Đối tác - Cổ đông - Xã hội & Cộng đồng. Nổi bật trong năm 2014 có thể kể đến là các chương trình: Bảo vệ môi trường, đạt Chứng nhận Global G.A.P., giải thưởng Công nghiệp Thực phẩm Toàn cầu 2014, chương trình Quản trị viên tập sự, Quỹ sữa “Vươn cao Việt Nam”...

Bước sang năm mới 2015, với những tín hiệu khả quan trong ngành, nhu cầu bán lẻ dự báo tiếp tục tăng trưởng ở mức cao, sự ổn định của luật định cũng như sự chuẩn bị kỹ càng về các nguồn lực, các kế hoạch kinh doanh, quản trị sự thay đổi, Vinamilk tiếp tục đặt ra các mục tiêu phù hợp và thách thức liên quan tới quản trị công ty, nâng cao vị thế trên thị trường. Đặc biệt, Vinamilk đặt mục tiêu duy trì vị trí số một trên thị trường sữa Việt Nam; đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng thông qua việc đa dạng và tối ưu hóa danh mục sản phẩm và dịch vụ, củng cố và gia tăng thị phần của tất cả các ngành hàng.

Thay mặt Vinamilk, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng, Quý Cổ đông, các Đối tác đã tin tưởng và ủng hộ Vinamilk trong suốt thời gian qua. Tôi tin rằng với những nỗ lực cao nhất của tất cả chúng ta, Vinamilk sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu 2015 và hướng tới các mục tiêu chiến lược trong các năm tới.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2015.



MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

35.704

TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU NĂM 2014
(tăng 13% so với năm 2013)



ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ
GLOBAL
G.A.P.

TẬP HỢP NHU CẦU **PHÁT TRIỂN** **NGUYÊN LIỆU**

Tại Đông Nam Á, chỉ duy nhất trang trại bò sữa Vinamilk được **chứng nhận đạt chuẩn Global G.A.P** và là 5 trong 7 trang trại trên toàn châu Á đạt tiêu chuẩn quốc tế này. Tất cả bò giống tại Vinamilk được nhập khẩu từ Úc và New Zealand, giống bò cao cấp thuần chủng **HF 100%** với đầy đủ thông tin phá hệ 3 đời gần nhất.

THÔNG TIN CHUNG

- 16 Quá trình hình thành và phát triển
- 19 Ngành nghề kinh doanh chính
- 20 Danh mục sản phẩm tiêu biểu
- 36 Địa bàn kinh doanh, hệ thống phân phối
- 40 Thông tin cổ đông và cổ phần
- 42 Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân là Công ty sữa, café Miền Nam, trực thuộc Tổng Cục Công nghiệp thực phẩm, với 2 đơn vị trực thuộc là Nhà máy sữa Thống Nhất và Nhà máy sữa Trường Thọ.

Công ty có thêm nhà máy bột Bích Chi, nhà máy bánh Lubico và nhà máy café Biên Hòa.

Công ty được chuyển cho Bộ Công nghiệp Thực phẩm quản lý và Công ty được đổi tên thành Xí nghiệp liên hợp sữa café và bánh kẹo I.

Nhà máy sữa bột Dielac đi vào hoạt động và sản phẩm sữa bột và bột dinh dưỡng trẻ em lần đầu tiên ra mắt tại Việt Nam.

Cuộc "cách mạng trắng" khởi đầu hình thành chương trình xây dựng vùng nguyên liệu sữa tươi. Lần đầu tiên giới thiệu sản phẩm sữa UHT và sữa chua tại thị trường Việt Nam.

Xí nghiệp liên hợp sữa café và bánh kẹo I được chính thức đổi tên thành Công ty sữa Việt Nam và thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp nhẹ.

Trong chiến lược mở rộng, phát triển và đáp ứng nhu cầu thị trường Miền Bắc Việt Nam, Công ty xây dựng Nhà máy sữa Hà Nội.

Ngày 7/10/1994, Công ty thành lập Chi nhánh bán hàng tại Hà Nội, quản lý kinh doanh các tỉnh thuộc khu vực miền Bắc.

Liên doanh với Công ty cổ phần đông lạnh Quy Nhơn để thành lập Xí nghiệp liên doanh sữa Bình Định. Đưa nhà máy sữa Hà Nội đi vào hoạt động.

Tháng 5/1996, công ty thành lập Chi nhánh bán hàng Đà Nẵng, quản lý kinh doanh các tỉnh thuộc khu vực miền Trung.

Để mở rộng và phát triển việc kinh doanh các sản phẩm Vinamilk tại thị trường các tỉnh miền Tây Nam Bộ, công ty thành lập chi nhánh bán hàng Cần Thơ.

Khánh thành và đưa nhà máy sữa Cần Thơ tại miền Tây đi vào hoạt động.

Chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào tháng 11 năm 2003 và đổi tên thành Công ty cổ phần sữa Việt Nam cho phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty.

Công ty thực hiện chiến lược đầu tư ra nước ngoài bằng việc liên doanh xây dựng một nhà máy chế biến sữa tại New Zealand với vốn góp 10 triệu USD, bằng 19,3% vốn điều lệ.

Nhận chuyển nhượng 100% vốn từ Công ty TNHH F&N Việt Nam và đổi tên thành Nhà máy sữa bột Việt Nam. Đây là dự án xây mới 100% nhà máy sữa bột thứ hai của Công ty.

Mua thâu tóm 100% cổ phần còn lại tại Công ty cổ phần sữa Lam Sơn để trở thành Công ty TNHH một thành viên sữa Lam Sơn.

Khánh thành và đưa Nhà máy nước giải khát tại Bình Dương đi vào hoạt động.

Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Vinamilk đã được Forbes Asia vinh danh và trao giải thưởng Top 200 doanh nghiệp xuất sắc nhất khu vực châu Á năm 2012. Đây là lần đầu tiên và duy nhất một công ty Việt Nam được Forbes Asia ghi nhận trong danh sách này.

Mua cổ phần chi phối 55% của Công ty sữa Lam Sơn vào tháng 9 năm 2007, có trụ sở tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần sữa Lam Sơn.

Khánh thành và đưa nhà máy sữa Tiên Sơn tại Hà Nội đi vào hoạt động.

Tháng 9, khánh thành trang trại bò sữa Nghệ An. Đây là trang trại bò sữa hiện đại nhất Việt Nam với quy mô trang trại là 3.000 con bò sữa.

Mua thâu tóm Công ty cổ phần sữa Sài Gòn. Tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.590 tỷ đồng.

Mua số cổ phần còn lại của đối tác liên doanh trong Công ty liên doanh sữa Bình Định, đổi tên Công ty Liên doanh Sữa Bình Định thành Nhà máy sữa Bình Định. Khánh thành Nhà máy sữa Nghệ An vào ngày 30 tháng 06 năm 2005.

Vinamilk chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19 tháng 01 năm 2006.

Tháng 6, khánh thành Phòng khám An Khang tại TP. Hồ Chí Minh chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng, tư vấn nhi khoa và khám sức khỏe tổng quát tất cả các chuyên khoa. Đây là phòng khám đầu tiên tại Việt Nam được quản trị bằng hệ thống thông tin điện tử.

Tháng 11, khởi động chương trình trang trại bò sữa bắt đầu từ việc mua trang trại bò sữa Tuyên Quang với khoảng 1.400 con bò sữa. Trang trại này đi vào hoạt động ngay sau đó.

Tháng 6/2012, Nhà máy sữa Đà Nẵng đi vào hoạt động và chính thức sản xuất thương mại.

Ngày 21/10/2013, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty TNHH Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa. Trong đó, Vinamilk nắm giữ 96,11% vốn điều lệ và trở thành công ty mẹ nắm quyền chi phối tại doanh nghiệp này.

Ngày 06/12/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 663/BKHĐT-ĐTRNN cho Công ty về việc Công ty mua cổ phần chi phối (70%) tại Driftwood Dairy Holding Corporation, tại bang California, Mỹ.

Ngày 06/01/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 667/BKHĐT-ĐTRNN cho Công ty về việc góp vốn 51% với một đối tác nước ngoài để thành lập Công ty Angkor Dairy Products Co., Ltd tại Campuchia. Mục tiêu hoạt động là xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm sữa cho thị trường Campuchia. Dự kiến nhà máy này sẽ đi vào hoạt động vào cuối năm 2015.

Ngày 27/05/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 709/BKHĐT-ĐTRNN cho Công ty về việc góp 100% vốn thành lập công ty con Vinamilk Europe Spółka Z Organizacją Odpowiedzialnością tại Ba Lan. Mục tiêu hoạt động là buôn bán động vật sống, nguyên liệu sản xuất sữa, sữa, các chế phẩm từ sữa, thực phẩm và đồ uống.

1976 1978 1989

1991 1992 1994

1996 1998 2001 2003

2004 2005 2006

2007 2008 2009

2010 2012 2013 2014



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2014 như sau:

- Chế biến, sản xuất và kinh doanh sữa tươi, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng, sữa chua, sữa đặc, sữa đậu nành, nước giải khát và các sản phẩm từ sữa khác.
- Chăn nuôi: Chăn nuôi bò sữa, cung cấp giống vật nuôi và kỹ thuật nuôi; các hoạt động trồng trọt.

Trong đó, hoạt động chăn nuôi nhằm mục đích chính là cung cấp sữa tươi nguyên liệu đầu vào cho sản xuất các sản phẩm từ sữa của Công ty.

CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:



Sản phẩm sữa:

Chiếm trên 95% tổng doanh số của Công ty.
Bao gồm các ngành hàng:

- Sữa bột và bột dinh dưỡng
- Sữa đặc
- Sữa nước: Sữa tươi thanh trùng, sữa tươi tiệt trùng, sữa tiệt trùng, sữa chua uống
- Sữa chua ăn
- Các sản phẩm từ sữa khác: Kem, phô mai



Sản phẩm nước giải khát:

Đóng góp dưới 5% tổng doanh thu của Công ty.

Các sản phẩm chính bao gồm:

- Sữa đậu nành
- Nước ép trái cây các loại: Táo, cam, nho,...
- Trà các loại: Trà xanh nha đam, trà nấm Linh Chi và trà artiso
- Nước giải khát: Nước uống đóng chai, chanh muối, nước mơ ngâm,...



DANH MỤC

SẢN PHẨM TIÊU BIỂU**Có hơn 250 sản phẩm với các ngành hàng chính:**

- ◆ Sữa nước
- ◆ Sữa chua
- ◆ Sữa bột và bột dinh dưỡng
- ◆ Sữa đặc có đường
- ◆ Kem, phô mai
- ◆ Sữa đậu nành, nước trái cây và nước giải khát



SỮA NƯỚC



SỮA TƯƠI 100%



Sữa tươi 100%
thanh trùng



Sữa tươi 100%
tiệt trùng



Sữa tươi 100% tiệt trùng
nhập khẩu từ New Zealand



SỮA TIẾT TRÙNG BỔ SUNG VI CHẤT



Dành cho trẻ em
ADM+



Dành cho người lớn
Flex



Sữa không lactoza
Flex



SỮA TIẾT TRÙNG “DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY”



Fino



SỮA CHUA UỐNG



Probi



Susu

SỮA CHUA ĂN



Sữa chua Trắng

Sữa chua 100% Sữa Tươi



Ozela



Vinamilk



Nha Đam



Probi



Susu



Probeauty

VINAMILK
dielac
GROW **MỚI**

**BÉ CAO THẬT CAO
CHO MẸ TỰ HÀO**

dielac
GROW
Đặc chế hỗ trợ phát triển chiều cao

Grow-Pro
HÀM TÁC DỤNG CAO

Grow-Pro
PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO
+30% Tăng thêm 30% Canxi
x2 Tăng gấp đôi Vitamin D3

Để cải thiện tầm vóc mai sau, bé cần nguồn
dưỡng chất đặc chế phát triển chiều cao.
Đôi pha mỗi Dielac Grow với công thức Grow-Pro giàu đạm và năng lượng,
tăng thêm 30% Canxi và gấp đôi Vitamin D3, theo khuyến nghị của
DRI Hoa Kỳ, giúp bé phát triển chiều cao tốt hơn.

VINAMILK
dielac
Alpha
GOLD

**Mẹ chăm bé khéo,
bé khỏe thông minh**

MỚI
Công thức Opti-Grow IQ™
đặc chế hỗ trợ phát triển trí não cho bé

Với 2 lần DHA và đặc biệt được bổ sung Lutein từ tập đoàn DSM Thụy Sĩ,
công thức dinh dưỡng Opti-Grow IQ™ giúp hỗ trợ bé phát triển trí não tốt hơn.
Với Dielac Alpha Gold, mẹ đã chọn được nguồn dinh dưỡng bổ sung đặc chế
phù hợp cho bé.

2x DHA
Opti-Grow IQ

VINAMILK
dielac
Alpha
GOLD

SỮA BỘT DÀNH CHO MẸ VÀ BÉ



Dielac Mama



Optimum Mama

SỮA BỘT DÀNH CHO NGƯỜI LỚN

Sản phẩm dinh dưỡng toàn diện
cho người cao tuổiSản phẩm giúp
chắc xương - khớp khỏeSản phẩm dành cho người
bị bệnh tiểu đường

Dielac Alpha



Dielac Alpha Gold



Dielac Grow

Sản phẩm
giảm cân

Dinh dưỡng hàng ngày



Dielac Optimum



Dielac Pedia



VINAMILK
RiDIELAC
Bột ăn dặm - Infant cereal with milk

BỘT ĂN DẶM YẾN MẠCH GÀ ĐẬU HÀ LAN

**Đôi dào dinh dưỡng
Cho bé lớn khôn**



Yến mạch - Vua của ngũ cốc nay có trong bột ăn dặm RiDIELAC Yến Mạch Gà Đậu Hà Lan MỚI với:

- Chất xơ tự nhiên và 88-12™ giúp bé dễ tiêu hóa
- Vitamin A, C, D3 hỗ trợ miễn dịch
- Lysin và Vitamin nhóm B cho bé ngon miệng hơn
- DHA và Lutein hỗ trợ phát triển trí não

Dòng sản phẩm RiDIELAC với nhiều hương vị ngọt mặn đa dạng giúp mẹ thoải mái lựa chọn cho "Vua bé" ăn ngon chóng lớn.

BỘT DINH DƯỠNG RiDIELAC



BỘT DINH DƯỠNG RiDIELAC VỊ NGỌT



BỘT DINH DƯỠNG RiDIELAC VỊ MẶN



SỮA ĐẶC CÓ ĐƯỜNG



Sữa đặc Ngôi Sao Phương Nam



Sữa đặc Ông Thọ

KEM – PHÔ MAI



Kem Vinamilk



Kem Nhóc kem



Phô mai miếng

Nạp năng lượng mát lạnh

B2
B3
B6

VINAMILK
OZELA
SỮA CHUA LƯƠNG MÁT LẠNH

Sữa chua uống
OZELA

SỮA ĐẬU NÀNH, NƯỚC TRÁI CÂY & NƯỚC GIẢI KHÁT



SỮA ĐẬU NÀNH



GoldSoy Giàu Đạm



GoldSoy Canxi-D



GoldSoy Canxi-D
Hương Bắp



NƯỚC TRÁI CÂY



Nước trái cây Vfresh



Nước trái cây
đa sinh tố Vfresh Juki



Nước trái cây sữa
Vfresh Smoothie



NƯỚC GIẢI KHÁT



Nước nha đam
Vfresh



Nước chanh muối
ICY



Nước đóng chai
ICY



Trà nấm
Lincha



Trà atisô
Vfresh



ĐỊA BÀN KINH DOANH

VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

SỮA CHUA, SỮA TƯƠI VÀ NƯỚC TRÁI CÂY
ĐÃ CÓ MẶT TRÊN CÁC HẰNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ

SẢN PHẨM CỦA
VINAMILK CÓ MẶT TẠI

650

SIÊU THỊ LỚN NHỎ
TRÊN TOÀN QUỐC

Công ty có địa bàn hoạt động trên phạm vi cả nước và vươn ra nước ngoài.

TRONG NƯỚC:

Công ty có 13 nhà máy sản xuất để đáp ứng nhu cầu thị trường của cả 03 miền Bắc, Trung, Nam. Văn phòng bán hàng cũng được thành lập tại Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ để vận hành hệ thống phân phối trên cả nước. Cụ thể như sau:

» Khối sản xuất và kho vận:

- 13 nhà máy sản xuất: 03 nhà máy tại TP. HCM, 03 nhà máy tại Bình Dương, 01 nhà máy tại TP. Biên Hòa, 01 nhà máy tại TP. Cần Thơ, 01 nhà máy tại Đà Nẵng, 01 nhà máy tại Nghệ An, 01 nhà máy tại Bình Định, 01 nhà máy tại Thanh Hóa, 01 nhà máy tại Tiên Sơn.
- 02 xí nghiệp kho vận tại Hồ Chí Minh và Hà Nội, phụ trách kho bãi và vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm.

» **Khối kinh doanh:** 03 văn phòng bán hàng tại Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ.

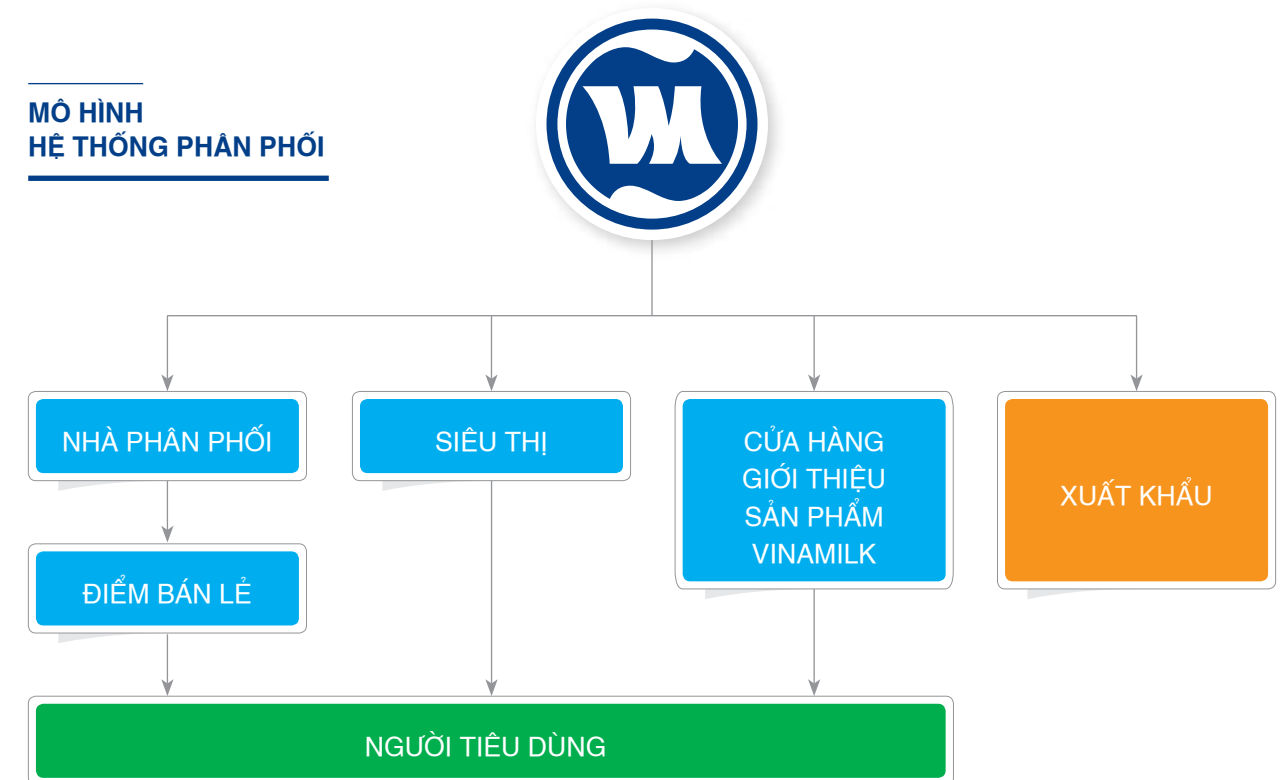
» **Khối phát triển vùng nguyên liệu:** Vui lòng xem trang 110 để biết thêm chi tiết.

» **Phòng khám An Khang:** 01 phòng khám tại Hồ Chí Minh với hoạt động chính là khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên Vinamilk và phục vụ người dân.

NƯỚC NGOÀI:

- 01 công ty liên kết - Miraka Limited, sản xuất sữa bột và sữa tươi tại New Zealand.
- 01 công ty con - Driftwood Dairy Holding Corporation, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sữa tại Bang California, Hoa Kỳ.
- 01 công ty con - Angkor Dairy Products Co., Ltd, sản xuất sản phẩm sữa. Công ty này đang trong quá trình xây dựng nhà máy và dự kiến đi vào hoạt động vào quý 3 năm 2015.
- 01 công ty con - Vinamilk Europe Spółka Z Organizacją Odpowiedzialnością, buôn bán động vật sống, nguyên liệu sản xuất sữa, sữa, các chế phẩm từ sữa, thực phẩm và đồ uống.

MÔ HÌNH HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



NHÀ PHÂN PHỐI:

Tính đến tháng 12/2014, Công ty có 268 nhà phân phối độc quyền và các nhà phân phối này bán hàng đến hơn 215.000 điểm bán lẻ trên toàn quốc.

SIÊU THỊ:

Sản phẩm của Vinamilk có mặt ở 650 siêu thị lớn nhỏ trên toàn quốc. Tuy nhiên, hệ thống siêu thị tại Việt Nam chủ yếu tập trung tại các tỉnh, thành phố lớn và chưa phát triển mạnh nên siêu thị chỉ đóng góp khoảng 9% doanh số nội địa.

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM VINAMILK:

Đây là chuỗi cửa hàng giới thiệu sản phẩm của Vinamilk. Đến cuối năm 2014, Công ty có 74 cửa hàng trên toàn quốc. Kế hoạch sẽ đạt 110 cửa hàng trong năm 2015 và đến năm 2017 sẽ đạt 500 cửa hàng.

XUẤT KHẨU:

Xuất khẩu đóng góp khoảng 10% vào doanh số Công ty. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là sữa bột, bột dinh dưỡng và sữa đặc có đường. Trong năm 2014, Công ty xuất khẩu đi 29 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty vẫn duy trì xuất khẩu đi các thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông và Đông Nam Á, đồng thời phát triển các thị trường mới tại Châu Phi và Trung Mỹ.

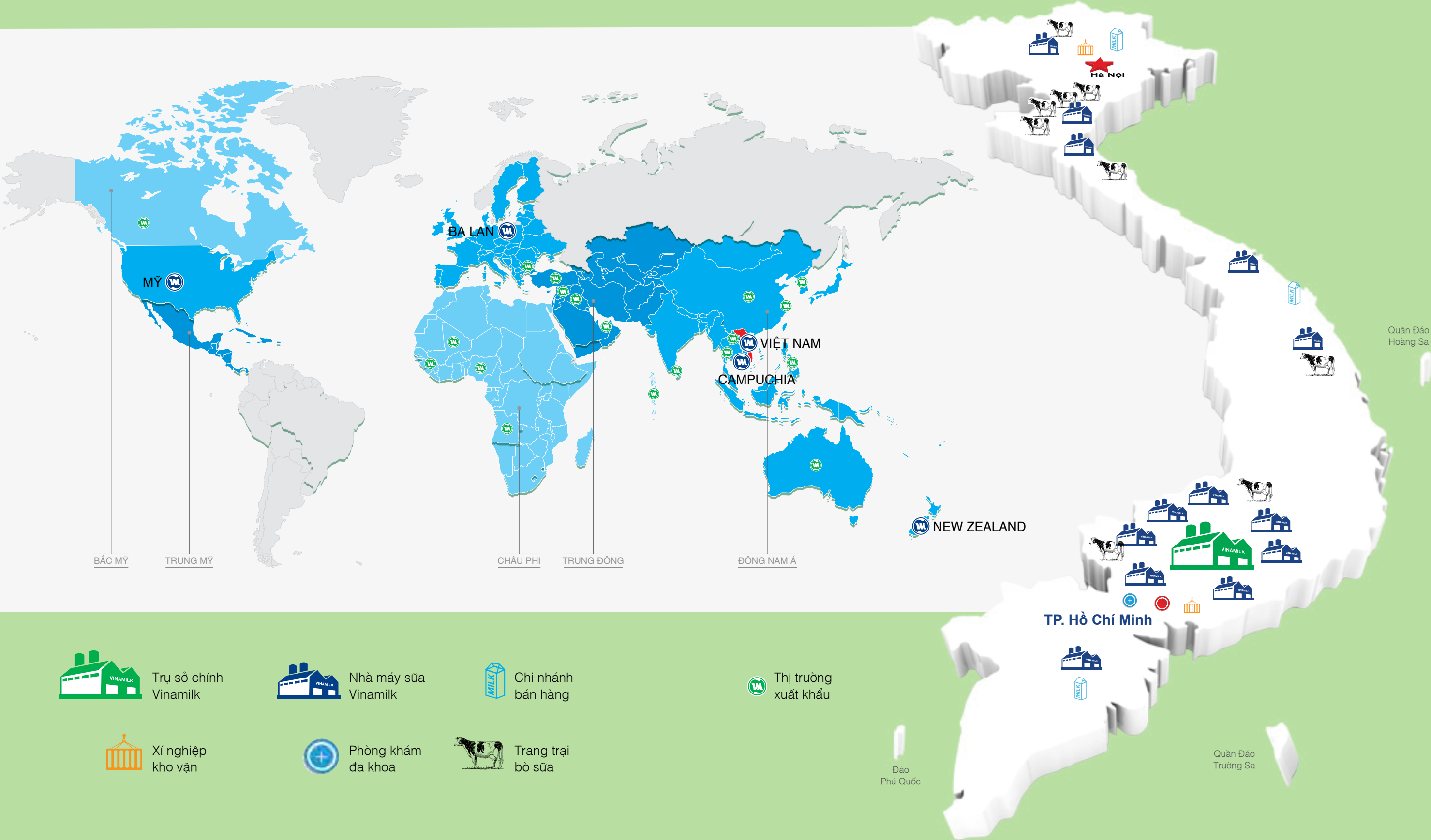


XUẤT KHẨU ĐI

29

QUỐC GIA
VÀ VÙNG LÃNH THỔ

ĐỊA BÀN KINH DOANH
VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI (tt)

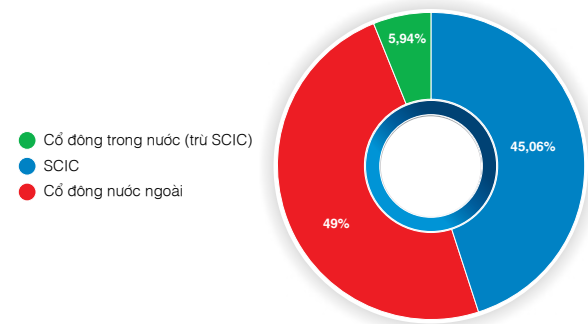




THÔNG TIN
CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN

CỔ PHẦN: Tính đến ngày 31/12/2014, vốn điều lệ của Công ty như sau:

• Vốn điều lệ	: 10.006.413.990.000 đồng
• Mệnh giá 1 cổ phiếu	: 10.000 đồng
• Khối lượng cổ phiếu niêm yết	: 1.000.641.399 cổ phiếu
• Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 1.000.118.604 cổ phiếu
• Cổ phiếu quỹ	: 522.795 cổ phiếu



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Theo danh sách chốt gần nhất ngày 15/08/2014 như sau:

Cơ cấu cổ đông của Công ty không thay đổi so với năm 2013: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) nắm giữ 45,06%, cổ đông nước ngoài nắm giữ 49% và cổ đông trong nước nắm giữ 5,94% vốn điều lệ của Công ty.

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% vốn điều lệ
Tổng số cổ đông	11.300	1.000.118.604	99,95%
Cổ phiếu quỹ	1	522.795	0,05%
	11.301	1.000.641.399	100,00%
Trong đó:			
Cổ đông trong nước	10.137	510.276.136	51,00%
• Tổ chức	90	457.987.135	45,77%
• Cá nhân	10.047	52.289.001	5,23%
Cổ đông nước ngoài	1.164	490.365.263	49,00%
• Tổ chức	229	486.673.623	48,64%
• Cá nhân	935	3.691.640	0,36%



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN: Theo danh sách chốt gần nhất ngày 15/08/2014 (đã bao gồm số lượng cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ trong năm theo tỷ lệ phát hành 5:1) như sau:

STT	Tên cổ đông	Quốc tịch	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	Việt Nam	450.878.400	45,06%
2	F&N Dairy Investment Pte Ltd (*)	Singapore	95.408.982	9,53%

(*) Theo Công bố thông tin của F&N Dairy Investment Pte Ltd ngày 21/08/2014, họ đã mua thêm 15.000.000 cổ phiếu. Do đó, họ đang nắm giữ 110.408.982 cổ phiếu, tương đương 11,03%.

Trong năm, cổ đông lớn Deutsche Bank AG London đã công bố thông tin giảm tỷ lệ sở hữu từ 5,19% xuống còn 4,92% và không còn là cổ đông lớn của Vinamilk kể từ ngày 04/04/2014.

Ngoài các giao dịch trên, số lượng cổ phiếu của SCIC và F&N Dairy Investment Pte Ltd. Tăng so với năm 2013 lần lượt là 75.146.400 và 15.901.497 cổ phiếu từ việc Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ phát hành là 5:1.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:

Trong năm, Công ty có 04 đợt mua thu hồi với số lượng là 34.060 cổ phiếu của nhân viên do họ nghỉ việc hoặc điều chuyển công tác theo quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên. Số cổ phiếu quỹ tính đến ngày 31/12/2014 là 522.795 cổ phiếu.



PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM

Căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ 2014 ngày 25/04/2014, Công ty đã phát hành cổ phiếu để tặng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

• Mục đích phát hành	: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
• Ngày giao dịch không hưởng quyền	: 13/08/2014
• Loại cổ phiếu	: Phổ thông
• Mệnh giá	: 10.000 đồng/ cổ phiếu
• Số cổ phiếu đã phân phối	: 166.685.603 cổ phiếu
• Số cổ đông được phân phối	: 11.300 cổ đông
• Ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE của cổ phiếu phát hành	: 30/09/2014
• Vốn điều lệ tăng thêm	: 1.666.856.030.000 đồng
• Vốn điều lệ sau khi phát hành	: 10.006.413.990.000 đồng





CHẤT LƯỢNG HÀNG ĐẦU DINH DƯỠNG THUẦN KHIẾT

Cùng với chứng nhận Global G.A.P., năm 2014, Vinamilk đánh dấu thành tích đáng tự hào với giải thưởng Công nghiệp Thực phẩm Toàn cầu (IUFOST). Một lần nữa, Vinamilk đã thực sự khẳng định tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng sản phẩm mang thương hiệu Vinamilk.

Với sự đầu tư toàn diện để có được nguồn dinh dưỡng thuần khiết, Vinamilk luôn cam kết chất lượng sản phẩm đối với người tiêu dùng, nỗ lực góp phần cải thiện tầm vóc trẻ em Việt Nam, khẳng định uy tín chất lượng của Vinamilk ở thị trường trong nước, tạo bước đệm hoàn hảo để đưa sản phẩm sữa Việt Nam tiến sâu hơn vào thị trường thế giới.



MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC



CÁC MỤC TIÊU TÀI CHÍNH

- » Giữ vững vị trí là công ty sữa số 1 tại Việt Nam, kiên trì với mục tiêu đạt mức doanh số 3 tỷ USD vào năm 2017 và tiến gần đến đích trở thành một trong 50 công ty sữa lớn nhất thế giới.
- » Duy trì việc phân chia cổ tức hàng năm cho các cổ đông, với tỷ lệ cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận sau thuế.

KHÁCH HÀNG:

- » Đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý và hệ thống phân phối rộng khắp Việt Nam.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- » Được công nhận là doanh nghiệp có cơ cấu, quản trị điều hành chuyên nghiệp.
- » Xây dựng môi trường làm việc với điều kiện tốt nhất, giúp nhân viên phát huy tối đa khả năng và đóng góp vào thành tựu toàn Công ty, giữ vững vị trí là một trong 10 nơi làm việc lý tưởng tại Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC

VÀ CÁC BƯỚC ĐI TRONG TƯƠNG LAI

Chiến lược và các bước đi quan trọng tạo ra đòn bẩy cho việc đạt sứ mệnh của Vinamilk năm 2015 gồm có:



KHÁCH HÀNG

Đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng thông qua việc đa dạng và tối ưu hóa danh mục sản phẩm, dịch vụ của Vinamilk.

QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC CHIẾN LƯỢC

Thực thi và áp dụng các phương pháp quản trị nhân sự tiên tiến để nâng cao năng lực tất cả các cấp quản lý và nhân viên, qua đó nâng cao chất lượng công việc và hiệu suất làm việc.

HỆ THỐNG VÀ QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Khuyến khích ứng dụng những kiến thức và thực hành tốt trên thế giới về “cải thiện” để hoàn thiện hệ thống với đặc tính hiệu quả, tinh gọn; Tối ưu hóa chuỗi giá trị trong chuỗi hoạt động cũng như chuỗi hỗ trợ; Gia tăng lợi thế cạnh tranh qua giải pháp tích hợp dọc.

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Không ngừng đưa vào thực tiễn những kiến thức và thực hành tốt trên thế giới về quản trị.





HỘI TỰ NHÂN TÀI PHÁT HUY SÁNG TẠO

Tại Vinamilk, chúng tôi có được một đội ngũ nhân lực mà chúng tôi tin rằng ít doanh nghiệp nào có được. Họ gắn bó với Vinamilk từ hàng chục năm nay, kể từ công nhân, kỹ sư, quản lý, lãnh đạo và họ luôn nhiệt tình cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Vinamilk.

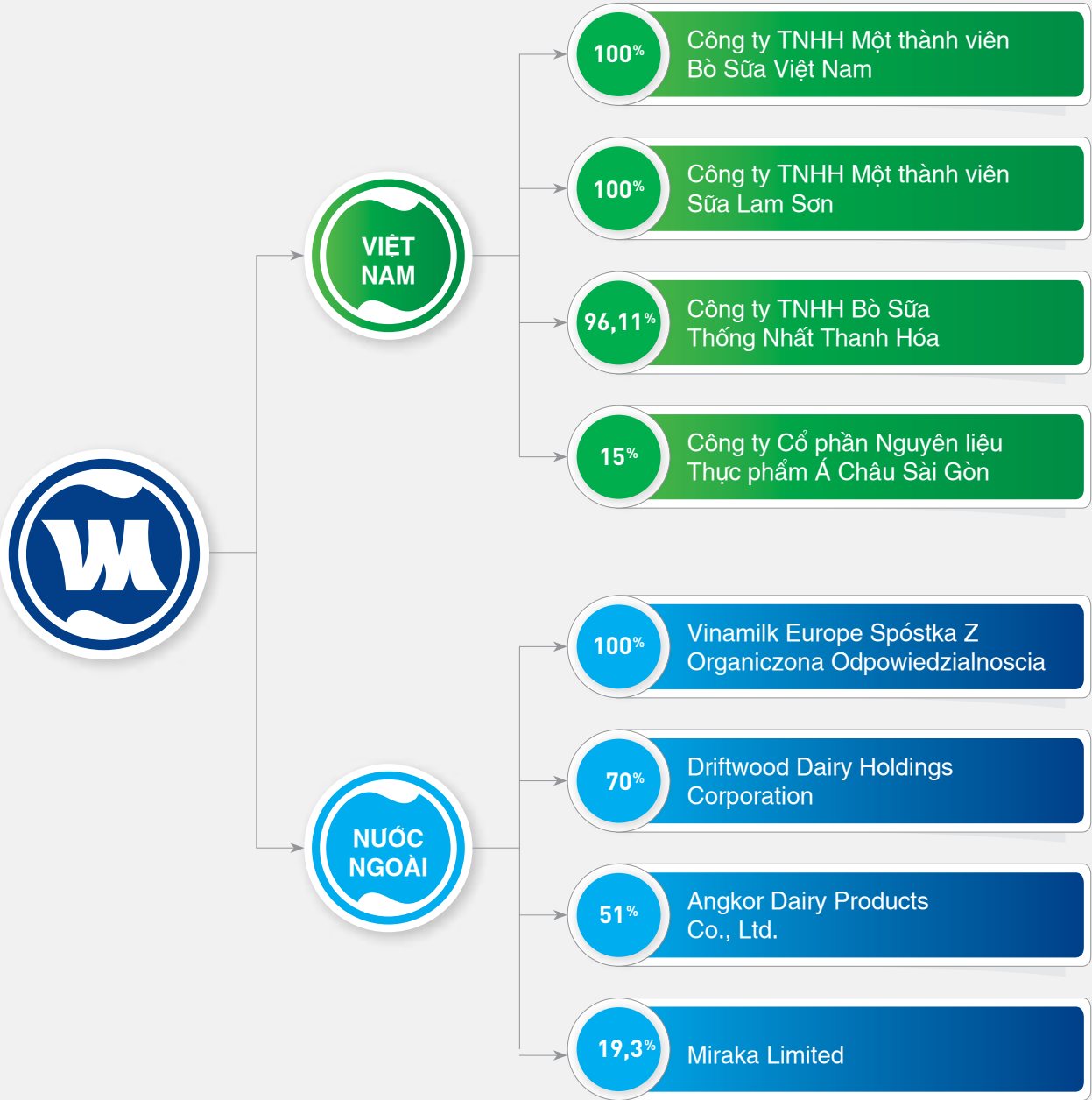
Một điều quan trọng hơn nữa là họ luôn đoàn kết và sáng tạo, không theo lối mòn, không đi theo xu hướng đám đông, dám đi ngược lại xu thế nếu tin tưởng quyết định của mình là hiệu quả. Chính những ưu thế đó giúp Vinamilk có được những bước phát triển đột phá và giữ vững vị thế tiên phong tại thị trường Việt Nam.

MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

- 50 Mô hình tập đoàn và các công ty con, liên doanh, liên kết
- 60 Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- 62 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 66 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 68 Giới thiệu Ban Điều hành



MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN
VÀ CÁC CÔNG TY CON, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT



CÔNG TY CON:

STT	Tên công ty	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100%	100%
2	Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn	100%	100%
3	Vinamilk Europe Spółka Z Organiczna Odpowiedzialnoscia	100%	100%
4	Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	96,11%	96,11%
5	Driftwood Dairy Holdings Corporation	70%	70%
6	Angkor Dairy Products Co., Ltd.	51%	51%

CÔNG TY LIÊN KẾT:

STT	Tên công ty	Quyền sở hữu	Quyền biểu quyết
7	Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	15%	15%
8	Miraka Limited	19,3%	19,3%



Ngày 24/02/2014, HĐQT Công ty đã thông báo quyết định giải thể công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế. Thủ tục giải thể đã hoàn tất trong tháng 01/2015.

1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÒ SỮA VIỆT NAM



Đàn bò sữa tung tăng trên cánh đồng cỏ xanh mướt tại trang trại Thanh Hóa



Hệ thống vắt sữa tự động hiện đại tại trang trại của Vinamilk.



Trung tâm trung chuyển sữa Vinamilk

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5000258824, đăng ký lần đầu ngày 11/07/2007.

Mục tiêu hoạt động: Chăn nuôi bò sữa, xây dựng các trang trại bò sữa hạt nhân để cung cấp giống và hỗ trợ kỹ thuật công nghệ chăn nuôi bò cho nông dân nhằm tạo nguồn cung sữa tươi nguyên liệu chất lượng và ổn định cho nhu cầu của Vinamilk.

Các trang trại đều được đầu tư tốt về con giống, thức ăn đầu vào chất lượng, chuồng trại và công nghệ vắt sữa tiên tiến của Châu Âu để đảm bảo nguồn sữa tươi nguyên liệu có chất lượng tốt nhất. Đây là nguồn sữa nguyên liệu cung cấp để sản xuất dòng sản phẩm sữa tươi nguyên chất 100% cho các nhà máy của công ty mẹ Vinamilk.

Sản phẩm chính: Bò sữa giống và sữa tươi nguyên liệu

Trong năm, công ty đã đưa vào hoạt động thêm 02 trang trại bò sữa, nâng tổng số trang trại đang quản lý là 07 trang trại, bao gồm trang trại Tuyên Quang, Nghệ An, Bình Định, Lâm Đồng, Hà Tĩnh, Thanh Hóa 1, Nhu Thanh với tổng đàn có 10.930 con (2013: 8.818 con).

Các thông tin tài chính cơ bản:

(Tỷ đồng)	2014	2013	% tăng
Tổng doanh thu	440	347	27%
Lợi nhuận trước thuế	17	1	1.600%
Lợi nhuận sau thuế	17	1	1.600%
Tổng tài sản	1.227	1.137	8%

Vốn điều lệ đăng ký là 1.550 tỷ đồng. Vốn thực góp tại thời điểm 31/12/2014 là 1.174 tỷ đồng. Vốn đăng ký còn lại sẽ được góp theo nhu cầu vốn để xây dựng các dự án trang trại bò sữa.

Vui lòng xem trang 114 để biết thêm thông tin về chiến lược phát triển vùng nguyên liệu sữa.

2

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
SỮA LAM SƠN



Công ty hiện có 01 nhà máy sản xuất sữa đặt tại Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Theo quy hoạch thì nhà máy này sản xuất chủ yếu sữa thanh trùng, sữa chua uống và sữa chua ăn mang thương hiệu Vinamilk, phục vụ nhu cầu thị trường tại các vùng lân cận.

Các thông tin tài chính cơ bản:

(Tỷ đồng)	2014	2013	% tăng
Tổng doanh thu	384	299	28%
Lợi nhuận trước thuế	38	33	15%
Lợi nhuận sau thuế	35	31	13%
Tổng tài sản	600	331	81%

Trong năm, công ty đã đăng ký tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 780 tỷ đồng để thực hiện các dự án nâng cấp nhà máy, đầu tư dây chuyền sữa chua uống Susu chai. Tính đến 31/12/2014, vốn thực góp từ Vinamilk là 360 tỷ đồng. Số vốn đăng ký còn lại sẽ góp theo tiến độ các dự án.

3

VINAMILK EUROPE SPÓSTKA Z
ORGANICZONA ODPOWIEDZIALNOSCIA



Ngày 27/05/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 709/BKHĐT-ĐTRNN về việc góp 100% vốn thành lập công ty con Vinamilk Europe Spółka z ograniczoną odpowiedzialnością tại Ba Lan.

Mục tiêu hoạt động: Buôn bán động vật sống, nguyên liệu sản xuất sữa, sữa, các chế phẩm từ sữa, thực phẩm và đồ uống.

4

CÔNG TY TNHH BÒ SỮA THỐNG NHẤT
THANH HÓA



Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2013. Đây là Công ty TNHH Hai thành viên có vốn điều lệ 600 tỷ đồng do Vinamilk góp 96,11% và công ty TNHH Một Thành viên Thống Nhất Thanh Hóa góp 3,89%.

Mục tiêu hoạt động: Thành lập trung tâm chăn nuôi bò sữa với kỹ thuật, công nghệ cao và phát triển đàn bò ra ngoài dân để cung cấp sữa tươi nguyên liệu cho Vinamilk. Đây là công ty con mới thành lập nằm trong chiến lược phát triển vùng nguyên liệu sữa cho Vinamilk.

Trang trại sẽ áp dụng những tiến bộ công nghệ chăn nuôi bò sữa tiên tiến hàng đầu trên thế giới trong chăm sóc, nuôi dưỡng, kiểm soát dịch bệnh, khai thác sữa, quản lý đàn và bảo vệ môi trường. Đồng cỏ sẽ trồng những loại cây thức ăn thô xanh chất lượng cao, công nghệ canh tác, tưới tiêu, thu hoạch bằng máy móc cơ giới hiện đại với quy mô tổng đàn là 25.000 con bò.

Hiện nay, công ty đang trong giai đoạn đầu tư cơ sở hạ tầng và triển khai xây dựng.

5 DRIFTWOOD DAIRY HOLDINGS CORPORATION



Driftwood được thành lập bởi gia đình Dolan ở El Monte, California vào giữa những năm 1920 và liên tục được sở hữu bởi gia đình họ cho đến khi Marwit Capital mua thâu tóm công ty vào năm 2006.

Ngày 06/12/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 663/BKHĐT-ĐTRNN cho Công ty về việc mua cổ phần chi phối (70%) tại Driftwood Dairy Holdings Corporation, tại Bang California, Mỹ. Ngày 31/12/2013, Vinamilk chính thức nắm giữ 70% vốn của Tập đoàn này.

Mục tiêu hoạt động: Driftwood là một trong những nhà sản xuất sữa lớn nhất California và là người cung cấp sữa dẫn đầu ở thị trường phía Nam California.

Sản phẩm chính: Công ty chế biến và phân phối đa dạng những sản phẩm từ sữa có thương hiệu Driftwood. Tổng cộng có khoảng 659 sản phẩm:

- » Sữa: Sữa tươi, Sữa sôcôla, Sữa có hương vị, Sữa đậu nành, Sữa không đường;
- » Nước ép: Cam, Táo, Dâu rừng, Cherry, Nho, Thơm, rượu pân trái cây;
- » Thực phẩm thương mại: Bao gồm sữa chua, kem, phô mai, trứng, phô mai tách sữa, kem chua, sữa lên men và bánh mì.

Năm 2014 là năm đầu tiên Driftwood được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Vinamilk.

Vui lòng xem thêm thông tin về tập đoàn sữa Driftwood tại website: www.driftwooddairy.com

6 ANGKOR DAIRY PRODUCTS CO., LTD.



Ngày 06/01/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 667/BKHĐT-ĐTRNN cho Công ty về việc góp vốn 51% với một đối tác nước ngoài để thành lập Công ty Angkor Dairy Products Co., Ltd. tại Campuchia.

Mục tiêu hoạt động: Xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm sữa cho thị trường Campuchia.

Dự kiến nhà máy này sẽ bắt đầu đi vào hoạt động vào quý 3 năm 2015.

Công suất: Nhà máy có công suất thiết kế ban đầu trên 19 triệu lít sữa tươi tiệt trùng, 64 triệu hũ sữa chua và 80 triệu hộp sữa đặc.

7

MIRAKA LIMITED



Ngày 11/09/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư số 389/BKH-ĐTRNN cho Công ty về việc góp vốn với các đối tác nước ngoài để thành lập Miraka Limited tại trung tâm Đảo Bắc, New Zealand. Đây là dự án đầu tư ra nước ngoài đầu tiên của Vinamilk.

Mục tiêu hoạt động: Sản xuất các sản phẩm sữa bột và sữa nước cao cấp bán ra thị trường quốc tế.

Miraka đi vào hoạt động tháng 8/2011 và đạt công suất 100% vào tháng 8/2012.

Năm 2014, Miraka Limited tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất sữa tươi 100% nguyên chất để xuất khẩu sang các nước khác.

Các thông tin tài chính cơ bản (năm tài chính kết thúc 31/7):

(NZD)	2014	2013	% tăng
Tổng doanh thu	247.107.394	164.023.200	51%
Lợi nhuận trước thuế	20.290.513	7.612.073	167%
Lợi nhuận sau thuế	14.004.318	5.494.223	155%
Tổng tài sản	149.153.638	111.478.786	34%

8

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM
Á CHÂU SÀI GÒN (AFI)



Được thành lập ngày 07/05/2008 với vốn điều lệ 120 tỷ đồng. Trong đó, Vinamilk tham gia góp vốn 18 tỷ đồng, chiếm 15%. AFI tọa lạc tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Bình Dương với tổng diện tích trên 42.000 m².

AFI là công ty tiên phong tại Việt Nam chuyên sản xuất các loại bột kem không sữa (Non Dairy

Creamer) và các nguyên liệu thực phẩm khác với chất lượng cao, được dùng trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Nhà máy có công suất 11.000 tấn/năm và được trang bị hệ thống máy móc hiện đại theo công nghệ sấy phun của Đan Mạch.

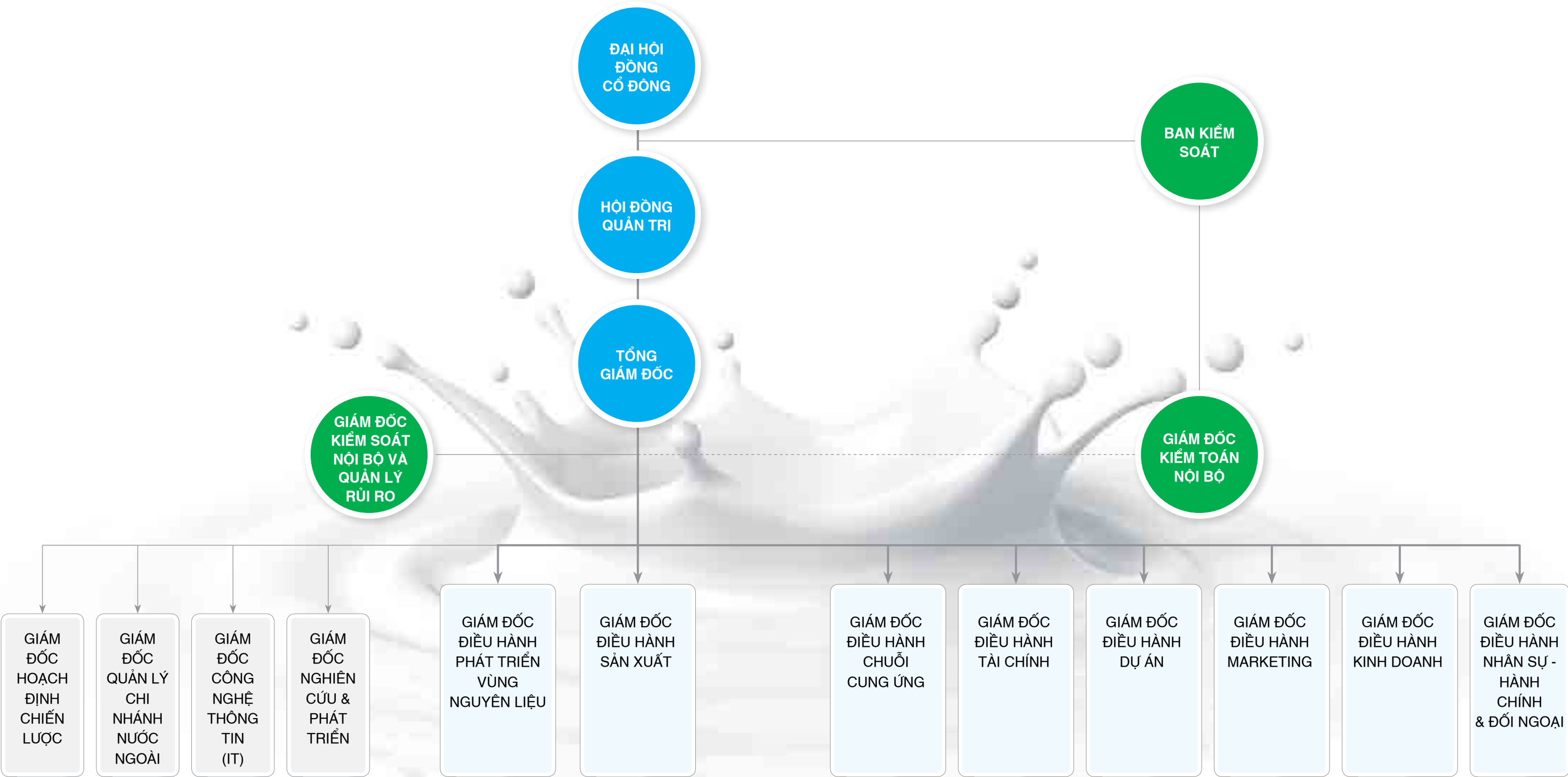
Vui lòng xem website Công ty tại địa chỉ www.afi.vn để biết thêm thông tin.

Các thông tin tài chính cơ bản:

(Tỷ đồng)	2014	2013	% tăng
Tổng doanh thu	615	402	53%
Lợi nhuận trước thuế	96	72	3%
Lợi nhuận sau thuế	89	71	25%
Tổng tài sản	373	252	48%



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ





GIỚI THIỆU

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHIỆM KỲ HIỆN TẠI CỦA HĐQT (2012 - 2016) VỚI SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN 07 NGƯỜI.

Những thay đổi liên quan đến HĐQT trong năm như sau:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/04/2014 đã thông qua việc bổ nhiệm Ông Ng Jui Sia vào HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2016. Ông là đại diện vốn của F&N Dairy Investments Pte Ltd, được bầu vào HĐQT để thay thế ông Pascal De Petrini từ nhiệm khỏi vị trí thành viên HĐQT kể từ ngày 23/05/2013.
- HĐQT đã thông qua nghị quyết chấp thuận việc từ nhiệm của Ông Hà Văn Thắm khỏi vị trí thành viên HĐQT của Công ty kể từ ngày 11/03/2014.



Do chưa bầu bổ sung được thành viên mới, nên HĐQT hiện tại bao gồm 06 thành viên như sau:

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Lai	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Ng Jui Sia	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà Lê Thị Băng Tâm	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Điều hành Tài chính



BÀ MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

- Từ tháng 8/1976 đến tháng 8/1980, Bà là Kỹ sư Công nghệ phụ trách phân xưởng sữa đặc có đường tại Nhà máy Sữa Trường Thọ.
- Từ tháng 9/1980 đến tháng 2/1982, Bà là Kỹ sư Công nghệ tại phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Liên hiệp Sữa - Cà phê và Bánh kẹo I.
- Từ tháng 2/1982 đến tháng 6/1983, Bà là Phó Giám đốc Kỹ thuật phụ trách sản xuất tại Nhà máy Sữa Thống Nhất.
- Sau khi hoàn tất khóa đào tạo tại Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad tại Liên Bang Xô Viết (nay là nước Nga), năm 1984 Bà được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh tế tại Xí nghiệp Liên hiệp Sữa - Cà phê và Bánh kẹo I.
- Tháng 12/1992, Bà được đề bạt vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam.
- Từ năm 1996 đến năm 2001, Bà là Ủy viên Trung ương Đảng khóa VIII.
- Ngày 14/11/2003, Bà được bầu vào HĐQT và giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty qua ba nhiệm kỳ liên tiếp: 2003 - 2007; 2007 - 2011 và 2012 - 2016.

Bà Liên tốt nghiệp Đại học từ năm 1976 về chế biến thịt và sữa tại Moscow, Nga. Bà cũng tốt nghiệp chứng chỉ Quản lý Kinh tế thuộc Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga và chứng chỉ Quản lý chính trị của Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.

- Năm 2001, Bà được Nhà nước trao Huân chương Lao động Hạng Hai.
- Năm 2005, Bà được Nhà nước phong tặng Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.
- Năm 2006, Bà được trao tặng Huân chương Lao động Hạng Nhất.

Các giải thưởng Bà được vinh danh trong nước và quốc tế:

- Tháng 2/2012: "Một trong 50 Nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á", do tạp chí Forbes Asia bình chọn.
- Tháng 5/2012: "Một trong 51 Nhà lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc nhất châu Á", do tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia) bình chọn.
- Tháng 1/2013: "Một trong những CEO xuất sắc nhất Châu Á trong lĩnh vực Quan hệ với nhà đầu tư", do tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia) bình chọn.
- Tháng 3/2013: "Nữ Doanh nhân xuất sắc nhất Châu Á", do tạp chí Forbes bình chọn (lần 2).
- Tháng 1/2014: "Nhà lãnh đạo doanh nghiệp số 1 tại Việt Nam", do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn.
- Tháng 3/2014: "Top 50 Nữ Doanh Nhân quyền lực nhất Châu Á", do tạp chí Forbes bình chọn (lần 3).
- Tháng 9/2014: "Nhà Quản trị doanh nghiệp xuất sắc" do Tạp chí Quản trị doanh nghiệp Châu Á (Corporate Governance Asia Annual Recognition Awards 2014) bình chọn.
- Tháng 1/2015: "50 nhà lãnh đạo doanh nghiệp - Mark of Respect", do tạp chí Nhịp cầu đầu tư bình chọn.
- Tháng 2/2015: "Doanh nhân văn hóa vì sự nghiệp xây dựng & phát triển đất nước" do Trung tâm văn hóa doanh nhân bình chọn.
- Tháng 2/2015: "Top 50 Nữ Doanh Nhân quyền lực nhất Châu Á", do Tạp chí Forbes bình chọn (lần 4).

Các chức vụ Bà đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hiệp hội Sữa Việt Nam nhiệm kỳ 2010 - 2015.
- Thành viên Hội đồng Quản trị tại Miraka Limited.
- Thành viên Hội đồng Quản trị tại Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- Đại diện chủ sở hữu tại Vinamilk Europe Spółka Z Organizacją Odpowiedzialnością.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)



ÔNG LÊ SONG LAI

Thành Viên Hội đồng Quản trị
không điều hành

Là thành viên Hội đồng Quản trị từ tháng 04/2012.

Quá trình công tác của Ông như sau:

- Từ tháng 8/1994 đến tháng 10/1996: Luật sư, Công ty Luật Freshfields, Chi nhánh Hà Nội.
- Từ tháng 10/1996 đến tháng 11/2003: Chuyên viên Vụ Bảo hiểm - Bộ Tài chính.
- Từ tháng 11/2003 đến tháng 8/2006: Vụ phó Vụ Bảo hiểm - Bộ Tài chính.
- Từ tháng 8/2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.

Các chức vụ Ông đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
- Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
- Thành viên Hội đồng Quản trị (kiêm nhiệm) - Công ty Cổ phần FPT.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên (kiêm nhiệm) - Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Trảng Tiền.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên (kiêm nhiệm) - Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC.

Ông Lai là Thạc sĩ Luật trường Đại học Cambridge, Anh Quốc.



ÔNG LÊ ANH MINH

Thành Viên Hội đồng Quản trị
không điều hành

Ông Minh tốt nghiệp Cử nhân Đại học Ngân Hàng năm 1991, sau đó tốt nghiệp Cao học Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng Quốc tế của trường Kinh doanh Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ. Năm 1991, Ông bắt đầu làm việc cho Công ty Peregrine Capital Việt Nam phụ trách về tài chính và mảng đầu tư của các tổ chức tài chính. Trong thời gian đó, Ông Minh đã hoàn thành việc tiếp quản lần đầu tiên tại Việt Nam một ngân hàng thương mại địa phương (NH Đại Nam) và tái cơ cấu thành công một năm sau đó. Ông là Phó Tổng Giám đốc ngân hàng Đại Nam từ năm 1994 - 1996, phụ trách bộ phận Phát triển kinh doanh và tín dụng. Sau đó, Ông làm Giám đốc Tài chính 4 năm cho tập đoàn Coca Cola chuyên trách về Đông Dương. Ông gia nhập Công ty Dragon Capital Group Limited vào năm 2002 với chức danh Phó Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm chính các hoạt động Tài chính của Tập đoàn. Bên cạnh hoạt động tài chính doanh nghiệp, Ông hiện đang là thành viên của nhiều Hội đồng Đầu tư của các quỹ đầu tư và Công ty chứng khoán.

Ông Minh là nghiên cứu sinh Fulbright (1996 - 1998) và là hội viên của Hiệp Hội Kế toán Úc (CPA - Australia).



ÔNG NG JUI SIA

Thành Viên Hội đồng Quản trị
không điều hành

Ông Ng Jui Sia được HĐQT bổ nhiệm làm thành viên HĐQT của Công ty kể từ ngày 23/05/2013.

Ông Ng Jui Sia có kinh nghiệm sâu rộng về quản lý tại Hồng Kông, Trung Quốc, Nam Á, Malaysia và Singapore. Ông là Tổng Giám đốc của Fraser & Neave Holdings Bhd từ năm 2010. Ông giữ chức vụ thành viên HĐQT của Công ty Cocoland Holding Berhad và Công ty Malaysia Smelting Corporation Bhd. Trước đó, Ông là Tổng Giám đốc của Times Publishing Ltd. thuộc tập đoàn Fraser & Neave từ năm 2006 đến 2010. Từ năm 1999 đến năm 2006, Ông là Giám đốc Điều hành (Managing Director) của F&N Coca Cola (Malaysia) Sdn Bhd. Từ năm 1995 đến 1999, Ông là Giám đốc (General Manager) của F&N Coca Cola Singapore. Trước khi tham gia Fraser & Neave, Ông là Giám đốc Điều hành khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của CarnaudMetalbox, South China Region từ năm 1989 đến 1995.

Ông Ng Jui Sia tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh của Đại học Quốc gia Singapore năm 1977. Ông cũng là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng (Associate of Institute of Chartered Accountants) của Anh và xứ Wales từ năm 1981.



BÀ LÊ THỊ BẰNG TÂM

Thành Viên Hội đồng Quản trị
độc lập

Quá trình công tác của Bà như sau:

- Từ 1969 đến tháng 10/1974: Giảng viên trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội.
- Từ 1974 đến 1982: Cán bộ, Phó trưởng phòng Vụ Cán đối tài chính - Bộ Tài chính.
- Từ 1982 đến 1984: Học Quản lý kinh tế tại trường Đại học Leningrat Liên Xô.
- Từ 1984 đến 1985: Phó trưởng phòng Vụ Cán đối tài chính - Bộ Tài chính.
- Từ 1985 đến 1987: Phó vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ và đào tạo.
- Từ 1987 đến 1989: Nghiên cứu sinh trường Đại học Leningrat Liên Xô.
- Từ 1989 đến 1995: Phó cục trưởng, Cục trưởng, Tổng Giám đốc Kho Bạc Nhà nước Trung ương.
- Từ 1995 đến 2006: Thủ trưởng - Ủy viên Ban cán sự Bộ Tài chính. Trong thời gian này, Bà còn là thành viên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Hội đồng chính sách tiền tệ quốc gia, Ủy viên Ủy ban hợp tác kinh tế quốc tế, Các ban chỉ đạo ODA, Đầu tư nước ngoài các chương trình dự án lớn của Chính phủ.
- Từ 2006 đến 2008: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Sau khi nghỉ hưu, Bà làm tư vấn tài chính cao cấp cho một số tổ chức tài chính.
- Từ 15/03/2010 đến 11/06/2010: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.
- Từ 12/06/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HD Bank).

Bà tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Kế toán Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội năm 1969. Bà cũng tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế Tài chính Leningrat, Liên Xô. Và Bà đã nhận chứng chỉ Tài chính Quốc tế, Trường Noth University London, Anh Quốc.

Các chức vụ Bà đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (HD Bank).
- Tư vấn tài chính cho một số doanh nghiệp Bảo hiểm, Đầu tư tài chính.



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG

Thành viên HĐQT
Giám đốc Điều hành Tài chính

Là Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính từ tháng 3/2005. Bà gia nhập Công ty từ năm 1985 với vị trí phân tích tài chính, đến tháng 1/1995 Bà giữ chức vụ phó Phòng Kế toán Thống kê của Công ty Sửa Việt Nam. Bà giữ chức vụ này đến tháng 12/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán Thống kê từ tháng 1 đến tháng 2/1998. Từ tháng 2/1998 đến tháng 3/2005, Bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách phòng kế toán của Công ty Sửa Việt Nam. Tháng 3/2005, Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài chính. Kể từ 20/8/2009 chức vụ của Bà Trang được đổi thành Giám đốc Điều hành Tài chính.

Bà Trang tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán năm 1984, Đại học Tài chính Kế toán Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà cũng đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh năm 1998.



GIỚI THIỆU
BAN KIỂM SOÁT

NHIỆM KỲ HIỆN TẠI
CỦA BAN KIỂM SOÁT (2012 – 2016) VỚI
SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN 04 NGƯỜI.

Những thay đổi liên quan đến BKS
trong năm như sau:

- Ông Nguyễn Đình An, đề cử bởi Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước và được ĐHĐCĐ bầu vào BKS nhiệm kỳ 2012 - 2016 để thay thế cho Ông Nguyễn Ngọc Vũ Chương đã từ nhiệm ngày 08/04/2014.



ÔNG NGUYỄN TRUNG KIÊN

Trưởng Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 3/2009.

Ông Kiên hiện là Giám đốc Công ty TNHH MDKT. Từ năm 2001, Ông là Chuyên viên phân tích về mua bán, sáp nhập công ty và tài chính doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư Credit Suisse First Boston, Singapore. Sau đó, Ông Kiên chuyển sang làm Chuyên viên về cấu trúc tài chính tại chi nhánh Commonwealth Bank của Úc ở New York, Mỹ. Từ năm 2004 đến 2005, Ông là Chuyên viên cao cấp trong bộ phận phát triển doanh nghiệp, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động mua bán, sáp nhập của ngân hàng OCBC, Singapore. Sau đó, Ông chuyển sang làm Chuyên viên cao cấp về đầu tư cho tập đoàn Temasek Holdings, Singapore. Ông là sáng lập viên và là Giám đốc Điều hành của TNK Capital tại Việt Nam từ đầu năm 2008 đến năm 2011.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ứng dụng, ĐH Macquarie, Úc và sau đó lấy bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, ĐH Chicago, Mỹ.

BKS hiện tại bao gồm các thành viên sau:

Ông Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đình An	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên
Ông Vũ Trí Thức	Thành viên



ÔNG NGUYỄN ĐÌNH AN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông An là thành viên BKS từ tháng 4/2014.

Ông An hiện đang là Chuyên viên Ban Quản lý vốn Đầu tư 3 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa, thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Muối Ninh Thuận và Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa. Trước khi tham gia vào SCIC năm 2006, Ông là Chuyên viên Công ty Chứng khoán Vietcombank.

Ông An tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Ngân hàng – Tài chính) Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2003 và là Thạc sĩ Kinh tế của Đại học Staffordshire, UK, năm 2005.



BÀ NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Mai được bầu lại vào BKS từ tháng 4/2013. Trước đó, Bà Mai là thành viên BKS, rồi Trưởng BKS trong nhiệm kỳ 2007 – 2012.

Bà Mai có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng - Đầu tư. Từ năm 1993 đến 1997, Bà Mai giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Thương mại Quốc tế và Trưởng Bộ phận Tín dụng Doanh nghiệp tại ngân hàng ANZ, chi nhánh Hà Nội. Từ năm 1999 đến 2003, Bà là Chuyên viên Bộ phận Tín dụng Đầu tư Khách hàng Doanh nghiệp, sau đó giữ chức vụ Trưởng Bộ phận Tín dụng Cấu trúc Khối Thương mại Quốc tế và Hàng hóa tại Ngân hàng Đầu tư ANZ Singapore, phụ trách lĩnh vực quan hệ tín dụng với cấu trúc các sản phẩm tài trợ thương mại cho các khách hàng là các tập đoàn quốc tế trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Từ năm 2004 đến 5/2007, Bà là Quản trị viên cao cấp tại văn phòng đại diện của Công ty TNHH Tư vấn Openasia Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 6/2007, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, phụ trách lĩnh vực tư vấn tài chính tại Công ty TNHH Vinaconnect thuộc tập đoàn Openasia và giữ chức vụ này cho đến nay.

Bà Mai tốt nghiệp Cử nhân Đại học Ngoại ngữ Hà Nội năm 1991, chuyên ngành Ngữ văn Anh và là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Melbourne, Australia năm 1999.



ÔNG VŨ TRÍ THỨC

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Thức là thành viên BKS từ tháng 4/2013.

Ông Thức hiện đang là Trưởng ban Ban Tài chính Kế toán của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Trảng Tiền từ năm 2011 đến nay. Từ 2009 đến 2011, Ông là Phó Giám đốc CTCP Đầu tư Việt Nam - Ô Man. Từ 2008 đến 2011, Ông là Phó trưởng Ban Tài chính của SCIC. Từ 2007 đến 2008, Ông là chuyên viên Ban Tài chính của SCIC. Trước khi tham gia vào SCIC, từ năm 1999 đến 2007, Ông là Kiểm toán viên – Phó trưởng phòng kiểm toán của Công ty Kiểm toán Việt Nam – thành viên hãng kiểm toán Deloitte.

Ông Thức tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế (chuyên ngành Kế toán) của Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội (nay là Học viện Tài chính) năm 1998 và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trung tâm Pháp – Việt đào tạo về quản lý (CFVG) Hà Nội năm 2004. Ông cũng đã nhận chứng chỉ Kiểm toán viên của Bộ Tài chính năm 2004 và chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng của Học viện Tài chính năm 2008. Hiện nay, Ông là hội viên Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA).



GIỚI THIỆU

BAN ĐIỀU HÀNH
**TRONG NĂM, HĐQT ĐÃ THÔNG QUA
NHỮNG THAY ĐỔI NHÂN SỰ BAN
ĐIỀU HÀNH NHƯ SAU:**

- ◆ Bổ nhiệm Ông Phan Minh Tiên, sinh năm 1970 vào vị trí Giám đốc Điều hành Marketing kể từ ngày 20/05/2014.
- ◆ Bổ nhiệm Bà Bùi Thị Hương, sinh năm 1962 vào vị trí Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại kể từ ngày 01/08/2014.
- ◆ Bổ nhiệm Ông Trịnh Quốc Dũng, sinh năm 1962 vào vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu kể từ ngày 01/12/2014, thay thế cho Bà Nguyễn Thị Như Hằng nghỉ hưu theo chế độ.

**BÀ MAI KIỀU LIÊN**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Kiêm Tổng Giám đốc

(Vui lòng xem trang 63, phần “Giới thiệu Hội đồng Quản trị”)

**ÔNG MAI HOÀI ANH**

Giám đốc Điều hành Kinh doanh

Ông Mai Hoài Anh được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Kinh doanh từ tháng 5/2012. Ông đã có thời gian công tác tại Vinamilk hơn 16 năm qua ở các vị trí công tác như sau:

- ◆ Từ tháng 02/1996 đến tháng 04/2001: Nhân viên Xuất nhập khẩu – Phòng Xuất nhập khẩu.
- ◆ Từ tháng 05/2001 đến tháng 12/2003: Phó Phòng Xuất nhập khẩu.
- ◆ Từ tháng 01/2004 đến tháng 12/2004: Trưởng Phòng Xuất nhập khẩu.
- ◆ Từ tháng 01/2005 đến tháng 5/2012: Giám đốc Xuất nhập khẩu.
- ◆ Từ tháng 5/2012 đến nay: Giám đốc Điều hành Kinh doanh.

Ông Mai Hoài Anh tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh năm 2011 của Đại học Bolton, Anh Quốc.

**ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG**

Giám đốc Điều hành
Phát triển vùng nguyên liệu

Ông Trịnh Quốc Dũng gia nhập Công ty vào năm 2005 và được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành phát triển vùng nguyên liệu từ 01/12/2014. Trong thời gian công tác tại Vinamilk, Ông Dũng đã đảm nhiệm các vị trí:

- ◆ Từ tháng 02/2005 đến tháng 07/2012: Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Sữa Nghệ An.
- ◆ Từ tháng 08/2012 đến tháng 10/2012: Ông giữ chức vụ Trưởng Ban Tiếp nhận Nhà máy Sữa Việt Nam.
- ◆ Từ tháng 11/2012 đến tháng 12/2014: Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Sữa Việt Nam.
- ◆ Từ tháng 12/2014, Ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành phát triển vùng nguyên liệu.

Ông Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Năng lượng, tự động hóa tại Đại học Bách khoa Ô-đét-xa (thuộc Liên Xô cũ).

**BÀ NGUYỄN THỊ THANH HÒA**

Giám đốc Điều hành
Chuỗi cung ứng

Từ năm 1978 đến tháng 6/1983, Bà Hòa là giảng viên tại Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, Bà gia nhập Công ty năm 1983 với vị trí Kỹ sư chế biến tại Nhà máy Sữa Trường Thọ. Bà giữ chức Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Nhà máy Sữa Trường Thọ từ tháng 7/1991 đến 1999. Tháng 12/1999, Bà Hòa được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của Bà Hòa được đổi thành Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng, phụ trách phòng kế hoạch, xuất nhập khẩu, dịch vụ khách hàng, cung ứng điều vận và các xí nghiệp kho vận. Từ tháng 9/2013, Bà được luân chuyển sang chức vụ Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển Sản phẩm và giữ chức vụ này đến tháng 1/2015, Bà Hòa quay lại vị trí Giám đốc Điều hành chuỗi cung ứng.

Bà Hòa tốt nghiệp Cử nhân Đại học Công nghệ Chế biến Thịt và Sữa Maxxcova 1978 (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công nghệ Sinh học Ứng dụng Maxxcova), chuyên ngành Kỹ thuật Chế biến Sữa.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tt)



BÀ BUI THI HUONG

Giám đốc Điều hành
Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại

Bà Hương gia nhập Vinamilk từ tháng 8/2005 và được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại từ tháng 8/2014. Trước khi gia nhập Vinamilk, Bà Hương đã có 17 năm công tác tại Công ty Bóng đèn Điện Quang. Bà đã từng đảm nhiệm các vị trí Phó Phòng Kế hoạch vật tư, Trưởng Phòng tiêu thụ, Giám đốc Điều hành Kinh doanh, sau đó là Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh.

Trong thời gian công tác tại Vinamilk, Bà Hương đã đảm nhiệm các vị trí:

- Từ tháng 8/2005 đến tháng 11/2008: Bà giữ chức vụ Quản lý Hoạt động Đối ngoại.
- Từ tháng 12/2008 đến tháng 7/2014: Bà giữ chức vụ Giám đốc Đối ngoại.
- Từ tháng 8/2014, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại.

Bà có 2 bằng Cử nhân trong lĩnh vực Nga Văn và Kinh tế.



ÔNG NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Giám đốc Điều hành Sản xuất

Ông Khánh gia nhập Công ty từ tháng 01 năm 1988 với vị trí Kiểm tra chất lượng sản phẩm tại phòng Kiểm nghiệm của Nhà máy Sữa Thống Nhất. Đến 1996, Ông Khánh giữ chức vụ Phó Quản đốc phân xưởng sản xuất, và là Quản đốc phân xưởng sản xuất của Nhà máy Sữa Thống Nhất vào năm 1998. Năm 2003, Ông Khánh được điều động giữ chức vụ Quyền Giám đốc Nhà máy Sữa Cần Thơ. Năm 2004, ông được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Nhà máy Sữa Cần Thơ và giữ chức vụ này đến 09/2009. Sau đó, Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển Sản phẩm, phụ trách các nhà máy và Trung tâm Nghiên cứu phát triển & An toàn thực phẩm của Công ty đến tháng 9/2013. Từ tháng 9/2013, Ông được luân chuyển sang chức vụ Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng và giữ chức vụ này đến tháng 1/2015, Ông Khánh quay lại vị trí Giám đốc Điều hành sản xuất.

Ông Khánh tốt nghiệp Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987 chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm. Ông cũng tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1997 chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2001 chuyên ngành Ngữ văn Anh.



ÔNG PHAN MINH TIÊN

Giám đốc Điều hành
Marketing

Ông Phan Minh Tiên được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Marketing của Vinamilk từ tháng 05/2014. Trước khi gia nhập Vinamilk, Ông Tiên đã có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực marketing và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm tiêu dùng nhanh trong các tập đoàn đa quốc gia lớn như Unilever và Samsung. Trong đó, tại Unilever Việt Nam, Ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách ngành Thực phẩm, còn tại Samsung Việt Nam, Ông giữ vai trò Giám đốc Marketing.

Ông tốt nghiệp Học viện Quản lý Moscow, Nga năm 1996.



BÀ NGÔ THỊ THU TRANG

Thành viên Hội đồng Quản trị
Giám đốc Điều hành Tài chính

(Vui lòng xem trang 65, phần "Giới thiệu Hội đồng Quản trị")



ÔNG TRẦN MINH VĂN

Giám đốc Điều hành Dự án

Ông Văn gia nhập Công ty vào tháng 6/1981. Từ năm 1990 đến tháng 7/1994, Ông Văn là Phó Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất. Tháng 8/1994 đến tháng 6/2006, Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Sữa Thống Nhất. Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách phòng Dự án từ tháng 7/2006. Tháng 12/2006, Ông Văn cũng được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty con của Vinamilk là Công ty TNHH Một Thành viên đầu tư bất động sản Quốc tế. Kể từ 20/8/2009, chức vụ của Ông Văn được đổi thành Giám đốc Điều hành - phụ trách Khối Dự án.

Ông Văn tốt nghiệp Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh năm 1981. Ông cũng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Luật Thương mại năm 2001 và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2004.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

- 74 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 80 Báo cáo giám sát Tổng Giám đốc của Hội đồng Quản trị
- 84 Báo cáo giám sát Ban Điều hành của Hội đồng Quản trị
- 86 Báo cáo Quản trị Công ty
- 98 Báo cáo Quản lý rủi ro
- 104 Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành
 - 104 » Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 - 106 » Phân tích tình hình tài chính
 - 107 » Tình hình thực hiện các dự án đầu tư tài sản
 - 108 » Nghiên cứu và phát triển sản phẩm
 - 110 » Phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi
 - 118 » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
 - 120 » Các giải thưởng, danh hiệu đạt được trong năm
 - 124 » Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư

**ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ
KẾT TINH
CHẤT LƯỢNG**

Vinamilk là doanh nghiệp tiên phong trong việc đầu tư công nghệ với dây chuyền sản xuất tiên tiến bậc nhất thế giới dựa trên giải pháp tự động hóa Tetra Plant Master với chu trình khép kín từ khâu nguyên liệu đầu vào đến đầu ra sản phẩm.

Vinamilk là Hội viên sáng lập của Hội chất lượng thành phố Hồ Chí Minh.





BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa Quý vị cổ đông
của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Vinamilk”),

Bức tranh kinh tế vĩ mô năm 2014 đã có một số điểm sáng nhưng vẫn còn tồn tại rất nhiều khó khăn và rủi ro cho các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có Vinamilk. Mặc dù vậy, với sự nỗ lực, sáng tạo trong công việc và một nền tảng quản trị vững vàng, Vinamilk vẫn đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ. Song song với hoạt động kinh doanh chính, Công ty cũng tiếp tục nâng cao ý thức và năng lực quản trị rủi ro, kiểm tra giám sát trong toàn Công ty để hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn của mình.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) bao gồm bốn (04) thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2014, được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Điều hành (BDH), BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết tại Vinamilk để góp phần tăng hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.

Tổng kết các phiên họp của BKS

Trong năm 2014, BKS đã tổ chức bốn (04) phiên họp định kỳ hàng quý như sau:

Phiên họp/ Số thành viên tham gia	Nội dung chính
Phiên 1 25/4/2014	» Thảo luận về cách thức phối hợp với Kiểm toán độc lập trong quy trình kiểm toán báo cáo tài chính.
4/4	» Phê duyệt kế hoạch kiểm tra các quy trình kinh doanh chính của Vinamilk.
Phiên 2 26/7/2014	» Phân công lĩnh vực và trách nhiệm theo dõi, kiểm tra cho từng thành viên BKS.
3/4	» Thảo luận về một số nội dung sửa đổi trong Quy chế BKS.
	» Thảo luận về kết quả kiểm tra các quy trình kinh doanh chính của Vinamilk và kế hoạch làm việc 6 tháng tiếp theo.
Phiên 3 20/11/2014	» Thảo luận về các công việc đã triển khai trong 9 tháng, bao gồm:
4/4	» Các kết quả kiểm toán nội bộ;
	» Tình hình giám sát báo cáo tài chính;
	» Kết quả đợt công tác kiểm tra công ty con Driftwoods tại Mỹ của thành viên BKS Nguyễn Đình An kết hợp với Kiểm toán độc lập.
Phiên 4 26/1/2015	» Tổng kết các hoạt động của BKS và Kiểm toán nội bộ trong năm 2014.
4/4	» Thảo luận về thủ tục chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2015.

Ngoài 04 phiên họp chính như liệt kê bên trên, BKS còn thực hiện các trao đổi giữa các thành viên BKS qua email, điện thoại; tổ chức và tham gia nhiều cuộc họp với HDQT, Ủy ban Quản trị rủi ro của HDQT, Kiểm toán nội bộ (KTNB), Kiểm toán độc lập và với các đơn vị tư vấn tiềm năng nhằm hoàn thành các nhiệm vụ của BKS.

Tổng kết thù lao và chi phí cho các thành viên BKS

Thù lao và chi phí cho mỗi thành viên BKS trong năm tài chính 2014 được trình bày trong bảng sau:

Đơn vị: triệu VND	
Thành viên	Tổng cộng (*)
Nguyễn Trung Kiên <i>Trưởng ban</i>	576
Nguyễn Thị Tuyết Mai	480
Vũ Trí Thúc	480
Nguyễn Ngọc Vũ Chương <i>Từ nhiệm ngày 8/4/2014</i>	160
Nguyễn Đình An <i>Bổ nhiệm từ ngày 25/4/2014</i>	320
Tổng cộng	2.016
(*) bao gồm cả khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (nếu áp dụng).	
Về ngân sách chi cho ĐHCĐ trong năm 2014, BKS đã trình và được Đại hội phê duyệt ngân sách hoạt động là 403 triệu VND. Ngân sách này đã được sử dụng cho mục đích sau:	
Đơn vị: triệu VND	
Ngân sách được phê duyệt	403
Công tác phí của các thành viên BKS	(196)
Thù lao cho Thu ký BKS	(36)
Ngân sách còn lại	171

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tt)

BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC
CỦA BKSGiám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết
ĐHĐCĐ năm 2014

Trong năm 2014, Vinamilk đã triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào tháng 4/2014, bao gồm:

- » **Phân phối lợi nhuận năm 2013 và 2014:** Vinamilk đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi, hoàn thành chi trả cổ tức năm 2013 và đợt 1/2014.
- » **Kết quả kinh doanh năm 2014:** Trong năm 2014, do tình hình sức mua của nền kinh tế chưa phục hồi cùng với một số biến động về chính sách quản lý trong nước và biến động chính trị thế giới, Vinamilk chưa đạt 100% kế hoạch tổng doanh thu do ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên, Vinamilk vẫn vượt mức lợi nhuận trước thuế đã được ĐHĐCĐ giao.
- » **Tình hình đầu tư tài sản:** Toàn bộ giá trị giải ngân thực tế đạt 48% kế hoạch giải ngân đăng ký với ĐHĐCĐ.
- » **Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS:** Đầy đủ theo đúng mức do ĐHĐCĐ phê duyệt.

Giám sát tình hình tài chính năm 2014

BKS đã họp và trao đổi định kỳ với Kiểm toán độc lập của Vinamilk (Công ty TNHH KPMG Việt Nam cho năm 2014, sau đây gọi là KPMG) về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Vinamilk. Định kỳ hàng quý, BKS thực hiện rà soát

phân tích thông tin, số liệu trên báo cáo tài chính của Vinamilk.

Căn cứ các báo cáo định kỳ và số liệu phân tích do HĐQT trình bày tại các cuộc họp HĐQT, hàng quý và báo cáo kiểm toán cả năm vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, BKS đánh giá năm 2014 Vinamilk có tình hình tài chính rất tốt, kết quả kinh doanh phản ánh thực chất nỗ lực hoạt động của Công ty trong năm:

- » Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao; và
- » Kết quả lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinamilk vượt chỉ tiêu do ĐHĐCĐ phê duyệt vào đầu năm 2014.



Giám sát tình hình hoạt động năm 2014

a. Hệ thống Quản trị rủi ro

BKS đã theo dõi sát sao và góp phần thúc đẩy việc triển khai hoàn thiện hệ thống Quản trị rủi ro (ERM) của Vinamilk thông qua việc trao đổi thường xuyên và đóng góp ý kiến với Ủy ban Quản lý rủi ro (HĐQT) và lãnh đạo Vinamilk về tiến độ phát triển của hệ thống ERM.

b. Hoạt động kiểm tra của phòng Kiểm toán nội bộ

Phòng KTNB vẫn tiếp tục là một bộ phận trực thuộc BKS, độc lập với hoạt động điều hành của Vinamilk. Trong quá trình tác nghiệp, phòng KTNB có đầy đủ nguồn lực cần thiết và quyền tiếp cận thông tin để hỗ trợ việc hoàn thành nhiệm vụ. Phòng KTNB cũng có quyền tiếp cận trực tiếp tới Chủ tịch HĐQT

và BKS, báo cáo về các kết quả kiểm toán các quy trình hoạt động tại Vinamilk. Trong năm 2014, phòng KTNB đã hoàn thành việc kiểm toán các quy trình hoạt động kinh doanh sau:

- Quy trình nghiên cứu phát triển sản phẩm và quản lý công thức sản xuất
- Quy trình giải quyết khiếu nại khách hàng
- Quy trình quản lý hoạt động Xí nghiệp kho vận
- Quy trình mua nguyên vật liệu và khai báo hải quan
- Quy trình quản lý nhân sự
- Quy trình quản lý chi phí kinh doanh tại chi nhánh
- Quy trình quản lý chất lượng sản phẩm tại nhà máy
- Quy trình quản lý trang trại và Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam
- Quy trình quản lý hoạt động Marketing
- Quy trình theo dõi và lập ngân sách

c. Kết quả đánh giá sự tuân thủ pháp luật,
điều lệ và các quy định

BKS nhận thấy không có rủi ro đáng kể trong hệ thống quy trình quản lý của Vinamilk cũng như việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy định của các cá nhân và đơn vị liên quan. Các kế hoạch hành động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát theo khuyến nghị của KTNB cũng được các khối điều hành trong Vinamilk triển khai đầy đủ.

Giám sát hoạt động giữa BKS với HĐQT,
BDH và cổ đông

Trong năm 2014, BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Vinamilk và đóng góp ý kiến với HĐQT và BDH, Ban Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Đại hội tháng 4/2014.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tt)

Xét chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2015

Trong năm 2014, BKS đã có những cuộc họp định kỳ với Kiểm toán độc lập và rà soát, cân nhắc về phạm vi của các dịch vụ ngoài kiểm toán mà KPMG cung cấp cho Công ty để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong các hoạt động kiểm toán của KPMG.

Phí kiểm toán và các phí tư vấn khác mà Vinamilk đã trả cho KPMG trong năm tài chính 2014 (không bao gồm VAT) như sau:

- ◆ Phí kiểm toán báo cáo tài chính: 1.529 triệu VNĐ
- ◆ Phí tư vấn khác: 770 triệu VNĐ

BKS cho rằng tính chất và phạm vi của các dịch vụ nói trên cũng như các hợp đồng tư vấn không làm ảnh hưởng đến tính độc lập và khách quan của Kiểm toán độc lập trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

BKS đã thông báo cho HĐQT các thủ tục trình ĐHĐCĐ phê chuẩn chọn công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2015 trong kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2015**

TRONG NĂM 2015, BKS SẼ TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CÁC QUY TRÌNH LÀM VIỆC CŨNG NHƯ TIẾP TỤC CÔNG VIỆC KIỂM TRA GIÁM SÁT THÔNG QUA PHÒNG KTNB, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TRỰC TIẾP CỦA CÁC THÀNH VIÊN BKS ĐỂ ĐẢM BẢO TÍNH TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BĐH. NHỮNG CÔNG VIỆC NÓI TRÊN SẼ GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN HƠN NỮA KHẢ NĂNG QUẢN TRỊ VÀ QUẢN LÝ RỦI RO CỦA VINAMILK, LÀ NHỮNG PHẦN KHÔNG THỂ THIẾU TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VINAMILK.

Kế hoạch hoạt động 2015 cụ thể như sau:

Kiểm toán nội bộ

Phòng KTNB sẽ tiếp tục kiểm toán dựa trên bản đồ rủi ro của Công ty, đảm bảo hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện đối với những rủi ro sản xuất kinh doanh quan trọng nhất và từ đó tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản lý rủi ro của Vinamilk.

Kiểm toán độc lập

BKS sẽ tiếp tục duy trì kênh thông tin hiệu quả với Kiểm toán độc lập để bảo đảm giám sát được chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

Hệ thống Quản trị rủi ro

BKS sẽ tiếp tục theo dõi việc triển khai hệ thống Quản trị rủi ro tới các khối điều hành, hỗ trợ Vinamilk hoàn thiện việc triển khai các quy trình và thủ tục

đồng đều ở các cấp nhằm kiểm soát giao dịch với các bên liên quan và thành viên có liên quan.

Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục cùng sát cánh đưa hoạt động của Vinamilk ngày càng lớn mạnh và chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ các Quý vị cổ đông đã dành cho BKS trong năm 2014 và trong thời gian tới.

Trân trọng,

TP. Hồ Chí Minh,
ngày 28 tháng 02 năm 2015.

Thay mặt Ban Kiểm soát

Nguyễn Trung Kiên
Trưởng ban



BÁO CÁO GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông,

- » Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- » Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty của CTCP Sữa Việt Nam (“Công ty”);
- » Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) năm 2014.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) đã thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (“TGD”) trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2014. Kết quả như sau:

PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, GIÁM SÁT

- » Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất, Hội đồng Quản trị đã thẳng thắn trao đổi và chất vấn các hoạt động của TGD trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tháng 4 năm 2014. TGD

cũng thường xuyên chủ động báo cáo chi tiết, cập nhật đầy đủ về tiến độ thực hiện cũng như các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh. HĐQT cùng với TGD đã thảo luận, bàn bạc trực tiếp hoặc bằng văn bản để đưa ra các giải pháp kịp thời và hiệu quả nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

- » HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với TGD và Ban Điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các thành viên của BKS đều được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, thông qua đó, HĐQT và Ban Điều hành có cơ hội trao đổi, bàn bạc thấu đáo, cởi mở về những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS, với tư cách là giám sát viên và đại diện của nhà đầu tư. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được tôn trọng, ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các quyết định của HĐQT và TGD.



- » Với việc thành lập và hoạt động tích cực, thường xuyên của Tiểu ban Quản lý rủi ro trong cơ cấu HĐQT, HĐQT đã tăng cường chuyên môn hóa trong việc giám sát chặt chẽ, đầy đủ và khách quan các hoạt động nội bộ của Vinamilk nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy định pháp luật hiện hành.
- » Bên cạnh đó, HĐQT đã làm việc với Phòng Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro thông qua các báo cáo định kỳ hàng quý, các báo cáo phân tích đánh giá rủi ro và kế hoạch hành động cụ thể để phòng ngừa rủi ro, qua đó góp ý cho TGD trong công việc điều hành doanh nghiệp.
- » Các tiểu ban của HĐQT thông qua các phiên họp định kỳ và hoạt động nhóm đã thường xuyên rà soát các vấn đề quản trị doanh nghiệp phát sinh trên cơ sở cập nhật các quy định mới nhất về quản trị doanh nghiệp, xác định các lĩnh vực cần cải thiện và đề xuất các biện pháp cải thiện.
- » HĐQT thông qua các nghị quyết sau mỗi buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua các kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai thực hiện.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Trong năm 2014, mặc dù phải hoạt động trong một môi trường kinh doanh không thuận lợi, cạnh tranh gay gắt, sức mua của người tiêu dùng giảm sút, chi phí đầu vào có xu hướng gia tăng, đặc biệt là những tác động bất lợi của việc áp dụng quy định về trần giá sữa và thị trường xuất khẩu bị thu hẹp đã làm ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu. Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, tập thể BDH đã thể hiện tinh thần đoàn kết, năng động,

sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tinh chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Nhờ đó, Ban Điều hành đã đưa Công ty hoàn thành xuất sắc và vượt kế hoạch, mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua trên nhiều chỉ tiêu chủ yếu.

Năm 2014, Vinamilk đã đạt được trao nhiều giải thưởng danh giá như:

Top **50** Công ty tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam do Tạp chí Forbes Việt Nam công bố;

Giải thưởng Quản trị DN xuất sắc nhất Châu Á năm 2014 do Tạp chí Quản trị DN Châu Á (HK) trao tặng;

Top **100** Doanh nghiệp hàng đầu Asean 2014 theo xếp hạng của Standard & Poor's;

Top **100** Doanh nghiệp xuất sắc Asean năm 2014 theo bình chọn của Tạp chí Nikkei Asian Review;

Trang trại đạt Chứng chỉ Global G.A.P., Hà Lan;

Đứng thứ **2** trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất VN 2013 (VNR 500) theo xếp loại của Công ty CP Báo cáo đánh giá VN và Vietnamnet;

Top **10** Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2014, Công ty Vietnam Report, Báo Vietnamnet và Tạp chí Thuế - Tổng Cục Thuế.

BÁO CÁO GIÁM SÁT TỔNG GIÁM ĐỐC
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

Phát huy những thành tích đã đạt được liên tục trong nhiều năm trước đó, trong năm 2014, TGD VNM đã được trao tặng nhiều giải thưởng có uy tín trong nước và quốc tế như:

Top **50** Nữ Doanh nhân quyền lực nhất Châu Á do Tạp chí Forbes trao tặng;

Giải thưởng Nhà lãnh đạo doanh nghiệp số **1** Việt Nam do Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.

Kết quả hoạt động điều hành của TGD theo các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao:

» **Doanh thu, lợi nhuận:**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	KH năm 2014	Thực hiện năm 2014	% thực hiện/KH năm
Tổng doanh thu	36.298	35.704	98%
Lợi nhuận trước thuế	7.531	7.613	101%
Lợi nhuận sau thuế	5.993	6.068	101%

» **Đầu tư tài sản:**

- Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các dự án xây dựng nhà máy mới, mở rộng các nhà máy hiện có, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, mở rộng trang trại. Hoạt động của các công ty con và công ty liên kết đều đạt kết quả tích cực. Đặc biệt, Công ty Driftwood (Mỹ) đã đạt doanh thu 123% kế hoạch năm, lợi nhuận đạt 560% kế hoạch, sản lượng sản xuất đạt 25,8 triệu gallon, tăng 4,1% so với năm 2013. Driftwood đã hoàn thành đánh giá kiểm toán của bên thứ ba về hoạt động sản xuất (theo yêu cầu của khách hàng) và đạt kết quả xuất sắc.



- Đẩy mạnh tiến độ triển khai các dự án trang trại bò sữa: Thông qua việc đầu tư mở rộng các trang trại hiện tại và xây dựng thêm các trang trại mới, nâng tổng đàn bò của hộ nông dân cung cấp sữa cho Vinamilk đến cuối 2014 lên 76.400 con, bò vắt sữa trên 37.200 con. Tổng đàn bò của trang trại của Vinamilk là 11.000 con, trong đó bò vắt sữa là 4.100 con. Đặc biệt, trang trại Nghệ An trở thành trang trại chăn nuôi bò sữa đầu tiên tại Đông Nam Á và là trang trại thứ 3 của Châu Á đạt được Tiêu chuẩn Global G.A.P. Tính đến thời điểm hiện nay đã có 05 trang trại của VNM (tại Tuyên Quang, Nghệ An, Lâm Đồng, Thanh Hóa, Bình Định) đạt được tiêu chuẩn Global G.A.P..

VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Tổ chức triển khai kế hoạch nhân sự kế thừa cho cấp quản lý của Công ty. Hoàn thành bước đầu chương trình luân chuyển cán bộ tại một số vị trí chủ chốt cấp Giám đốc điều hành;
- Tăng cường hoạt động Quản trị rủi ro (QTRR) doanh nghiệp bằng việc xây dựng cơ cấu QTRR, hệ thống tài liệu cho QTRR và tổ chức việc đào tạo về QTRR.

KẾT LUẬN

Theo đánh giá của HĐQT, TGD đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2014, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo điều lệ, quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Trân trọng./.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Lê Song Lai





BÁO CÁO GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông,

- » Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- » Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty của CTCP Sữa Việt Nam (“Công ty”);
- » Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) năm 2014,

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Điều hành (“BDH”) trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT trong năm 2014 như sau:



PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Theo quy định tại quy chế Quản trị Công ty, HDQT có trách nhiệm ban hành quy định về đánh giá năng lực đối với thành viên BDH. Quy định này phải bao gồm tối thiểu các nội dung: Phương pháp, tần suất, cách thức, trình tự đánh giá. Ngoài ra, HDQT cũng có thể dựa vào (i) các bản tự đánh giá hoạt động của các thành viên BDH và (ii) ý kiến đánh giá của Tổng Giám đốc đối với thành viên BDH đó. Căn cứ các quy chế nội bộ đã ban hành, trên cơ sở xác định các ưu tiên công việc của HDQT và thực tế hoạt động của Công ty, HDQT đã chọn cách tiếp cận thứ hai trong việc đánh giá BDH. Nội dung đánh giá tập trung vào việc BDH thực hiện các nghị quyết của HDQT. Các thành viên BDH được đánh giá trên cả 2 phương diện: Kết quả thực hiện các KPI (MBO) và năng lực chuyên môn (competency).

Trên thực tế, việc tự đánh giá của từng thành viên BDH và đánh giá của TGD đối với từng thành viên BDH được thực hiện thường xuyên, theo định kỳ, dựa trên hệ thống các tiêu chí định lượng và định tính khách quan và khoa học, được cá thể hóa phù hợp bảng mô tả công việc và chức trách nhiệm vụ của mỗi thành viên BDH. Kết quả đánh giá được cung cấp, thuyết minh đầy đủ cho Tiểu ban Nhân sự của HDQT xem xét, trước khi đưa ra HDQT thảo luận, thông qua. Kết thúc năm tài chính 2014, theo đánh giá của HDQT, tất cả các thành viên BDH bao gồm Tổng Giám đốc và các Giám đốc Điều hành đều được xếp loại Giỏi trong hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Trong năm 2014, mặc dù phải hoạt động trong một môi trường kinh doanh không thuận lợi, cạnh tranh gay gắt, sức mua của người tiêu dùng giảm sút, chi phí đầu vào có xu hướng gia tăng, đặc biệt là những tác động bất lợi của việc áp dụng quy định về trần giá sữa và thị trường xuất khẩu bị thu hẹp

đã làm ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu. Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, tập thể BDH đã thể hiện tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, tính chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Nhờ đó, Ban Điều hành đã đưa Công ty hoàn thành xuất sắc và vượt kế hoạch, mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua trên nhiều chỉ tiêu chủ yếu. Vị thế dẫn đầu và uy tín của Công ty trên thị trường tiếp tục được duy trì và củng cố vững chắc, thể hiện đặc biệt rõ nét ở sự bứt phá trong mở rộng thị phần ở phân khúc sản phẩm sữa nước và sữa bột. Nguồn vốn đầu tư của các cổ đông được bảo toàn và đem lại tỷ suất sinh lợi cao. Đời sống của người lao động và môi trường làm việc được cải thiện, người lao động ngày càng thêm gắn bó với doanh nghiệp.

Các dự án đầu tư tiếp tục được triển khai theo đúng tiến độ, đồng bộ bước đầu đã phát huy hiệu quả tích cực, đóng góp vào việc nâng cao năng lực sản xuất Công ty trong hiện tại và tương lai.

KẾT LUẬN

Theo đánh giá của HDQT, Ban Điều hành đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2014, đồng thời tuyệt đối tuân thủ các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.

Trân trọng./.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Lê Song Lai



BÁO CÁO
QUẢN TRỊ CÔNG TY

TRONG NĂM 2014,
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ ĐÁNH GIÁ ỨNG VIÊN VÀ
BỔ NHIỆM GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH MARKETING, BỔ
NHIỆM GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH HÀNH CHÍNH – NHÂN
SỰ & ĐỐI NGOẠI, BỔ NHIỆM GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CO CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của HĐQT trong năm 2014 bao gồm có 06 thành viên như sau:

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (CP) Có Quyền biểu quyết
1	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu cá nhân: 2.718.576 CP (0,27%) Đại diện cho SCIC: 75.146.400 (7,51%)
2	Ông Lê Song Lai	Thành viên HĐQT không điều hành	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho SCIC: 300.585.600 (30,04%)
3	Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT không điều hành	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho các quỹ đầu tư: 30.102.978 (3,01%)
4	Ông Ng Jui Sia	Thành viên HĐQT không điều hành	Sở hữu cá nhân: 0 CP Đại diện cho F&N Dairy Investments Pte Ltd: 110.908.982 CP (11,03%) (*)
5	Bà Lê Thị Băng Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 CP
6	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	Sở hữu cá nhân: 823.634 CP (0,08%) Đại diện cho SCIC: 75.146.400 (7,51%)

Số lượng cổ phiếu căn cứ vào danh sách cổ đông chốt gần nhất ngày 15/08/2014.
(*): Theo báo cáo thay đổi sở hữu của cổ đông lớn ngày 21/08/2014.
Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về thành viên HĐQT tại phần “Giới thiệu HĐQT” ở trang 63, 64, 65 của báo cáo này.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN	TIỂU BAN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN	TIỂU BAN QUẢN LÝ RỦI RO	TIỂU BAN NHÂN SỰ	TIỂU BAN LƯƠNG THƯỞNG
Chủ tịch Tiểu ban	1. Ông Lê Song Lai	1. Ông Lê Anh Minh	1. Ông Lê Song Lai	1. Bà Lê Thị Băng Tâm
Thành viên	2. Bà Mai Kiều Liên	2. Ông Ng Jui Sia	2. Bà Mai Kiều Liên	2. Ông Ng Jui Sia
Thành viên	3. Bà Ngô Thị Thu Trang	3. Bà Ngô Thị Thu Trang		3. Ông Lê Anh Minh
Thành viên	4. Bà Lê Thị Băng Tâm			

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tt)



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số lượng các cuộc họp Hội đồng Quản trị:

HĐQT họp định kỳ hàng quý trong năm, các cuộc họp bất thường cũng được triệu tập khi có yêu cầu. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên.

Trong năm 2014, HĐQT đã thực hiện 04 cuộc họp HĐQT. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch	4/4	100%
2	Ông Lê Song Lai	Thành viên	4/4	100%
3	Ông Lê Anh Minh	Thành viên	4/4	100%
4	Ông Ng Jui Sia	Thành viên	3/4	75%
5	Bà Lê Thị Băng Tâm	Thành viên	4/4	100%
6	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên	4/4	100%
7	Ông Hà Văn Thắm	Thành viên	0/1	0%

Ghi chú: Ông Hà Văn Thắm từ nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 11/3/2014.

Nội dung và kết quả của các cuộc họp HĐQT:

Phiên họp	Số thành viên tham dự	Nội dung chính
24/01/2014	6/7 thành viên (Thành viên Hà Văn Thắm vắng mặt) Quan sát viên: BKS	» Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động năm 2013 và thưởng cho Ban Điều hành theo kết quả hoạt động năm 2013. » Thảo luận kế hoạch năm 2014. » Quyết định thành lập đơn vị thu mua nguyên liệu tại Châu Âu. » Thảo luận về việc tăng vốn cho Công ty Sữa Lam Sơn để góp vốn theo kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. » Quyết định giải thể Công ty Đầu tư Bất động sản Quốc Tế. » Trình ĐHĐCĐ điều chỉnh tỷ lệ cổ tức năm 2013. » Chuẩn bị cho việc tổ chức ĐHĐCĐ 2014.
04/04/2014	5 / 6 thành viên (thành viên Ng Jui Sia vắng mặt) Quan sát viên: BKS	» Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động quý 1/2014 và thảo luận kế hoạch quý 2/2014. » Thông qua báo cáo đánh giá rủi ro quý 1/2014. » Chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2014. » Thông qua các vấn đề trình ĐHĐCĐ 2014 phê duyệt.
25/07/2014	6 / 6 thành viên Quan sát viên: BKS	» Thông qua báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2014 và kế hoạch cho quý 3/2014. » Thông qua báo cáo đánh giá rủi ro quý 2/2014. » Thông qua báo cáo giám sát Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong 6 tháng đầu năm 2014. » Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1/2014. » Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Hành chính – Nhân sự & Đối ngoại. » Thông qua thù lao của thành viên HĐQT, dựa vào tổng thù lao cho HĐQT đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
28/11/2014	6 / 6 thành viên Quan sát viên: BKS	» HĐQT nghe Công ty tư vấn của Singapore trình bày về các hình thức thưởng cho cấp quản lý tại Singapore và Malaysia. » Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động năm 2014. » Thảo luận về kế hoạch năm 2015. » Thông qua báo cáo quản lý rủi ro quý 3/2014. » Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng nguyên liệu.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tt)

Qua các cuộc họp trên, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết trong năm như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-CTS.HĐQT/2014	24/01/2014	Đề xuất tăng tỷ lệ cổ tức đợt 3/2013 từ 6% lên 12% mệnh giá.
2	02/NQ-CTS.HĐQT/2014	18/02/2014	Tăng VDL của Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn để góp vốn theo kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ duyệt.
3	03/NQ-CTS.HĐQT/2014	18/02/2014	Thành lập pháp nhân tại Châu Âu (Ba Lan).
4	04/NQ-CTS.HĐQT/2014	19/02/2014	Thông qua một số vấn đề tại cuộc họp HĐQT lần 4/2013.
5	05/NQ-CTS.HĐQT/2014	24/02/2014	Giải thể Công ty TNHH MTV Đầu tư Bất động sản Quốc Tế.
6	06/NQ-CTS.HĐQT/2014	11/3/2014	Ông Hà Văn Thắm từ nhiệm khỏi HĐQT từ ngày 11/3/2014.
7	07/NQ-CTS.HĐQT/2014	4/4/2014	Đề xuất tăng tỷ lệ cổ tức năm 2013 từ 34% lên 48% mệnh giá và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 5 : 1.
8	08/NQ-CTS.HĐQT/2014	19/5/2014	Ngày trả cổ tức đợt 1/2014 và ngày dự kiến phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 5 : 1.
9	09/NQ-CTS.HĐQT/2014	19/5/2014	Thù lao năm 2013 còn lại chi trả cho các thành viên HĐQT.
10	10/NQ-CTS.HĐQT/2014	20/5/2014	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành khối Marketing.
11	11/NQ-CTS.HĐQT/2014	11/7/2014	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm tối đa và nguồn vốn để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
12	12/NQ-CTS.HĐQT/2014	25/7/2014	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2014.
13	13/NQ-CTS.HĐQT/2014	25/7/2014	Bổ nhiệm GĐDH Hành chính - Nhân sự & Đối ngoại.
14	14/NQ-CTS.HĐQT/2014	9/9/2014	Tiến hành các thủ tục để niêm yết cổ phiếu phát hành thêm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014.
15	15/NQ-CTS.HĐQT/2014	15/9/2014	Thù lao cho thành viên HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2014.
16	16/NQ-CTS.HĐQT/2014	17/11/2014	Đăng ký tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam với Sở Kế hoạch & Đầu tư TPHCM.
17	17/NQ-CTS.HĐQT/2014	28/11/2014	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng nguyên liệu.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tt)

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2014, HĐQT Vinamilk tiếp tục duy trì công tác quản trị với xu hướng nâng cao chất lượng quản trị Công ty:

- » HĐQT đã tổ chức hoạt động phù hợp quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty, đảm bảo về số cuộc họp, số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- » Các Tiểu ban tổ chức hoạt động theo các cơ chế hoạt động được xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ được phân công của từng Tiểu ban. Hoạt động và kết quả thực hiện của các Tiểu ban đều báo cáo một cách cụ thể, kịp thời cho HĐQT. Mỗi thành viên đều chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình và đóng góp ý kiến vào quyết định chung.
- » Đưa ra các định hướng triển khai một cách cụ thể, khả thi và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- » HĐQT cũng định hướng và giám sát thực hiện việc triển khai các chương trình quan trọng của Công ty như hệ thống quản lý rủi ro, chương trình hoạch định nhân sự kế thừa.
- » Công tác giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý cấp cao được triển khai một cách hiệu quả.
- » Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã đánh giá ứng viên và bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Marketing, bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Hành chính – Nhân sự & Đối ngoại, bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng nguyên liệu.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Tiểu ban trong HĐQT hoạt động theo trách nhiệm và nhiệm vụ được quy định trong Quy chế quản trị Công ty. Các Tiểu ban trong HĐQT chuẩn bị các nội dung làm việc của Tiểu ban và họp cùng với các cuộc họp của HĐQT. Trong năm, các hoạt động cụ thể của các Tiểu ban như sau:

Tiểu ban Chính sách phát triển	Tiểu ban Chính sách phát triển thực hiện soát xét các nội dung liên quan đến tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi và mục tiêu. Theo đó, các công việc liên quan đến xem xét phạm vi lĩnh vực hoạt động, mô hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức, năng lực cạnh tranh đã được xúc tiến. Các hướng đi như tích hợp dọc, M&A, đầu tư phát triển cùng với các nguyên tắc của nó được đưa ra thảo luận. Ngoài ra, các nội dung liên quan đến việc sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị nội bộ nhằm phù hợp với luật doanh nghiệp mới đã được lập kế hoạch, chính sách cổ tức đã được bước đầu xây dựng.
Tiểu ban Quản lý rủi ro	Tiểu ban Quản lý rủi ro đã làm việc rất chặt chẽ với Phòng Kiểm soát Nội bộ & Quản lý rủi ro và đơn vị tư vấn (Công ty KPMG) về các công tác Quản lý rủi ro đã triển khai cũng như chuẩn bị cho hoạt động QLRR trong quý kế tiếp, với những vấn đề như: Triển khai hướng dẫn xây dựng bảng CSA (Control Self Assessment) cho 2 rủi ro: Rủi ro sản phẩm bị nhiễm bẩn và Rủi ro thực hiện chiến lược kinh doanh, chuẩn bị cho việc xây dựng các CSA cho các Top Risk còn lại, xây dựng chỉ số đo lường cho các rủi ro, đề nghị bộ phận quản lý rủi ro tiến hành rà soát, cụ thể hóa và đề xuất các mô tả, mức độ rủi ro mục tiêu tương ứng với từng Top Risk để Tiểu ban QLRR và Hội đồng Quản trị xem xét, chú trọng vào các rủi ro thuộc nhóm chiến lược (cạnh tranh, nhân sự chủ chốt, thực hiện kế hoạch/chiến lược), và việc đánh giá phải đi kèm với việc rà soát chính sách v.v.
Tiểu ban Nhân sự	Tiểu ban Nhân sự chú trọng giám sát các chương trình đào tạo nhân sự kế thừa. Đồng thời, Tiểu ban đã định hướng chỉ đạo các chương trình khác như quản trị nhân tài, quản trị viên tập sự nhằm đảm bảo cho Công ty có một lực lượng nhân sự phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
Tiểu ban Lương thưởng	Tiểu ban đã xem xét và thiết lập cơ chế thù lao cho HĐQT. Chính sách lương thưởng với các quản lý cấp cao cũng được xem xét, nhận sự tư vấn của các Nhà tư vấn chuyên nghiệp để có sự điều chỉnh phù hợp. Tiểu ban cũng phối hợp chặt chẽ với Tiểu ban Nhân sự để hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu suất công việc của các cấp quản lý.

CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Danh sách thành viên HĐQT đã được đào tạo về quản trị công ty như sau:

- | | | |
|-------------------|----------------------|------------------------|
| » Ông Lê Song Lai | » Bà Lê Thị Băng Tâm | » Bà Ngô Thị Thu Trang |
| » Ông Lê Anh Minh | » Ông Ng Jui Sia | |

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tt)

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

LUƠNG, THUỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC PHÚC LỢI KHÁC

			Lương	Thuởng	Thù lao	Tổng cộng
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
Bà	Mai Kiều Liên	Chủ tịch, kiêm Tổng Giám đốc	35%	62%	3%	100%
Bà	Ngô Thị Thu Trang	Thành viên, Giám đốc Điều hành	49%	43%	8%	100%
Ông	Lê Anh Minh	Thành viên không điều hành		16%	84%	100%
Ông	Lê Song Lai	Thành viên không điều hành		16%	84%	100%
Ông	Ng Jui Sia	Thành viên không điều hành		17%	83%	100%
Bà	Lê Thị Băng Tâm	Thành viên độc lập		16%	84%	100%
Ông	Hà Văn Thắm	(đã từ nhiệm)		0%	100%	100%
2. BAN KIỂM SOÁT						
Ông	Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban		0%	100%	100%
Ông	Nguyễn Đình An	Thành viên		0%	100%	100%
Ông	Nguyễn Ngọc Vũ Chương	(đã từ nhiệm)		0%	100%	100%
Bà	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên		0%	100%	100%
Ông	Vũ Trí Thức	Thành viên		0%	100%	100%
3. BAN ĐIỀU HÀNH						
Ông	Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành	54%	46%		100%
Bà	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành	54%	46%		100%
Bà	Nguyễn Thị Nhu Hằng	Giám đốc Điều hành	54%	46%		100%
Bà	Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành	53%	47%		100%
Ông	Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành	54%	46%		100%
Ông	Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành	53%	47%		100%
Ông	Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành	57%	43%		100%
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành	54%	46%		100%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐỒNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	SLCP đầu kỳ		Tổng SLCP để tính %	SLCP mua/ (bán)	SLCP cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ			Số CP	Tỷ lệ
1	Norges Bank	Lê Anh Minh, Thành viên HĐQT	3.913.500	0,47%	833.955.796	379.000	4.292.500	0,51%
	Norges Bank		4.292.500	0,51%	833.955.796	200.000	4.492.500	0,54%
	Norges Bank		4.492.500	0,54%	833.955.796	(1.200.000)	4.191.000	0,42%
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SCIC (SIC)	SCIC, Thành viên HĐQT	-	0,00%	833.955.796	398.310	398.310	0,05%
	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SCIC (SIC)		398.310	0,05%	833.955.796	(328.310)	137.710	0,01%
3	Amersham Industries Ltd.	Lê Anh Minh, Thành viên HĐQT	12.021.710	1,44%	833.955.796	(4.800.000)	9.626.052	0,96%
4	Vietnam Enterprise Investments Ltd.	Lê Anh Minh, Thành viên HĐQT	14.113.620	1,69%	833.955.796	(5.400.000)	11.536.344	1,15%
5	F&N Dairy Investments Pte Ltd.	Ng Jui Sia, Thành viên HĐQT	79.507.485	9,53%	833.955.796	15.000.000	110.408.982	11,03%
6	Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành Dự Án	420.030	0,05%	833.955.796	(100.000)	320.030	0,04%
7	Mai Quang Liêm	Em trai Chủ tịch HĐQT	183.217	0,02%	1.000.641.399	(5.000)	178.217	0,02%

Ghi chú: Ngày 22/8/2014, Vinamilk hoàn tất phát hành thêm 166.685.603 cổ phần cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 5 : 1) theo danh sách cổ đông ngày 15/8/2014, để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, tổng số cổ phần của Vinamilk tăng từ 833.955.796 cổ phần lên 1.000.641.399 cổ phần. Các giao dịch thực hiện trước ngày 22/08/2014 là chưa bao gồm cổ phiếu phát hành thêm.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tt)

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Theo quy định tại Điều lệ của Vinamilk về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi, các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý quan trọng khác được HĐQT bổ nhiệm và bãi miễn theo đề nghị của Tổng Giám đốc, có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan.

Trong năm 2014, Công ty không nhận được bất kỳ thông báo nào từ các thành viên này với Công ty về việc phát sinh các giao dịch.

Công ty cũng không có bất kỳ các khoản vay, bảo lãnh hoặc cho vay cho các thành viên trên hay người có liên quan của họ.

Trong năm 2014, Công ty chỉ có hoạt động gửi tiền và mua trái phiếu của Ngân hàng HD Bank là tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT độc lập Lê Thị Băng Tâm.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2014, Vinamilk đã nỗ lực thực hành theo cơ chế quản trị tiên tiến và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định về pháp luật đối với một công ty cổ phần đại chúng niêm yết. Trong đó nổi bật là các nội dung về:

1. Các thành viên HĐQT và Thu ký tham gia đào tạo về quản trị
2. Áp dụng cơ chế đánh giá thành viên HĐQT theo thực hành mới của IFC
3. Chính sách cổ tức
4. Mở rộng phạm vi thực hành kiểm soát chính sách tránh xung đột lợi ích
5. Thu ký công ty tham gia lớp đào tạo về nâng cao vai trò của thư ký công ty





BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO

NẾU NĂM 2013 LÀ GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG VÀ CẢI TIẾN NỀN TẢNG CHO HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO VỚI CÁC ĐIỀU CHỈNH VỀ CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH, QUY TRÌNH THÌ NĂM 2014 LÀ NĂM VINAMILK ĐẨY MẠNH VIỆC VẬN HÀNH CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO TRONG TỪNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. TRONG NĂM 2014, CHƯƠNG TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ KIỂM SOÁT (CONTROL SELF-ASSESSMENT - CSA) VÀ VIỆC BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO ĐƯỢC TRIỂN KHAI ĐẾN CÁC ĐƠN VỊ. CÁC HOẠT ĐỘNG NÀY NẪM TRONG TIẾN TRÌNH ĐƯA HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO CỦA VINAMILK VẬN HÀNH Ở CẤP ĐỘ TRƯỞNG THÀNH VÀ HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI LÀ CẤP ĐỘ CHIẾN LƯỢC.

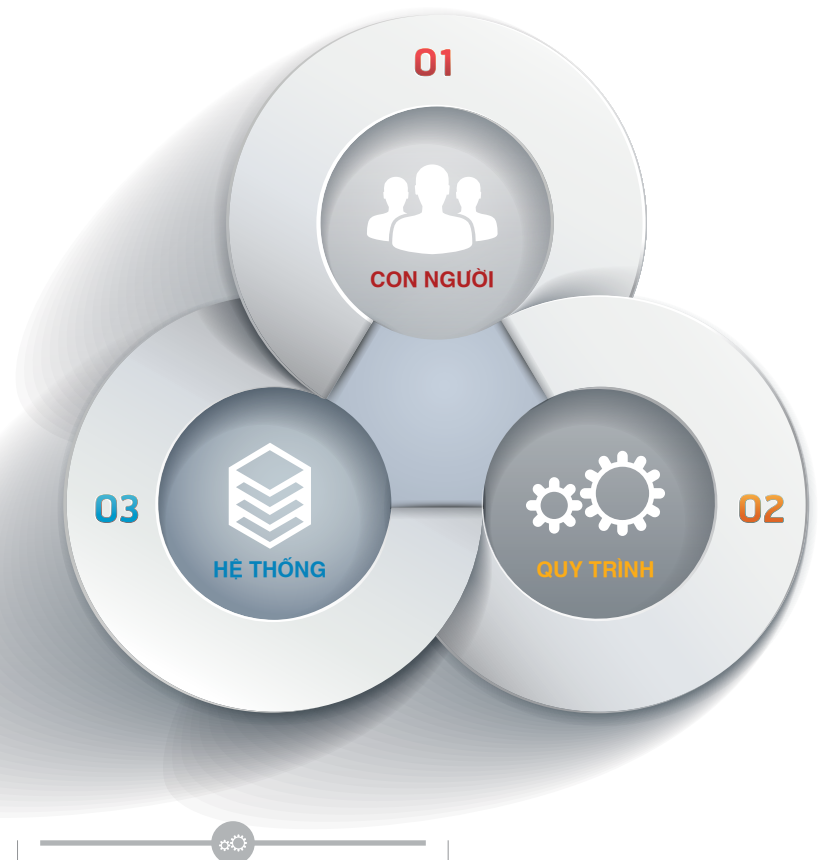


HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO Ở CẤP ĐỘ TRƯỞNG THÀNH

Hệ thống Quản lý rủi ro được vận hành trên 3 khía cạnh: Con người - Quy trình - Hệ thống

Con người: Là yếu tố quan trọng nhất đối với việc vận hành hiệu quả hệ thống Quản lý rủi ro. Trong năm 2014, các hoạt động tập trung vào việc nâng cao vai trò, trách nhiệm và kiến thức, kỹ năng cho các nhân sự tham gia vào hệ thống Quản lý rủi ro:

- » Rà soát và phân công Chủ sở hữu rủi ro (Risk Owner) cho các rủi ro quan trọng và toàn bộ danh mục rủi ro của Công ty.
- » Xác định và phân công đội ngũ Điều phối viên và Chuyên gia ngành cho từng rủi ro quan trọng.
- » Triển khai khóa đào tạo về phương pháp tự đánh giá kiểm soát cho các Chủ quy trình (Process owner) và Chủ kiểm soát (Control Owner).
- » Tham gia nâng cao nghiệp vụ rủi ro thông qua việc tham dự Hội thảo chuyên đề Quản lý rủi ro do các hiệp hội quốc tế tổ chức.



Quy trình: Ban hành các tài liệu làm cơ sở vận hành hệ thống:

- » Thủ tục Quản lý rủi ro
- » Tiêu chí – thông số đánh giá rủi ro
- » Bản tin Rủi ro định kỳ hàng quý
- » Xây dựng quy trình đánh giá và hướng dẫn phương pháp Tự đánh giá kiểm soát.

Hệ thống: Hiện nay, Vinamilk đang triển khai đánh giá về tính khả thi và hiệu quả để đưa vào áp dụng hệ thống tự động hóa cho Quản lý rủi ro.

BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO (tt)

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CÁC
RỦI RO QUAN TRỌNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ XÁC ĐỊNH
DANH SÁCH 10 RỦI RO QUAN
TRỌNG CỦA CÔNG TY VÀ CÁC RỦI
RO NÀY ĐƯỢC GIÁM SÁT CHẶT
CHẼ VÀ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG
QUÝ ĐẾN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Rủi ro	Xu hướng rủi ro
ST007 - Rủi ro cạnh tranh Khả năng bảo vệ, duy trì và/hoặc tăng mục tiêu chiến lược.	Xu hướng cạnh tranh ngày càng gia tăng và rủi ro cạnh tranh được đánh giá giữ ở mức độ cao trong năm 2014. Các giải pháp chính được triển khai một cách đồng bộ trên nhiều khía cạnh: Phát triển sản phẩm mới với các ưu điểm vượt trội và đa dạng hóa: Giá cả hợp lý - Nắm bắt kịp thời xu hướng thị trường, tiêu dùng - Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
ST008 - Mất khách hàng quan trọng Mất các mối quan hệ với khách hàng quan trọng, dẫn đến mất doanh thu.	Theo đánh giá, hệ thống phân phối tại thị trường nội địa của Vinamilk là ổn định và rộng khắp. Rủi ro chủ yếu đến từ thị trường xuất khẩu với sự ảnh hưởng của tình hình chính trị bất ổn tại các khu vực. Các giải pháp chính được đưa ra là tiếp tục xây dựng hệ thống phân phối trong nước vững mạnh, nâng cao chất lượng phân phối và dịch vụ khách hàng. Đối với thị trường xuất khẩu, bên cạnh việc duy trì các thị trường truyền thống, sẽ đẩy mạnh tìm kiếm các thị trường xuất khẩu mới và đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu.
ST017 - Rủi ro cán bộ chủ chốt Mất vị trí quản lý chủ chốt có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh liên tục và / hoặc làm mất lòng tin của cổ đông dẫn đến sự suy giảm của giá cổ phiếu.	Nhân sự là yếu tố quan trọng của Vinamilk. Trong các năm qua để kiểm soát tốt rủi ro này, Vinamilk đã triển khai Chương trình Nhân sự kế thừa để đánh giá, đào tạo và phát triển các nhân viên có năng lực của Công ty. Hiện nay chương trình đang được triển khai theo tiến độ và đang trong quá trình đào tạo, phát triển ngắn hạn và dài hạn cho đội ngũ ứng viên.
OP005 - Rủi ro truyền thông đại chúng/mạng xã hội Dư luận có ấn tượng xấu về Vinamilk do việc quản lý thông tin in ấn và các phương tiện truyền thông không hợp lý hoặc thiếu sót.	Xu hướng người tiêu dùng sử dụng các mạng xã hội ngày càng gia tăng dẫn tới tần suất xuất hiện các thông tin tiêu cực cũng gia tăng. Các giải pháp được Vinamilk vận hành bao gồm: » Nâng cao chất lượng dịch vụ, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách hàng, người tiêu dùng. » Áp dụng quy trình soát xét các thông tin phát hành, thông tin trên nhãn để đảm bảo thông tin là chính xác và phù hợp.
OP008 - Rủi ro chuỗi cung ứng Không có sẵn và/hoặc thiếu nguồn cung cấp nguyên vật liệu gây ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục và tăng giá thành sản phẩm.	Nguồn cung ứng nguyên vật liệu của Công ty là đầy đủ và từ nhiều nguồn cung cấp, kế hoạch cung ứng nguyên vật liệu cho năm 2015 đã được hoạch định. Các công ty con của Vinamilk tại Châu Âu, Mỹ đi vào hoạt động cũng gia tăng sự chủ động cho Vinamilk trong việc đảm bảo nguồn nguyên vật liệu.
OP009 - Rủi ro sản phẩm bị nhiễm bẩn Các sản phẩm bị nhiễm vi khuẩn và không đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn chất lượng.	Việc kiểm soát chất lượng sản phẩm được Vinamilk thực hiện tốt và đáp ứng các tiêu chuẩn quản lý quốc tế. Trong năm 2014, Vinamilk đã thực hiện chương trình Tự đánh giá kiểm soát đối với các nhà máy. Kết quả đánh giá cho các kiểm soát đang hoạt động ở mức độ hiệu quả. Vấn đề kiểm soát chất lượng sản phẩm là vấn đề quan trọng nhất, do đó Vinamilk luôn chú trọng kiểm soát các công đoạn kiểm soát trước khi sản phẩm ra thị trường, hạn chế triệt để các sản phẩm bị nhiễm bẩn. Rủi ro này được đánh giá là đang được kiểm soát hiệu quả.
OP013 - Rủi ro xâm phạm an ninh Công nghệ thông tin Các tội phạm CNTT và các tổ chức tội phạm tinh vi tấn công và xâm phạm an ninh dữ liệu kinh doanh và dữ liệu khách hàng.	Theo kết quả đánh giá, cơ sở hạ tầng và hệ thống quản lý về công nghệ thông tin của Vinamilk là tốt và đáp ứng các tiêu chuẩn thực hành tiên tiến. Trong năm 2014, Công ty đã triển khai và được Chứng nhận thành công hệ thống Quản lý An ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001.
OP019- Rủi ro chính trị quốc gia Rủi ro xảy ra các thay đổi không mong đợi và bất lợi về luật và môi trường chính trị ở các nước Vinamilk đầu tư, gây cản trở hoạt động và các quyết định đầu tư có thể cản trở hoạt động hoặc quyết định kinh doanh.	Với các quốc gia mà Vinamilk có dự án đầu tư: New Zealand, Mỹ, Campuchia, Ba Lan thì khả năng bị ảnh hưởng bởi tình hình chính trị tại các quốc gia là chưa có dấu hiệu xảy ra. Vinamilk vẫn đang thực hiện các giải pháp phòng ngừa rủi ro như: (i) tiếp tục giám sát tình hình tại các quốc gia. Các đại diện của Vinamilk tại các nước báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động và các ảnh hưởng nếu có; (ii) đối với các dự án mới, chú trọng phân tích về tình hình chính trị trong tổng thể môi trường đầu tư.
OP020- Rủi ro thực hiện chiến lược/kế hoạch kinh doanh Thất bại trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh phát triển, đồng ý và chấp thuận ở cấp Hội đồng Quản trị.	Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014 chịu nhiều ảnh hưởng từ các yếu tố như thay đổi chính sách của nhà nước, tình hình bất ổn chính trị ở thị trường xuất khẩu. Các giải pháp chính được triển khai: (i) việc lập mục tiêu, kế hoạch cần được gia tăng hiệu quả, tăng cường tính liên kết giữa chiến lược, kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, (ii) phân công bộ phận chuyên trách để giám sát việc triển khai các kế hoạch, dự án chiến lược của Công ty.
CO004 - Rủi ro gian lận và tham nhũng Thiệt hại phát sinh do nhân viên hoặc bên thứ ba hành động không phù hợp hoặc không trung thực vì lợi ích cá nhân dẫn đến thiệt hại tài chính cho Vinamilk và thiệt hại danh tiếng.	Vinamilk không phát sinh sự kiện rủi ro này trong kỳ. Trách nhiệm tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo được chuyển sang bộ phận độc lập là Phòng Kiểm toán nội bộ, thuộc Ban Kiểm soát phụ trách.

BÁO CÁO QUẢN LÝ RỦI RO (tt)

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2015

NĂM 2015, CÔNG TY SẼ TIẾP TỤC NÂNG CAO HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO Ở CẤP ĐỘ TRƯỞNG THÀNH VÀ TIẾN TỚI GIAI ĐOẠN CHIẾN LƯỢC (STRATEGIC) TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO. KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC CỤ THỂ TRONG NĂM 2015 ĐƯỢC HOẠCH ĐỊNH TRÊN 3 KHÍA CẠNH NHƯ SAU:

VỀ KHÍA CẠNH CON NGƯỜI

Năm 2015, tập trung vào khía cạnh nâng cao kiến thức Quản lý rủi ro cho Công ty, với các mục tiêu cụ thể:

- » Thực hiện các khóa đào tạo về kỹ năng Quản lý rủi ro, đánh giá kiểm soát.
- » Tham gia các Hiệp hội Nghề nghiệp, soạn lập các Cẩm nang công việc.

VỀ KHÍA CẠNH QUY TRÌNH

- » Liên tục cải tiến việc tích hợp QLRR vào các quá trình quan trọng: Hoạch định chiến lược, quản lý dự án, hoạch định ngân sách.
- » Tiếp tục nâng cao hiệu quả thông tin & tham vấn qua các Bản tin Rủi ro
- » Xây dựng và phát triển hệ thống Tiêu chí – thông số, chỉ số cảnh báo rủi ro sớm (KRIs) cho các rủi ro trong danh mục rủi ro trong sự liên hệ với các chỉ tiêu đo lường hiệu quả hoạt động (KPIs).
- » Tiếp tục triển khai vận hành Chương trình Tự đánh giá kiểm soát.

VỀ KHÍA CẠNH HỆ THỐNG

- » Đánh giá tính khả thi và đưa vào áp dụng phần mềm tích hợp Quản trị - Quản lý rủi ro và Tuân thủ (Governance – Risk – Compliance).





BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

NĂM 2014 TIẾP TỤC LÀ MỘT NĂM HẾT SỨC KHÓ KHĂN. TẠI THÀNH THỊ, NGÀNH HÀNG SỮA TĂNG TRƯỞNG TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CÁC NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG NHANH KHÁC (4%). NGƯỢC LẠI, NGÀNH HÀNG SỮA Ở NÔNG THÔN TĂNG 13%, CAO HƠN MỨC TĂNG CHUNG CỦA NGÀNH HÀNG TIÊU DÙNG (11%).



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2014 tiếp tục là một năm hết sức khó khăn. Tại thành thị, ngành hàng sữa tăng trưởng tương đương với các ngành hàng tiêu dùng nhanh khác (4%). Ngược lại, ngành hàng sữa ở nông thôn tăng 13%, cao hơn mức tăng chung của ngành FMCG (11%). Mức tăng của ngành hàng sữa tại nông thôn cao hơn gấp 3 lần mức tăng của ngành hàng sữa tại thành thị.

Những yếu tố chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

- » Sức mua của thị trường vẫn còn thấp: Do ảnh hưởng của nền kinh tế nên sức mua giảm từ 2013 kéo dài đến 2014. Mặc dù thị trường cho thấy sức mua có sự phục hồi dần vào những tháng cuối năm 2014 nhưng chưa hình thành xu hướng tiêu dùng rõ nét trong dài hạn.
- » Thị trường sữa cạnh tranh ngày càng gay gắt: Các công ty sữa

đã chi tiêu rất nhiều cho hoạt động tiếp thị và bán hàng như quảng cáo, khuyến mãi,... nhằm tăng doanh số và lấy thị phần. Do đó, Công ty cũng đã tăng chi phí bán hàng ~ 33% so với 2013. Mặc dù mức tăng này thấp nhiều so với các đối thủ cạnh tranh, nhưng rất hiệu quả và Công ty không những giữ vững thị phần mà còn lấy thêm thị phần, đặc biệt là ngành sữa nước và sữa bột.

- » Xuất khẩu giảm do tình hình chính trị bất ổn tại thị trường Trung Đông. Công ty vẫn duy trì xuất khẩu đi các thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông và Đông Nam Á, đồng thời phát triển các thị trường mới tại Châu Phi và Trung Mỹ.
- » Giá sữa nguyên liệu biến động lớn: Tăng mạnh từ 2013 đến đầu năm 2014 và giảm mạnh vào

những tháng cuối năm 2014. Đồng thời Chính phủ có quyết định về áp giá bán trần cho sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi từ tháng 6/2014 đến tháng 6/2015 đã ảnh hưởng đến kế hoạch doanh số và lợi nhuận của doanh nghiệp. Việc áp dụng giá trần khác nhau cho sản phẩm sữa nội và sữa nhập khẩu cũng gây ảnh hưởng nhất định đến hành vi mua sắm của người tiêu dùng.

Mặc dù còn nhiều khó khăn lớn như vậy, nhưng Vinamilk đã cố gắng hết sức để thực hiện các chỉ tiêu của ĐHDCĐ. Cụ thể như sau:

- » Tổng doanh số: Tăng 13% so với 2013 và chỉ còn thiếu 1,6% so với chỉ tiêu kế hoạch.
- » Lợi nhuận trước thuế: Giảm 5% so với 2013 và vượt 1,1% so với chỉ tiêu kế hoạch.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của Công ty vẫn luôn vững mạnh như các năm trước. Tiền mặt thuần vẫn còn lớn và luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu kinh doanh và phát triển của Công ty.

Các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán ngắn hạn và nhanh được cải thiện, tăng ~ 0,2 lần so với 2013. Hệ số tổng nợ trên tổng tài sản và tổng nợ trên vốn chủ sở hữu vẫn được duy trì ở mức rất thấp

và an toàn như 2013 (lần lượt là 23% và 30%).

Các hệ số đo lường hiệu quả hoạt động như vòng quay nợ phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tài sản cũng được cải thiện hơn so với 2013. Còn các chỉ số sinh lợi như lợi nhuận sau thuế trên doanh thu, trên tổng tài sản và trên vốn chủ sở hữu giảm là do lợi nhuận sau thuế 2014 giảm ~7,13% so với 2013.

Chi tiết các chỉ số tài chính như sau:

	2013	2014	% tăng/(giảm)
i. Các hệ số về khả năng thanh toán			
» Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	4,3	4,3	0,0
» Hệ số khả năng thanh khoản ngắn hạn	2,6	2,8	0,2
» Hệ số khả năng thanh toán nhanh	2,0	2,2	0,2
ii. Hệ số cơ cấu tài chính			
» Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	23%	23%	
» Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	30%	30%	
iii. Hệ số hiệu quả hoạt động			
» Số vòng quay hàng tồn kho	5,9	6,6	0,7
» Vòng quay các khoản phải thu	12,4	11,3	(1,2)
» Vòng quay vốn lưu động	2,6	2,5	(0,1)
» Vòng quay tổng tài sản	1,5	1,4	(0,0)
iv. Các hệ số sinh lời			
» Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	21,1%	17,3%	-3,8%
» Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	30,7%	24,9%	-5,7%
» Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	39,6%	32,6%	-7,0%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀI SẢN

Tình hình giải ngân trong năm 2014 như sau:

(Triệu đồng)	Giải ngân năm 2014	Ngân sách 2014	% thực hiện
Vinamilk	553.134	948.149	58%
Lam Son Milk	248.635	480.166	60%
Bò Sữa Việt Nam	296.157	411.596	62%
Cộng	1.097.926	1.839.911	60%
Liên doanh Campuchia	107.919	222.471	49%
Công ty Thống nhất Thanh Hóa	8.587	393.026	2%
Dự án trang trại bò sữa tại Lâm Đồng	0	120.000	0%
Tổng cộng	1.214.431	2.575.408	47%

Việc giải ngân chưa đạt 100% là đáp ứng phù hợp yêu cầu và điều kiện thanh toán. Các dự án lớn cơ bản là theo đúng tiến độ đã đề ra.

Các dự án trọng điểm của Công ty trong 2014 như sau:

Dự án Xây dựng Nhà máy chế biến sữa Angkor Dairy Products Co., Ltd. tại Campuchia. Nhà máy này thuộc công ty con của Vinamilk.	Dự án Đầu tư Dây chuyền sữa chua uống Susu chai tại Lam Son. Đây là dự án đầu tư mới dây chuyền sản xuất sữa cho công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Son). Dự án có tổng vốn đầu tư 283,47 tỷ đồng. Công suất thiết kế 224,64 triệu chai/năm sữa chua uống để đáp ứng nhu cầu thị trường khu vực miền Bắc. Dự kiến dự án sẽ đi vào hoạt động vào đầu quý 3/2015.	Các dự án Xây dựng trang trại bò sữa tại Hà Tĩnh, Như Thanh – Thanh Hóa, Thống Nhất – Thanh Hóa và Tây Ninh.
Vui lòng xem trang 57 để biết thêm chi tiết.		

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm là một trong những trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn. Công ty chú trọng nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm có giá trị gia tăng và cao cấp hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

TRONG NĂM 2014, CÔNG TY ĐÃ TUNG RA THỊ TRƯỜNG 29 SẢN PHẨM MỚI VÀ CẢI TIẾN 58 SẢN PHẨM HIỆN TẠI.

Một số sản phẩm mới như sau:



DIELAC ALPHA GOLD, DIELAC GROW 1+, DIELAC GROW 3+, RIDIELAC YẾN MẠCH GÀ ĐẬU HÀ LAN



SỮA HỖ TRỢ MIỄN DỊCH ÍT ĐƯỜNG, SỮA CHUA HỖ TRỢ MIỄN DỊCH, KEM QUE (6), SỮA CHUA UỐNG OZELA (3), SỮA BỘT PHA SẴN ALPHA GOLD 3+



PHÔ MAI TƯƠI, PHÔ MAI PATE, SỮA ĐẬU NÀNH HƯƠNG BẮP



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU SỮA TƯƠI

46.000

Tổng số lượng bò tại
9 trang trại năm 2019

PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU SỮA TƯƠI NẰM TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ DÀI HẠN CỦA CÔNG TY. VINAMILK LÀ DOANH NGHIỆP TIỀN PHONG TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN TRANG TRẠI BÒ SỮA VỚI QUY MÔ CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI LỚN NHẤT CẢ NƯỚC.



Phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi nằm trong chiến lược phát triển bền vững và dài hạn của Công ty. Vinamilk là doanh nghiệp tiên phong trong việc phát triển trang trại bò sữa với quy mô công nghiệp hiện đại lớn nhất cả nước. Tính đến cuối năm 2014, Vinamilk hiện có 07 trang trại bò sữa đã đi vào hoạt động với tổng đàn bò sữa lên đến 11.000 con. Ngoài ra, Công ty đang triển khai thêm 02 dự án trang trại

bò sữa khổng lồ tại Tây Ninh (quy mô: 8.000 con) và Thống Nhất – Thanh Hóa (quy mô: 25.000 con). Như vậy, trong 5 năm tới, Vinamilk sẽ có ít nhất 09 trang trại bò sữa quy mô công nghiệp với tổng đàn bò khoảng 46.000 con. Với chiến lược này, nguồn cung sữa nguyên liệu trong nước sẽ tăng từ 30% lên 40% trong 5 năm tới và góp phần làm giảm tỷ lệ phụ thuộc nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Mô hình thu mua và trung chuyển sữa tươi nguyên liệu về nhà máy



Bò sữa từ nông dân



Các trang trại bò sữa Vinamilk



Nông dân vắt sữa và trữ sữa bằng thiết bị chuyên dụng

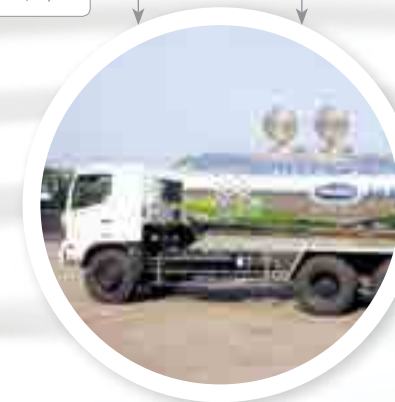


Trạm trung chuyển: Bồn trữ lạnh 4°C
(Kiểm tra chất lượng tại trạm)



Hệ thống vắt sữa hiện đại
nhập từ Châu Âu

SỮA TƯƠI NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐƯỢC THU MUA TỪ HỘ NÔNG DÂN VÀ CÁC TRANG TRẠI BÒ SỮA CỦA VINAMILK VỚI MÔ HÌNH THU MUA VÀ VẬN CHUYỂN NHƯ SAU:



Chuyển sữa bằng xe bồn
lạnh chuyên dụng và tiếp
nhận sữa tại nhà máy
Vinamilk



Kiểm tra chất lượng sữa tại nhà máy



Hệ thống bồn trữ sữa tại siêu nhà máy

Hình ảnh thực tế
từ hoạt động của Vinamilk

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

Phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi

TÌNH HÌNH THU MUA SỮA TƯƠI NGUYÊN LIỆU

Sản lượng sữa tươi nguyên liệu thu mua năm 2014 đạt 183.912 tấn. Trong đó, sữa tươi nguyên liệu thu mua từ hộ dân là 154.455 tấn, tăng 16% so với năm 2013 (132.610 tấn). Các trang trại bò sữa của

Vinamilk do công ty con, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam cung cấp 29.458 tấn, tăng 23% so với năm 2013 (23.952 tấn).

Tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch nâng cấp hệ thống thu mua sữa tươi nguyên liệu Vinamilk giai đoạn 2012 – 2016

Tiếp nối thành công của năm 2013, năm 2014 Vinamilk đẩy mạnh hơn việc thực hiện chương trình nâng cấp hệ thống thu mua sữa tươi nguyên liệu theo chiến lược cho giai đoạn 2012 - 2016.

Trong năm 2014, các bộ phận kỹ thuật của Vinamilk đã trực tiếp xuống kiểm tra tình hình chăn nuôi, khai thác sữa của các hộ dân, giải thích rõ và động viên thêm nông dân giao sữa trực tiếp cho Công ty thông qua các trạm trung chuyển. Qua đó, hợp đồng mua bán sữa bò tươi của Vinamilk với các hộ dân tăng lên đáng kể (30%), từ 5.087 hợp đồng trong năm 2013 lên 6.618 hợp đồng trong năm 2014. Các hộ dân bán sữa cho Vinamilk đều thực hiện khai thác, vận chuyển sữa

bằng can nhôm/can inox đạt tiêu chuẩn.

Vinamilk tiếp tục thực hiện quyết liệt công tác nâng cấp trạm trung chuyển theo tiêu chuẩn quốc tế với phương châm “Chuyên nghiệp, hiện đại, tự động hóa và an toàn”.

Trong năm 2014, đã có thêm 27 trạm trung chuyển được nâng cấp thành công, nâng số trạm trung chuyển hoàn tất nâng cấp là 45 trạm. Việc nâng cấp trạm trung chuyển sẽ được tiếp tục và hoàn tất trong năm 2015 đối với các trạm ở khu vực TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Tây Ninh, Bình Dương và Lâm Đồng.



183.912

Tấn sữa tươi nguyên liệu
thu mua năm 2014

6.618

Hợp đồng mua bán
sữa bò tươi của Vinamilk
với các hộ dân

Hình ảnh trạm trung chuyển sau khi nâng cấp: Thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

CHUYÊN NGHIỆP HÓA TRONG QUẢN LÝ THU MUA SỮA TRỰC TIẾP ĐẾN VỚI NGƯỜI DÂN

Nhằm quản lý hệ thống thu mua sữa tươi chuyên nghiệp và tốt hơn, ngoài việc nâng cấp thiết bị trữ và vận chuyển sữa, Công ty đã thuê dịch vụ của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) triển khai chương trình quản lý công việc nhân viên phát triển nguyên liệu qua hệ thống định vị toàn cầu GPS. Mỗi nhân viên được cấp 01 máy tính bảng và thanh toán cước phí sử dụng hàng tháng để cập nhật thường xuyên tình hình các trạm trung chuyển và hộ dân. Bất cứ sự thay đổi nào trong hệ thống vùng nguyên liệu sữa tươi đều được cập nhật tức thì lên hệ thống để nhà máy và văn phòng Công ty nắm bắt kịp thời, chỉ đạo giải quyết công việc phù hợp. Với hệ thống này, các thông tin và số liệu luôn đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy cao.

Để tăng cường kiểm soát chất lượng con giống bò sữa, Vinamilk đã hỗ trợ kinh phí để Trung tâm Nông nghiệp (TTNN) Thành phố Bảo Lộc, TTNN huyện Đơn Dương và TTNN huyện Đức Trọng

thực hiện cấp phát và bấm thẻ tai miễn phí cho toàn bộ hộ dân đang bán sữa cho Vinamilk tại khu vực Lâm Đồng. Đây là bước đầu cho lộ trình quản lý và tăng cường chất lượng con giống bò sữa tại địa phương được cho là địa bàn chăn nuôi bò sữa thuận lợi nhất cả nước.

Xu hướng của chiến lược phát triển vùng nguyên liệu năm 2014 mà Vinamilk áp dụng là trực tiếp đến với người dân để giúp hộ dân nâng cao chất lượng sữa tươi nguyên liệu. Trong năm, Vinamilk đã tổ chức 31 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi bò sữa với chuyên đề về “Dinh dưỡng trên bò và cách thức tổ hợp khẩu phần ăn hợp lý cho bò sữa”. Các lớp tập huấn đã thu hút đông đảo hộ dân tham gia. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Vinamilk cũng đã tiến hành hàng ngàn lượt tư vấn trực tiếp đến nông hộ; tổ chức gọt móng bò cho hàng trăm hộ dân, được người dân nhiệt tình hưởng ứng.



Lớp tập huấn của chuyên gia nước ngoài trên đồng cỏ Vinamilk.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)

Phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi

PHÁT TRIỂN CÁC TRANG TRẠI CHĂN NUÔI
BÒ SỮA VINAMILK

Chiến lược phát triển trang trại bò sữa trong năm 2014 có những bước chuyển mình mạnh mẽ và đạt được những thành tích đáng tự hào không những cho Vinamilk mà còn chung cho cả ngành chăn nuôi bò sữa Việt Nam.

Tất cả các trang trại bò sữa của Vinamilk do 2 công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam và Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa trực tiếp xây dựng, điều hành và quản lý.

Công ty hiện có 07 trang trại bò sữa tại Tuyên Quang, Nghệ An, Bình Định, Lâm Đồng, Hà Tĩnh và Thanh Hóa (02 trang trại) đã đi vào hoạt động với tổng đàn là 10.930 con. Trong đó, 02 trang trại mới đưa vào hoạt động trong năm 2014.

10.930

Tổng số lượng bò năm 2014



Bò sữa uống nước tại hệ thống uống nước tự động tại Trang trại Vinamilk.



Hệ thống gãi ngứa tự động cho bò tại Trang trại Vinamilk.

Các dự án trang trại bò sữa trong năm 2014:

- Trang trại bò sữa Hà Tĩnh: Đã hoàn tất xây dựng và đưa vào sử dụng trong năm 2014. Quy mô trang trại là 2.000 con bò. Đến cuối năm 2014 đã có 497 con bò.
- Trang trại bò sữa Nhu Thanh – Thanh Hóa: Đã hoàn tất xây dựng và đưa vào sử dụng trong năm 2014. Quy mô trang trại là 2.000 con bò.

Đến cuối năm 2014 đã có 762 con bò.

- Ngoài ra, Công ty cũng đã duyệt và đang triển khai 02 trang trại bò rất lớn tại Thống Nhất Thanh Hóa (Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa) với quy mô 25.000 con bò (trong đó trang trại tập trung 16.000 con và các trại vệ tinh, mô hình trong dân 9.000 con) và dự án trang trại tại tây Ninh với quy mô 8.000 con bò.

ĐÁNH DẤU THÀNH TÍCH
ĐẦU TIÊN VỀ TRANG TRẠI
BÒ SỮA CỦA VINAMILK
LÀ TRANG TRẠI BÒ SỮA
TẠI NGHỆ AN. NĂM 2014,
TRANG TRẠI NÀY ĐÃ NHẬN
ĐƯỢC GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐẠT CHUẨN QUỐC TẾ
THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP
TỐT TOÀN CẦU (GLOBAL
G.A.P).

Đánh dấu thành tích đầu tiên về trang trại bò sữa của Vinamilk là trang trại bò sữa tại Nghệ An. Năm 2014, trang trại này đã nhận được giấy chứng nhận đạt chuẩn quốc tế Thực hành Nông nghiệp tốt toàn cầu (Global G.A.P). Đây là trang trại bò sữa duy nhất tại Việt Nam, cũng là trang trại đầu tiên tại Đông Nam Á và là 1 trong 3 trang trại đạt chuẩn quốc tế này tại Châu Á vào tháng 5/2014. Đến cuối năm 2014, thêm 4 trang trại khác của Công ty Bò sữa Việt Nam là Tuyên Quang, Thanh Hóa, Bình Định và Lâm Đồng cũng hoàn thành thủ tục cần thiết để đạt được chứng nhận Global G.A.P, nâng tổng số trang trại được chứng nhận đạt chuẩn Global G.A.P. của Công ty lên 5 trang trại. Đây là một thành tích đáng tự hào và rất ít công ty chăn nuôi bò sữa trên thế giới đạt được. Điều này đã cho thấy sự đầu tư bài bản, theo chuẩn quốc tế của toàn hệ thống các trang trại của Vinamilk đã đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất của hệ thống toàn cầu.



Trang trại bò sữa Vinamilk tại Nghệ An là trang trại bò sữa đầu tiên tại Đông Nam Á đạt tiêu chuẩn quốc tế Global G.A.P. được tổ chức Control Union (Hà Lan) chứng nhận.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)
Phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi

Tiếp nối thành công của việc đạt giấy chứng nhận Global G.A.P. toàn cầu, trang trại Nghệ An trong năm 2014 cũng đạt chứng nhận “Trang trại bò sữa xuất sắc nhất Việt Nam” do Cục Chăn nuôi trao tặng vào tháng 11/2014 (Lễ phát giải tại Triển lãm VietStock 2014).

1.679

con bò sữa cao sản HF

Được nhập từ Úc bằng chuyên cơ

HẦU HẾT BÒ SỮA TẠI CÁC TRANG TRẠI VINAMILK LÀ LOẠI BÒ SỮA CAO SẢN HF THUẦN CHỦNG, ĐƯỢC CHỌN LỌC RẤT KỸ VÀ NHẬP TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP BÒ GIỐNG NỔI TIẾNG TẠI ÚC. TRONG NĂM 2014, CÔNG TY ĐÃ NHẬP 8 LẦN VỚI 1.679 CON BÒ SỮA BẰNG CHUYÊN CƠ ĐỂ ĐẢM BẢO SỨC KHỎE CHO BÒ KHI VỀ VIỆT NAM.



Chuyên cơ chở bò sữa nhập khẩu từ Úc về Việt Nam.



Giống bò: HF 100% | Xuất xứ: Úc
Phả hệ 3 đời thuần chủng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC,
CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

TRONG NĂM 2014, VINAMILK TIẾP TỤC CÁC BƯỚC KIẾN TOÀN VÀ HOÀN THIỆN CƠ CẤU QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT ĐỂ ĐÁP ỨNG VỚI XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG DÀI HẠN VÀ BỀN VỮNG THEO MÔ HÌNH THỰC HÀNH QUẢN TRỊ TIỀN TIẾN

Cơ cấu tổ chức

Phòng Hoạch định Chiến lược đi vào hoạt động rà soát các kế hoạch chiến lược, đồng bộ, kết nối và thúc đẩy việc thực thi các chiến lược và kế hoạch dài hạn của Công ty.

Phòng Quản lý Chi nhánh nước ngoài triển khai các công tác tổ chức hoạt động và giám sát hiệu quả hoạt động tại các thị trường Vinamilk đầu tư.

Ban Điều hành

Bổ nhiệm đầy đủ nhân sự vào Ban Điều hành.

Hệ thống Quản lý chất lượng, hệ thống ERP

Triển khai và đạt được chứng nhận hệ thống FSSC 22000 tại 05 nhà máy và năm 2015 sẽ triển khai cho tất cả các nhà máy.

Triển khai và đạt được chứng nhận chứng chỉ Global G.A.P. cho 05 trang trại bò sữa.

Hoàn thành đánh giá cấp chứng nhận về hệ thống An ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001 cho phạm vi công nghệ thông tin của Vinamilk.

Hoàn thành cập nhật và đưa vào vận hành hệ thống ERP Oracle theo phiên bản mới.

Các chương trình phát triển đội ngũ

Triển khai Chương trình Hoạch định Nhân sự Kế thừa (SP) để lựa chọn các ứng viên tiềm năng trong đội ngũ nhân viên và triển khai các hoạt động đào tạo, phát triển ứng viên nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự cấp cao kế thừa có chất lượng và bền vững trong tương lai.

Chương trình Quản trị viên Tập sự (MT) 2014 nhằm xây dựng một đội ngũ nhân viên trẻ tiềm năng và có tố chất quản lý, lãnh đạo cho Công ty.



Hình ảnh về môi trường làm việc tại Vinamilk



Hình ảnh về môi trường làm việc tại Vinamilk

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)CÁC GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU
TIÊU BIỂU ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

Năm 2014, Vinamilk đã đạt được những giải thưởng, danh hiệu đáng tự hào, góp phần khẳng định chiến lược phát triển bền vững đúng đắn của doanh nghiệp trong thời gian tới.

Vượt qua hơn 100 sản phẩm được đề cử đến từ 70 quốc gia, sản phẩm sữa nước của Vinamilk lọt vào vòng chung kết và đạt giải thưởng Công nghiệp Thực phẩm toàn cầu, IUFOST Global Food Industry Awards 2014. Với giải thưởng này, một lần nữa khẳng định tầm vóc và uy tín của Vinamilk, con chim đầu đàn của ngành sữa Việt Nam đang phát triển và từng bước hội nhập sâu vào khu vực và thế giới.

Điều đáng ghi nhận là trong tất cả đề cử tranh giải từ các nước trên thế giới, chỉ duy nhất Vinamilk đến từ Việt Nam là doanh nghiệp thuộc ngành sữa đạt giải.

VƯỢT QUA HƠN 100 SẢN PHẨM ĐƯỢC ĐỀ CỬ ĐẾN TỪ 70 QUỐC GIA, SẢN PHẨM SỮA NƯỚC CỦA VINAMILK LỌT VÀO VÒNG CHUNG KẾT VÀ ĐẠT GIẢI THƯỞNG CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TOÀN CẦU, IUFOST GLOBAL FOOD INDUSTRY AWARDS 2014. VỚI GIẢI THƯỞNG NÀY, MỘT LẦN NỮA KHẲNG ĐỊNH TẦM VÓC VÀ UY TÍN CỦA VINAMILK, CON CHIM ĐẦU ĐÀN CỦA NGÀNH SỮA VIỆT NAM ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ TỪNG BƯỚC HỘI NHẬP SÂU VÀO KHU VỰC VÀ THẾ GIỚI.



Ông Richard De Boer, đại diện Tổ chức Chứng nhận Global G.A.P. ConTrolUnion (Hà Lan) trao giấy chứng nhận đạt chuẩn quốc tế Thực Hành Nông Nghiệp Tốt Toàn cầu (Global G.A.P.) cho trang trại của Vinamilk

TRANG TRẠI VINAMILK:
ĐẠT CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
GLOBAL G.A.P. NGAY VÒNG
ĐÁNH GIÁ ĐẦU TIÊN.

Global G.A.P. là chứng chỉ hàng đầu thế giới về chương trình đảm bảo chất lượng trang trại, thuộc Tổ chức Thực hành Nông nghiệp tốt (GAP) toàn cầu.

Bộ chứng chỉ gồm 16 tiêu chuẩn gắt gao, đảm bảo chất lượng về an toàn thực phẩm, phương pháp sản xuất bền vững, có chính sách chăm sóc sức khỏe và quản lý an toàn cho người lao động, thân thiện với động vật, thức ăn hỗn hợp đạt chuẩn theo luật định và thân thiện với môi trường.

Là một hệ thống chứng nhận độc lập có uy tín, Chứng nhận Thực hành Nông nghiệp tốt (Global G.A.P.) đã được cấp cho hơn 100 quốc gia trên toàn thế giới.

Cả khu vực Đông Nam Á, chỉ duy nhất 5 trang trại của Vinamilk được đạt chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế Global G.A.P. đến thời điểm này. Điều này khẳng định thêm cam kết về đạt chuẩn quốc tế của sản phẩm Vinamilk đến người tiêu dùng trong quá trình phát triển của chúng tôi.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)
Các giải thưởng, danh hiệu tiêu biểu đạt được trong năm

CHI TIẾT CÁC DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG
TIÊU BIỂU TRONG NĂM NHƯ SAU:

CÁC DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC:



TOP 50

Nữ Doanh Nhân quyền lực nhất Châu Á



Giải thưởng Quản trị Doanh nghiệp xuất sắc nhất Châu Á năm 2014



TOP 100

Doanh nghiệp hàng đầu Asean năm 2014



TOP 100

Doanh nghiệp xuất sắc Asean năm 2014



Giải thưởng Công nghiệp Thực phẩm toàn cầu IUFOST 2014



5 trang trại bò sữa đạt chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế GLOBAL G.A.P.



CÁC DANH HIỆU, GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC:

STT	Tên danh hiệu, giải thưởng	Tổ chức
1	Đứng thứ 2 trong Top 500 DN tư nhân lớn nhất VN 2013	VNR 500 (CT CP Báo cáo đánh giá VN) và báo Vietnamnet
2	3 nhà máy Vinamilk đạt giải thưởng môi trường TP năm 2014	UBND TP. HCM và Sở TNMT TP. HCM
3	Top 10 Thương hiệu Việt uy tín năm 2014	Trung tâm NCUD PT Thương hiệu Việt
4	Giải thưởng Nhà lãnh đạo doanh nghiệp số 1 VN (CEO Vinamilk)	Tạp chí Nhịp cầu đầu tư
5	Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng Cao 18 năm liền	Hội DN HVNCLC
6	Top 15 Thương hiệu mạnh VN 2013	Thời báo kinh tế VN
7	Giải nhất Báo cáo thường niên và giải nhì Báo cáo phát triển bền vững 2013	HOSE & báo Đầu tư chứng khoán
8	Top 10 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2014	Công ty Vietnam Report, báo Vietnamnet và Tạp chí Thuế - Tổng Cục Thuế
9	Thương hiệu hàng đầu VN - Global GTA	Viện nghiên cứu kinh tế
10	Top 100 Thương hiệu Tin và Dừng	Tạp chí Tin&Dừng - Thời báo Kinh tế VN
11	Thương hiệu quốc gia 2014 (lần thứ 3 liên tiếp)	Cục Xúc tiến Thương mại -BCT
12	Top Vietnam Best Company 2014 - Top DN VN đạt chỉ số tốt nhất năng lực hoạt động 2014	VCCI và Báo diễn đàn doanh nghiệp
13	Đơn vị cổ phần hóa tiêu biểu	Báo Đầu tư & AVM Việt Nam
14	Thương vụ M&A tiêu biểu 2013 – 2014	Báo Đầu tư & AVM Việt Nam
15	Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (3 năm liên tiếp: 2011 – 2013)	Nhịp cầu đầu tư

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)



Nhà đầu tư tham quan siêu nhà máy sữa nước tại Bình Dương



Gặp nhà đầu tư tại Mỹ

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TIẾP ĐÓN HƠN 148 LƯỢT
NHÀ ĐẦU TƯ ĐẾN TRỤ SỞ CÔNG TY,
THÔNG QUA ĐIỆN THOẠI, EMAIL ĐỂ
TÌM HIỂU VÀ CẬP NHẬT TÌNH HÌNH
KINH DOANH.**

- Ngoài ra, Công ty cũng tổ chức hơn 18 lượt với hơn 250 người là nhà đầu tư, cổ đông và sinh viên Mỹ đến tham quan nhà máy của Công ty trong năm 2014: Đoàn nhà đầu tư New Silk Road, THS Partners, AIC Group, Swifarc; đoàn 50 nghiên cứu sinh của Đại học Hoa Kỳ, Lloyd George Management; đoàn nhà đầu tư gồm 30 quỹ đến từ Singapore, Deccan Value, Saga Tree; đoàn nhà đầu tư do Dragon capital và đoàn nhà đầu tư do Vinacapital giới thiệu, WinterGreen; đoàn nghiên cứu sinh đại học Mỹ, Sandscapital, Dempsey Hill Capital; đoàn nhà đầu tư do Maybank Kim Eng giới thiệu, Observatory, Mỹ và đoàn 40 sinh viên đại học New York, Mỹ.

- Đặc biệt, Công ty tiếp đón lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn Thái Beverage, Thái Lan đến tham quan nhà máy sữa Việt Nam và gặp gỡ lãnh đạo Công ty trong tháng 7/2014.

Tích cực tham gia nhiều hoạt động hội thảo đầu tư như:

- Tháng 3: Gặp gỡ 12 nhà đầu tư tại các thành phố San Francisco, Salt Lake City và Los Angeles, Mỹ.

- Tham gia hội thảo nhà đầu tư tại Singapore vào ngày 5/9/2014 do Daiwa Securities và HOSE đồng tổ chức.
- Tham gia chuyến Roadshow tại London và Edinburg vào ngày 20 & 21 tháng 11 do Tập đoàn tài chính CIMB tổ chức.
- Ngoài ra, Công ty cũng tham gia gặp gỡ hơn 71 nhà đầu tư, tổ chức tại Vietnam Access Day do Bán Việt tổ chức tại HCM vào tháng 3/2014. Tham gia gặp gỡ nhà đầu tư tại HCM trong sự kiện Gateway do SSI tổ chức vào ngày 11/9.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tt)
Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Tham gia cuộc thi bình chọn BCTN hàng năm:

Đây là năm thứ 7 liên tiếp Vinamilk tham gia và được giải thưởng cao 07 năm liền cuộc thi bình chọn BCTN do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh phối hợp với Báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức. Năm 2014, Vinamilk đã đạt kết quả rất ấn tượng với 3 giải thưởng sau:

- Giải nhất BCTN 2013 tốt nhất. Đây là giải cao nhất của cuộc thi bình chọn.
- Giải nhì Báo cáo Phát triển bền vững.
- Giải BCTN có nội dung báo cáo quản trị công ty tốt nhất. Đây là giải duy nhất của cuộc thi bình chọn.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 130 Tóm lược báo cáo phát triển bền vững
- 134 Hành trình 07 năm Quỹ sữa “Vươn cao Việt Nam”
- 135 Quỹ “Một triệu cây xanh cho Việt Nam”

GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG LAN TỎA NIỀM TIN

Năm 2014, mặc dù vẫn còn nhiều biến động và khó khăn về kinh tế nhưng Vinamilk vẫn tiếp tục sứ mệnh hỗ trợ Quỹ sữa một lượng sữa trị giá 8,5 tỷ đồng, tăng 33% về giá trị so với năm 2013. Toàn bộ số sữa này sẽ được Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam cùng công ty chuyển trực tiếp đến các trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi, khuyết tật, trung tâm bảo trợ xã hội, các em học sinh vùng sâu, vùng xa trên 63 tỉnh thành cả nước.

Đến nay tổng số lượng sữa mà quỹ sữa đã đem đến cho hơn 310.000 trẻ em khó khăn tại Việt Nam là 23,5 triệu ly, tương đương khoảng 84 tỷ đồng



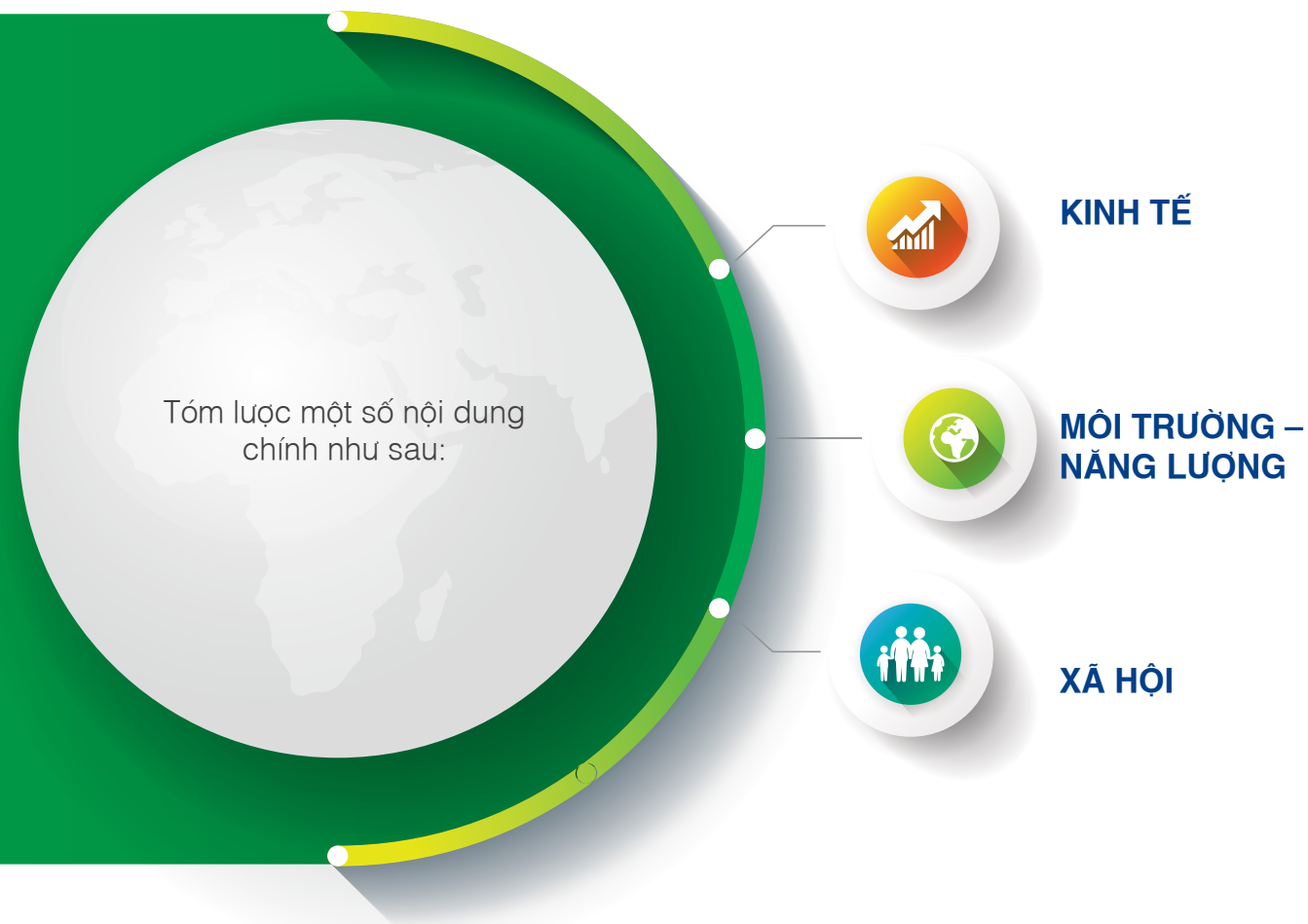


BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ ĐỊNH HƯỚNG NHẤT QUÁN TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA VINAMILK TRÊN CON ĐƯỜNG CHINH PHỤC CÁC MỤC TIÊU Đầy THÁCH THỨC CỦA MÌNH. ĐỂ BƯỚC ĐI THÀNH CÔNG TRÊN HÀNH TRÌNH ĐÓ, VINAMILK LUÔN TÔN TRỌNG ĐẠO ĐỨC KINH DOANH, CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI, CŨNG NHƯ THỰC HIỆN CÁC HÀNH ĐỘNG MANG LẠI NHỮNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CHO XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG.



Báo cáo này cũng nhằm nối tiếp mục tiêu minh bạch hóa thông tin về tôn chỉ hoạt động, các chương trình, hoạt động, các giá trị mà Vinamilk mang đến cho bên liên quan.

Vinamilk bắt đầu phát hành báo cáo phát triển bền vững từ năm tài chính 2012. Đây là báo cáo đầu tiên được tiếp cận và xây dựng theo tiêu chuẩn của GRI (Global Reporting Initiative) và là những báo cáo tốt nhất được nhóm chuyên gia đến từ Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) và Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA) đánh giá và trao giải Nhất năm 2012 và giải Nhì năm 2013 cho Vinamilk.

Báo cáo 2014 sẽ được xây dựng theo chuẩn mới nhất của GRI, phiên bản G4 với định hướng trình bày các nội dung trọng yếu đối với công ty và các bên liên quan.

Vui lòng xem nội dung chi tiết trong Báo cáo phát triển bền vững 2014 phát hành song song với báo cáo thường niên này.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)



KINH TẾ



Năm 2014, Vinamilk cùng với các bên liên quan của mình tiếp tục hợp tác trên con đường cùng chung tay phát triển và tạo ra giá trị bền vững cho xã hội.

Giá trị mang lại cùng các bên liên quan trong năm 2014:

Bên liên quan	Giá trị
Cổ đông	Cổ tức: 4.001 tỷ đồng
Nhà nước	Tiền thuế nộp ngân sách nhà nước: 3.501 tỷ đồng
Nhân viên	Tiền lương, thu nhập, phụ cấp: 1.475 tỷ đồng
Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch: 25.682 tỷ đồng
Khách hàng	Giá trị giao dịch: 33.069 tỷ đồng
Cộng đồng	Hỗ trợ cộng đồng: 17 tỷ đồng



MÔI TRƯỜNG – NĂNG LƯỢNG

Hoạt động Môi trường trong suốt những năm qua luôn được Vinamilk chú trọng, duy trì và cải tiến nhằm các mục tiêu bảo vệ môi trường. Vinamilk duy trì quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của nhân viên và cộng đồng trong vấn đề bảo vệ môi trường. Đặc biệt, Vinamilk duy trì việc sử dụng năng lượng hiệu quả và sử dụng nhiên liệu Biomass và khí CNG cho các Nhà máy của mình.

» 03 nhà máy: Thống Nhất, Trường Thọ, Sài Gòn Milk được UBND

TP.HCM tặng Bằng khen về công tác bảo vệ môi trường.

» 05 Trang trại của Công ty đã đạt Chứng nhận Global G.A.P.: Trang trại Tuyên Quang, Nghệ An, Thanh Hóa, Bình Định và Lâm Đồng, trong đó trang trại bò sữa Nghệ An đã vinh dự được Cục chăn nuôi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng Giải thưởng Trang trại bò sữa xuất sắc nhất Việt Nam.

Chương trình quản lý và tiết kiệm năng lượng tiếp tục được triển khai, giá trị năng lượng sử dụng tiết kiệm hơn so với định mức ước tính khoảng 54 tỷ đồng, tương đương 11% so với định mức.



XÃ HỘI



Đối với khía cạnh xã hội, có thể kể đến các chương trình hành động nổi bật trong năm như sau:

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty tiếp tục duy trì một môi trường làm việc hiệu quả, gắn liền với chế độ đãi ngộ hợp lý, thu hút. Nguồn nhân lực được xác định là một trong những tài sản vô giá của Vinamilk, do đó Công ty luôn phát triển các chương trình để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự.

- » Chương trình Quản trị viên tập sự 2014: Là chương trình Quản trị viên đầu tiên ở Vinamilk, đưa ra các cơ hội và thử thách để đào tạo một đội ngũ nhà lãnh đạo tương lai cho Công ty với các hạt giống được tuyển chọn với các tiêu chí gắt gao. Vinamilk đã chào đón 18 Quản trị viên tập sự đến làm việc và thử thách tại các Khối/Phòng ban.
- » Chương trình Nhân sự kế thừa tiếp tục được triển khai, hiện đang trong quá trình đào tạo, phát triển ngắn hạn và dài hạn cho đội ngũ ứng viên cho các vị trí chủ chốt của Công ty.
- » Công ty cũng xây dựng Diễn đàn nội bộ: Nơi mọi người có thể chia sẻ quan điểm, kiến thức, kinh nghiệm của mình một cách công khai, cởi mở để làm giàu thêm kho kiến thức cũng như phát huy được điểm mạnh của mỗi thành viên trong Công ty.

NGƯỜI TIÊU DÙNG

Thực hiện các hoạt động nghiên cứu & phát triển sản phẩm mới, cải tiến các sản phẩm hiện tại để ngày càng đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm hướng đến mang lại giá trị tốt hơn cho người tiêu dùng. Năm 2014, Công ty đã tung 29 sản phẩm mới, cải tiến 58 sản phẩm hiện hữu ở tất cả các nhóm sản phẩm.

CỘNG ĐỒNG: Các hoạt động cộng đồng tiêu biểu trong năm:

Trong năm 2014, Công ty cũng đã tham gia, đóng góp rất nhiều hoạt động từ thiện khác nhau. Tổng giá trị hoạt động cộng đồng là 16,9 tỷ đồng. Trong đó, một số hoạt động tiêu biểu như cán bộ công nhân viên Vinamilk góp 01 ngày lương ủng hộ cảnh sát biển kiểm ngư Trường Sa trong chương trình “*Chung sức hướng về biển Đông*”. Tài trợ 02 tỷ đồng cho chương trình “*Nghĩa tình biên giới, biển đảo quê hương*”.

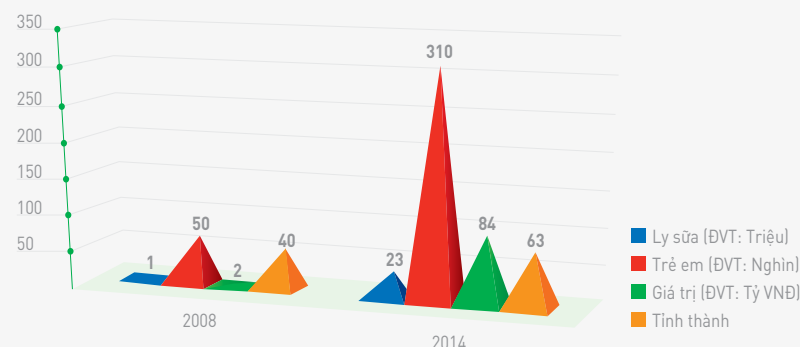
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tt)

HÀNH TRÌNH **07** NĂM QUỸ SỮA
“VƯỜN CAO VIỆT NAM”

TRÊN NỀN TẢNG QUỸ
6 TRIỆU LY SỮA VÀ
VỚI MỤC ĐÍCH XÃ HỘI
HÓA CHƯƠNG TRÌNH Ý
NGHĨA NÀY, BẮT ĐẦU
TỪ NĂM 2010, BỘ LAO
ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ
XÃ HỘI ĐÃ CHO PHÉP
QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM
VIỆT NAM TRIỂN KHAI
CHƯƠNG TRÌNH QUỸ
SỮA “VƯỜN CAO VIỆT
NAM” ĐỂ HUY ĐỘNG
NHIỀU HƠN CÁC NGUỒN
LỰC TRONG XÃ HỘI
ĐÓNG GÓP CHO QUỸ
SỮA VÀ ĐẢM BẢO “MỌI
TRẺ EM ĐỀU CÓ QUYỀN
ĐƯỢC UỐNG SỮA MỖI
NGÀY”.

Đến cuối 2014, tổng số lượng sữa mà Quỹ sữa đã đem đến cho hơn 310 nghìn trẻ em khó khăn tại Việt Nam là gần 23,5 triệu ly sữa, tương đương khoảng 84 tỷ đồng. Riêng năm 2014, Quỹ sữa tặng cho 63 tỉnh thành phố, tổng số tiền là 8,5 tỷ đồng với gần 2 triệu ly sữa.

Quỹ sữa “Vườn cao Việt Nam” khởi nguồn từ Quỹ 1 triệu ly sữa, 3 triệu ly sữa và 6 triệu ly sữa cho trẻ em nghèo Việt Nam, một hoạt động trách nhiệm xã hội do Vinamilk kết hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam thực hiện năm 2008, 2009 với mục đích chia sẻ những khó khăn của trẻ em nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt, bị suy dinh dưỡng nhằm góp phần giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong cả nước. Tiếp nối thành công của chương trình này, Vinamilk đã tiếp tục phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Dinh dưỡng Quốc gia thực hiện chương trình Quỹ 6 triệu ly sữa trong năm 2009 giúp cho hàng chục nghìn trẻ em Việt Nam trên khắp mọi miền đất nước được uống sữa mỗi ngày.



8,5 TỶ ĐỒNG

Quỹ sữa tặng cho 63 tỉnh thành phố năm 2014

Quỹ sữa “Vườn cao Việt Nam” đến với hơn

310.000

trẻ em khó khăn tại Việt Nam



Bà Bùi Thị Hương - Giám đốc Điều hành Vinamilk trao tặng sữa trực tiếp cho trẻ em tỉnh Thái Bình.

QUỸ
“MỘT TRIỆU CÂY XANH CHO VIỆT NAM”

Chương trình Quỹ “1 triệu cây xanh cho Việt Nam” là hoạt động phối hợp giữa Tổng cục Môi trường (VEA) và Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam Vinamilk với mục đích trồng thêm nhiều cây xanh cho các tỉnh thành phố, cải thiện môi trường sống cho người dân Việt Nam. Chương trình được mở rộng đến các khu vực mà cây xanh đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng như: Khu dân cư, khu công cộng, các tuyến đường trung tâm, các trường học... tại các tỉnh thành phố trên toàn quốc.

Nhân kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (1954 - 2014), ngày 31.7 vừa qua, Quỹ 1 triệu cây xanh đã phối hợp với Sở Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn tỉnh Điện Biên tiến hành trồng 40.000 cây xanh tại khu di tích đồi Độc Lập, tỉnh Điện Biên.

Trong năm 2012 và 2013, chương trình Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đã tổ chức trồng cây tại 10 tỉnh thành trên toàn quốc với tổng số gần 100.000 cây xanh các loại. Năm 2014, chương trình Quỹ sẽ tiếp tục hành trình trồng cây và thực hiện trồng cây trên khắp vùng miền cả nước với khoảng 120.000 - 150.000 cây xanh các loại. Trong năm 2014, tổng số tiền Công ty Vinamilk đóng góp cho Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam khoảng 1,5 tỷ đồng. Tiếp sau tỉnh Điện Biên, Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam sẽ tiếp tục trồng cây tại thêm nhiều thành phố khác trên toàn quốc, mở rộng đến các khu vực mà cây xanh đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng.



Bà Bùi Thị Hương, Giám đốc Điều hành Vinamilk trao tặng bằng tài trợ cây xanh tượng trưng cho ông Trần Phong, đại diện Tổng cục môi trường - Bộ Tài Nguyên & Môi Trường.



Chương trình có sự tham dự của Bà Võ Hạnh Phúc - con gái cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp.



Đại diện lãnh đạo các Bộ Ban ngành, lãnh đạo địa phương và Vinamilk cùng tham gia trồng cây với Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam tại Điện Biên



Các đại biểu cùng thực hiện nghi thức kéo vải phủ bằng lưu niệm của chương trình Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam trong Lễ trồng cây của Quỹ 1 triệu cây xanh tại Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 139 Thông tin về Công ty
- 140 Báo cáo của Ban Điều hành
- 141 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 143 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 146 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 148 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 150 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



GIA TĂNG GIÁ TRỊ
VỮNG BƯỚC
THÀNH CÔNG

Đầu tư sức khỏe và trí tuệ là sự đầu tư vô giá cho tương lai. Vì thế, mỗi sản phẩm mang thương hiệu Vinamilk là một sự cam kết lâu dài về tiêu chuẩn chất lượng quốc tế vì con người Việt Nam. Năm 2014, Vinamilk được Hãng xếp hạng tín nhiệm Standard and Poor’s (S&P’s) đưa vào danh sách 100 doanh nghiệp lớn nhất ASEAN về vốn hóa với ghi nhận doanh thu năm 2014 đạt 35.800 tỷ đồng.

Thành công này chứng tỏ tiềm lực vững mạnh của Vinamilk trong chiến lược đầu tư phát triển toàn diện, hướng đến 1 trong 50 công ty sữa lớn nhất thế giới với doanh thu 3 tỷ USD vào năm 2017.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	4103001932	ngày 20 tháng 11 năm 2003
	0300588569	ngày 25 tháng 11 năm 2014
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300588569 ngày 25 tháng 11 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.		
Hội đồng Quản trị	Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
	Ông Lê Song Lai	Thành viên
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
	Ông Ng Jui Sia	Thành viên
	Ông Lê Anh Minh	Thành viên
	Bà Lê Thị Băng Tâm	Thành viên
	Ông Hà Văn Thắm	Thành viên (đến ngày 11 tháng 3 năm 2014)
Ban Điều hành	Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển Sản phẩm
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu (từ ngày 1 tháng 12 năm 2014)
	Bà Nguyễn Thị Như Hằng	Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu (đến ngày 1 tháng 12 năm 2014)
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều hành Tài chính
	Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành Dự án
	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng
	Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành Kinh doanh
	Bà Nguyễn Hữu Ngọc Trân	Quyền Giám đốc Điều hành Tiếp thị (đến ngày 15 tháng 1 năm 2014)
	Ông Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành Tiếp thị (từ ngày 20 tháng 5 năm 2014)
Trụ sở đăng ký	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, được trình bày từ trang 5 đến trang 58, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



Mai Kiều Liên

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2015, được trình bày từ trang 143 đến trang 193.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 14-01-245



Chang Hung Chun
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghi
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		15.522.309.519.016	13.018.930.127.438
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.527.875.428.216	2.745.645.325.950
Tiền	111		993.333.794.600	1.394.534.283.673
Các khoản tương đương tiền	112		534.541.633.616	1.351.111.042.277
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	7.467.962.935.026	4.167.317.622.318
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		7.607.171.306.426	4.313.292.575.718
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(139.208.371.400)	(145.974.953.400)
Các khoản phải thu	130		2.771.736.892.079	2.728.421.414.532
Phải thu khách hàng	131		1.988.614.362.323	1.894.721.027.784
Trả trước cho người bán	132		420.615.080.215	423.820.755.014
Các khoản phải thu khác	135	8	368.425.283.975	417.266.719.643
Dự phòng phải thu khó đòi	139	39(b)	(5.917.834.434)	(7.387.087.909)
Hàng tồn kho	140	9	3.620.107.245.454	3.217.483.048.888
Hàng tồn kho	141		3.633.231.617.297	3.227.859.954.432
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.124.371.843)	(10.376.905.544)
Tài sản ngắn hạn khác	150		134.627.018.241	160.062.715.750
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		115.703.239.463	129.708.362.747
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.465.035.833	25.468.115.542
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.458.742.945	4.886.237.461
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 +269)	200		10.247.828.541.941	9.856.483.929.198
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.395.303.671	736.666.667
Phải thu dài hạn khác	218		7.395.303.671	736.666.667
Tài sản cố định	220		8.890.084.022.717	8.918.416.535.379
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.548.188.780.138	7.849.058.771.126
Nguyên giá	222		11.782.649.084.362	11.147.267.493.199
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.234.460.304.224)	(3.298.208.722.073)
Tài sản cố định vô hình	227	11	538.207.032.321	531.485.413.625
Nguyên giá	228		691.495.740.057	690.742.242.273
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(153.288.707.736)	(159.256.828.648)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	803.688.210.258	537.872.350.628

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Bất động sản đầu tư	240	13	147.725.868.615	149.445.717.001
<i>Nguyên giá</i>	241		179.594.679.077	176.332.062.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(31.868.810.462)	(26.886.345.887)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	700.375.068.841	318.308.294.039
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	252		325.220.122.483	284.629.299.345
Đầu tư dài hạn khác	258		380.012.236.959	43.927.626.956
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.857.290.601)	(10.248.632.262)
Tài sản dài hạn khác	260		341.541.338.443	295.112.796.930
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	183.505.250.834	171.151.838.315
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	150.793.168.409	115.300.622.640
Tài sản dài hạn khác	268		7.242.919.200	8.660.335.975
Lợi thế thương mại	269	17	160.706.939.654	174.463.919.182
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.770.138.060.957	22.875.414.056.636
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.969.901.577.449	5.307.060.807.329
Nợ ngắn hạn	310		5.453.262.931.031	4.956.397.594.108
Vay ngắn hạn	311	18	1.279.525.014.840	178.943.692.147
Phải trả người bán	312		1.898.529.392.924	1.968.257.136.188
Người mua trả tiền trước	313		17.826.386.435	20.929.404.542
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	19	502.643.076.304	456.725.904.986
Phải trả người lao động	315		163.476.907.176	137.540.107.294
Chi phí phải trả	316	20	637.114.219.782	490.760.970.004
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	598.428.618.781	1.341.762.807.045
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		355.719.314.789	361.477.571.902
Nợ dài hạn	330		516.638.646.418	350.663.213.221
Phải trả dài hạn khác	333		8.192.561.774	5.036.159.560
Vay dài hạn	334	22	346.383.586.552	184.142.784.403
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	23	84.711.303.600	91.065.600.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	24	77.333.769.500	69.583.293.250
Doanh thu chưa thực hiện	338		17.424.992	835.376.008

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		19.680.282.615.855	17.545.489.315.423
Vốn chủ sở hữu	410	25	19.680.282.615.855	17.545.489.315.423
Vốn cổ phần	411	26	10.006.413.990.000	8.339.557.960.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	1.276.994.100.000
Cổ phiếu quỹ	414	26	(5.388.109.959)	(5.068.507.959)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(161.099.075)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.550.028.784.604	950.237.983.612
Quỹ dự phòng tài chính	418		971.689.582.340	833.955.796.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.157.699.467.945	6.149.811.983.770
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	28	119.953.867.653	22.863.933.884
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		25.770.138.060.957	22.875.414.056.636

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ trong tiền và các khoản tương đương tiền:		
USD	3.735.730	16.776.618
EUR	20.792	21.606

Ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập

Người duyệt

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang
Giám đốc Điều hành tài chính



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tổng doanh thu	01	29	35.703.776.176.355	31.586.007.133.622
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	726.847.843.179	637.405.006.316
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	29	34.976.928.333.176	30.948.602.127.306
Giá vốn hàng bán	11	30	22.668.451.134.488	19.765.793.680.474
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		12.308.477.198.688	11.182.808.446.832
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	573.569.553.162	507.347.709.516
Chi phí tài chính	22	32	81.697.752.419	90.790.817.490
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		39.581.737.758	104.027.048
Chi phí bán hàng	24	33	4.696.142.714.715	3.276.431.628.666
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34	795.365.066.390	611.255.506.250
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		7.308.841.218.326	7.711.678.203.942
Thu nhập khác	31	35	367.460.023.857	313.457.899.019
Chi phí khác	32	36	122.819.758.563	58.819.862.034
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		244.640.265.294	254.638.036.985
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	45		59.887.377.298	43.940.615.792
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		7.613.368.860.918	8.010.256.856.719
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	1.580.658.440.379	1.483.448.216.660
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(35.492.545.769)	(7.298.675.568)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.068.202.966.308	6.534.107.315.627

	Mã số	Thuyết minh	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.068.202.966.308	6.534.107.315.627
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(604.730.533)	(26.347.207)
Chủ sở hữu của Công ty	62		6.068.807.696.841	6.534.133.662.834
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	6.068	6.533

Ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập

Người duyệt



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang
Giám đốc Điều hành tài chính

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VNĐ	2013 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		7.613.368.860.918	8.010.256.856.719
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.032.730.002.039	786.432.923.150
Các khoản dự phòng	03		3.786.590.677	33.285.887.136
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(8.404.807.167)	13.064.625.014
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	05		12.301.757.361	10.670.289.649
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(498.729.023.388)	(417.488.105.102)
Lỗ từ các hoạt động đầu tư khác	05		18.361.924.596	9.486.501.689
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	05		(59.887.377.298)	(43.940.615.792)
Chi phí lãi vay	06		39.581.737.758	104.027.048
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.153.109.665.496	8.401.872.389.511
Biến động các khoản phải thu	09		(130.429.515.728)	(38.409.421.579)
Biến động hàng tồn kho	10		(545.317.603.122)	258.940.210.677
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(40.780.546.630)	(272.224.654.212)
Biến động chi phí trả trước	12		5.506.120.979	(27.641.597.327)
			7.442.088.120.995	8.322.536.927.070
Tiền lãi vay đã trả	13		(34.741.971.887)	(104.027.048)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.521.907.400.545)	(1.399.982.286.806)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		46.119.165.658	20.984.913.520
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(603.234.373.651)	(691.692.163.285)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		5.328.323.540.570	6.251.743.363.451
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(858.946.281.717)	(1.491.459.216.581)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		53.894.284.254	20.991.389.628
Tặng tiền gửi có kỳ hạn	23		(3.349.601.000.000)	(623.100.000.000)
Tiền chi cho mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(300.915.667.523)	-
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		5.296.101.394	4.531.896.380
Tiền thu hồi các khoản vay của các công ty liên kết	24		-	30.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(2.759.659.696)	(33.713.307.770)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Mã số	Thuyết minh	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Thu hồi trái phiếu đến hạn	26		-	350.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		19.748.461.471	4.927.205.437
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		560.479.407.828	307.719.066.699
Tiền tăng từ một công ty con			86.867.562	(159.686.267.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(3.872.717.486.427)	(1.589.789.233.505)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông thiểu số	31		70.421.503.931	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(319.602.000)	(525.442.959)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.490.974.827.513	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(233.883.299.908)	-
Tiền trả cổ tức	36		(4.000.514.074.130)	(3.167.235.049.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(2.673.320.644.594)	(3.167.760.492.759)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.217.714.590.451)	1.494.193.637.187
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.745.645.325.950	1.252.120.160.804
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(186.238.711)	(668.472.041)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ			130.931.428	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	1.527.875.428.216	2.745.645.325.950

Ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập

Người duyệt







Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang
Giám đốc Điều hành tài chính

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Những hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, nguyên liệu và hóa chất;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Cung cấp các dịch vụ phòng khám đa khoa;
- Các hoạt động hỗ trợ trồng trọt như: cung cấp cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch cây trồng, làm đất, tưới tiêu;
- Chăn nuôi: cung cấp giống vật nuôi và kỹ thuật nuôi; các hoạt động trồng trọt;
- Dịch vụ sau thu hoạch;
- Xử lý hạt giống để nhân giống; và
- Sản xuất bánh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được liệt kê như dưới đây:

	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế (*)	100,00%	100,00%
Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	96,11%	96,11%
Driftwood Dairy Holdings Corporation	70,00%	70,00%
Angkor Dairy Products Co., Ltd.	51,00%	51,00%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	15,00%	15,00%
Miraka Limited	19,30%	19,30%
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Dự án căn hộ Horizon – Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%

(*) Ngày 24 tháng 2 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua quyết định giải thể công ty con này. Quá trình giải thể hoàn tất vào ngày 14 tháng 1 năm 2015.

Driftwood Dairy Holdings Corporation được thành lập và hoạt động tại Mỹ, Angkor Milk Dairy Products Co., Ltd. được thành lập và hoạt động tại Campuchia, Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia được thành lập và hoạt động tại Ba Lan, các công ty con còn lại được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 6.244 nhân viên (31/12/2013: 5.619 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp tục)

(a) Cơ sở hợp nhất (tiếp tục)

(ii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số du trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái bình quân trong năm.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi một cơ sở hoạt động ở nước ngoài được thanh lý, một phần hoặc toàn bộ, các chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan được chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Tập đoàn phân loại các khoản đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết hoặc chưa niêm yết, trái phiếu và các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận các chứng khoán kinh doanh đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp tục)

(d) Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chúng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ các khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 10 – 50 năm
- máy móc và thiết bị 8 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 10 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 6 năm
- gia súc 6 năm
- khác 3 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác phản ánh thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng, có được thông qua hợp nhất kinh doanh và ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thương hiệu và giá trị quan hệ khách hàng được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4-10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp tục)

(i) Bất động sản đầu tư (tiếp tục)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

♦ quyền sử dụng đất	49 năm
♦ cơ sở hạ tầng	10 năm
♦ nhà cửa	10 – 50 năm

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không tính khấu hao.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VNĐ và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(0) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ♦ Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp tục)

(0) Phân loại các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) Tài sản tài chính (tiếp theo)

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp tục)

(q) Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu thông thường được phát hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phiếu hoặc quyền chọn được trình bày trên vốn chủ sở hữu như một khoản giảm trừ vào số tiền thu được do bán cổ phiếu.

Khi Tập đoàn mua lại vốn cổ phần mà Tập đoàn đã phát hành, khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc được tái phát hành. Khi các cổ phiếu này được hủy bỏ hoặc tái phát hành, số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến nghiệp vụ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(iii) Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn

Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Phân phối cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tập đoàn và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tập đoàn.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tập đoàn.

(v) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Tập đoàn như sau:

Quỹ khen thưởng phúc lợi	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	đến 5% lợi nhuận sau thuế

Tập đoàn ngưng trích lập quỹ dự phòng tài chính khi số tiền trong quỹ đạt 10% trên vốn điều lệ của Tập đoàn. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông, Ban Điều hành hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất và qui mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Tập đoàn.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp tục)

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(y) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(4) Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác Việt Nam (“Nước ngoài”).

	Trong nước (Khách hàng ở Việt Nam)		Nước ngoài (Khách hàng ở các nước khác Việt Nam)		Tổng cộng	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ	2014 VNĐ	2013 VNĐ	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Doanh thu thuần bán hàng	29.293.044.719.211	26.534.661.061.703	5.683.883.613.965	4.413.941.065.603	34.976.928.333.176	30.948.602.127.306
Giá vốn hàng bán	(18.233.926.728.958)	(16.313.347.650.302)	(4.434.524.405.530)	(3.452.446.030.172)	(22.668.451.134.488)	(19.765.793.680.474)
Thu nhập theo bộ phận	11.059.117.990.253	10.221.313.411.401	1.249.359.208.435	961.495.035.431	12.308.477.198.688	11.182.808.446.832

5. Các giao dịch trọng yếu

Đầu tư mới vào Angkor Dairy Products Co., Ltd. và Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia

Ngày 6 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thành lập một công ty con là Angkor Milk Dairy Products Co., Ltd. tại Campuchia. Tổng vốn điều lệ của công ty con này là 23.000.000 USD, trong đó, Công ty góp 51%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã chuyển 108 tỷ VNĐ để góp vốn cho công ty con này.

Ngày 27 tháng 5 năm 2014, Công ty đã thành lập một công ty con sở hữu 100% là Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia tại Ba Lan. Tổng vốn điều lệ của công ty con này là 3.000.000 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã chuyển 10 tỷ VNĐ để góp vốn cho công ty con này.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Tiền mặt	1.349.958.029	1.290.261.776
Tiền gửi ngân hàng	991.980.639.406	1.393.244.021.897
Tiền đang chuyển	3.197.165	-
Các khoản tương đương tiền	534.541.633.616	1.351.111.042.277
	1.527.875.428.216	2.745.645.325.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Đầu tư ngắn hạn vào:		
Chứng khoán niêm yết	179.237.503.400	188.758.772.692
Chứng khoán chưa niêm yết	82.533.803.026	82.533.803.026
Tiền gửi có kỳ hạn	6.903.400.000.000	3.600.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	442.000.000.000	442.000.000.000
	7.607.171.306.426	4.313.292.575.718
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(139.208.371.400)	(145.974.953.400)
	7.467.962.935.026	4.167.317.622.318

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	145.974.953.400	130.028.675.620
Tăng dự phòng trong năm	2.450.963.000	24.708.724.000
Hoàn nhập	(9.217.545.000)	(7.312.836.920)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(1.449.609.300)
Số dư cuối năm	139.208.371.400	145.974.953.400

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Phải thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	133.509.529.151	80.172.000.489
Lãi tiền gửi	119.054.965.555	186.194.305.557
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	71.950.068.975	126.227.097.567
Lãi trái phiếu	11.682.191.784	-
Cổ tức phải thu	-	6.280.283.226
Phải thu khác	32.228.528.510	18.393.032.804
	368.425.283.975	417.266.719.643

9. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	484.349.482.529	545.709.876.853
Nguyên vật liệu	1.950.145.008.854	1.672.882.301.994
Công cụ và dụng cụ	7.965.125.849	8.098.365.017
Sản phẩm dở dang	109.349.880.916	138.430.291.511
Thành phẩm	1.040.310.901.609	837.395.279.814
Hàng hóa	39.367.889.992	24.520.590.546
Hàng gửi đi bán	1.743.327.548	823.248.697
	3.633.231.617.297	3.227.859.954.432
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.124.371.843)	(10.376.905.544)
	3.620.107.245.454	3.217.483.048.888

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	10.376.905.544	3.455.165.385
Tăng dự phòng trong năm	25.521.539.710	12.956.320.720
Hoàn nhập	(18.018.441.130)	(4.622.379.936)
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.755.632.281)	(1.412.200.625)
Số dư cuối năm	13.124.371.843	10.376.905.544

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 55.533 triệu VNĐ (31/12/2013: 60.374 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cấu trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Gia súc VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	2.126.117.218.387	7.747.429.057.274	592.136.887.627	400.572.098.813	228.946.974.351	52.065.256.747	11.147.267.493.199
Tăng trong năm	15.374.512.234	70.003.569.890	91.827.927.143	37.872.109.419	-	8.065.228.291	223.143.346.977
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	157.482.048.516	226.272.719.641	13.462.103.836	10.300.101.417	-	373.520.370	407.890.493.780
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	-	-	133.379.459.673	-	133.379.459.673
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.750.105.500)	-	-	-	-	(1.750.105.500)
Phân loại lại	-	273.109.003	424	(273.134.022)	-	24.595	-
Thanh lý	(3.945.307.329)	(14.308.127.853)	(23.930.220.458)	(177.599.106)	(54.880.080.388)	(677.154.757)	(97.918.489.891)
Tăng/(giảm) khác	270.892.547	(39.961.156.333)	(5.529.920)	(369.336.689)	-	3.513.999.058	(36.551.131.337)
Chênh lệch chuyển đổi	829.625.906	4.815.904.596	609.947.995	180.866.857	-	751.672.107	7.188.017.461
Số dư cuối năm	2.296.128.990.261	7.992.774.970.718	674.101.116.647	448.105.106.689	307.446.353.636	64.092.546.411	11.782.649.084.362
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	365.323.412.697	2.413.392.957.350	204.968.808.243	188.696.967.596	82.411.226.983	43.415.349.204	3.298.208.722.073
Khấu hao trong năm	107.536.250.542	737.370.983.657	59.419.080.193	55.596.580.357	44.955.950.917	6.367.547.752	1.011.246.393.418
Phân loại lại	47.461.997	389.674.601	(70.213.268)	(366.924.178)	-	848	-
Thanh lý	(2.531.275.647)	(9.274.512.832)	(10.233.339.902)	(177.599.106)	(22.252.000.503)	(2.702.470)	(44.471.430.460)
Giảm khác	-	(34.947.656.384)	-	(318.434.256)	-	(13.548)	(35.266.104.188)
Chênh lệch chuyển đổi	415.971.446	3.304.675.883	267.677.341	143.787.942	-	610.610.769	4.742.723.381
Số dư cuối năm	470.791.821.035	3.110.236.122.275	254.352.012.607	243.574.378.355	105.115.177.397	50.390.792.555	4.234.460.304.224
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	1.760.793.805.690	5.334.036.099.924	387.168.079.384	211.875.131.217	146.535.747.368	8.649.907.543	7.849.058.771.126
Số dư cuối năm	1.825.337.169.226	4.882.538.848.443	419.749.104.040	204.530.728.334	202.331.176.239	13.701.753.856	7.548.188.780.138

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 962.560.738.732 VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 829.810.123.906 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	527.261.303.957	94.970.936.419	68.510.001.897	690.742.242.273
Tăng trong năm	33.520.149.980	5.224.082.960	-	38.744.232.940
Thanh lý	(18.769.854.338)	-	(22.898.160.000)	(41.668.014.338)
Chênh lệch chuyển đổi	2.937.921.079	-	739.358.103	3.677.279.182
Số dư cuối năm	544.949.520.678	100.195.019.379	46.351.200.000	691.495.740.057
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	56.128.172.644	55.185.134.556	47.943.521.448	159.256.828.648
Khấu hao trong năm	6.030.222.838	8.151.037.023	2.260.333.135	16.441.592.996
Thanh lý	-	-	(22.898.160.000)	(22.898.160.000)
Chênh lệch chuyển đổi	5.412.290	-	483.033.802	488.446.092
Số dư cuối năm	62.163.807.772	63.336.171.579	27.788.728.385	153.288.707.736
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	471.133.131.313	39.785.801.863	20.566.480.449	531.485.413.625
Số dư cuối năm	482.785.712.906	36.858.847.800	18.562.471.615	538.207.032.321

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 47.704.588.915 VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 47.704.588.915 VNĐ).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	537.872.350.628	3.565.241.433.334
Tăng trong năm	682.952.071.664	1.127.953.553.346
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(407.890.493.780)	(3.952.080.148.564)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.405.538.719)	(38.884.288.170)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(54.686.566.064)
Giảm khác	(6.166.870.291)	(109.671.633.254)
Chênh lệch chuyển đổi	326.690.756	-
Số dư cuối năm	803.688.210.258	537.872.350.628

Các công trình lớn đang thực hiện tại các địa điểm sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	341.104.056.359	194.630.030.013
Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	123.417.898.198	81.641.906.162
Trang trại Bò Sữa	116.080.921.067	35.827.102.037
Chi nhánh Cần Thơ	52.101.510.922	52.101.510.922
Angkor Dairy Products Company	35.180.695.154	-
Văn phòng công ty	30.752.691.632	6.475.346.918
Nhà máy sữa Sài Gòn	21.058.337.199	-
Nhà máy sữa bột Việt Nam	14.085.981.504	22.234.884.364
Nhà máy sữa Việt Nam	13.990.180.277	27.693.383.103
Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	11.580.955.764	20.676.270
Nhà máy sữa Tiên Sơn	8.777.587.675	92.638.406.909
Driftwood Dairy Holdings Corporation	8.298.533.230	876.848.528
Nhà máy sữa Lam Sơn	517.063.872	7.800.711.948
Khác	26.741.797.405	15.931.543.454
	803.688.210.258	537.872.350.628

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Cơ sở hạ tầng VNĐ	Nhà cửa VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	82.224.238.170	6.607.141.091	87.500.683.627	176.332.062.888
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.405.538.719	-	-	3.405.538.719
Giảm khác	-	(142.922.530)	-	(142.922.530)
Số dư cuối năm	85.629.776.889	6.464.218.561	87.500.683.627	179.594.679.077
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	264.518.968	2.711.691.094	23.910.135.825	26.886.345.887
Khấu hao trong năm	985.997.241	646.421.850	3.409.596.534	5.042.015.625
Giảm khác	-	(59.551.050)	-	(59.551.050)
Số dư cuối năm	1.250.516.209	3.298.561.894	27.319.732.359	31.868.810.462
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	81.959.719.202	3.895.449.997	63.590.547.802	149.445.717.001
Số dư cuối năm	84.379.260.680	3.165.656.667	60.180.951.268	147.725.868.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng giữ nhằm thu được doanh thu cho thuê. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định do hiện không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 7.228.577.143 VNĐ đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 7.228.577.143 VNĐ).

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát				
Miraka Limited	19,3% (*)	19,3% (*)	278.497.731.377	248.670.851.841
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	15,0% (*)	15,0% (*)	39.474.706.280	27.975.762.678
Dự án Căn hộ Horizon – Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	24,5% (*)	24,5% (*)	7.247.684.826	7.982.684.826
			325.220.122.483	284.629.299.345
Đầu tư dài hạn vào trái phiếu doanh nghiệp				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh			300.000.000.000	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác				
Tiền gửi dài hạn			46.596.000.000	-
Các quỹ đầu tư			10.559.408.600	21.677.078.220
Chứng khoán niêm yết			1.043.566.296	-
Đầu tư dài hạn khác			21.813.262.063	22.250.548.736
			380.012.236.959	43.927.626.956
Tổng đầu tư tài chính dài hạn			705.232.359.442	328.556.926.301
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(4.857.290.601)	(10.248.632.262)
			700.375.068.841	318.308.294.039

(*) Ban Điều hành đánh giá rằng Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đối với hai công ty này bởi vì hai thành viên trong Ban Điều hành của Tập đoàn là thành viên Hội Đồng Quản Trị của hai công ty này.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	10.248.632.262	14.355.884.467
Tăng dự phòng trong năm	430.226.565	238.406.621
Sử dụng dự phòng trong năm	(5.821.568.226)	(4.345.658.826)
Số dư cuối năm	4.857.290.601	10.248.632.262

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VNĐ	Công cụ và dụng cụ VNĐ	Chi phí trả trước khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	6.432.866.456	83.951.133.124	80.767.838.735	171.151.838.315
Tăng trong năm	1.850.226.175	138.071.459.840	40.053.228.478	179.974.914.493
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.130.204.051)	(23.929.410.340)	(849.955.136)	(25.909.569.527)
Chuyển sang chi phí	(2.733.050.701)	(94.192.837.201)	(44.814.824.678)	(141.740.712.580)
Chênh lệch chuyển đổi	-	-	28.780.133	28.780.133
Số dư cuối năm	4.419.837.879	103.900.345.423	75.185.067.532	183.505.250.834

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản mục sau:

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	226.023.828	597.622.666
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	150.567.144.581	114.702.999.974
	150.793.168.409	115.300.622.640

17. Lợi thế thương mại

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	174.463.919.182	13.662.186.598
Tăng trong năm	-	166.879.949.640
Điều chỉnh trong năm	4.604.945.068	-
Khấu hao trong năm	(18.361.924.596)	(1.213.435.128)
Giảm khác	-	(4.864.781.928)
Số dư cuối năm	160.706.939.654	174.463.919.182

18. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Vay ngắn hạn	1.258.848.534.840	517.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	20.676.480.000	178.426.692.147
	1.279.525.014.840	178.943.692.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Vay ngắn hạn (tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(a) USD	1,47%	790.320.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(b) USD	1,30%	320.400.000.000	-
Wells Fargo	(c) USD	3,75%	148.128.534.840	-
Khoản vay cấp bởi các cá nhân	VNĐ	9% - 16%	-	517.000.000
			1.258.848.534.840	517.000.000

(a) Khoản vay ngắn hạn này có hạn mức tối đa là 50 triệu USD và không được đảm bảo.

(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.300 tỷ VNĐ và không được đảm bảo.

(c) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 55.533 triệu VNĐ (31/12/2013: 60.374 triệu VNĐ) và phải thu có giá trị ghi sổ là 232.502 triệu VNĐ (31/12/2013: 194.978 triệu VNĐ).

19. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	97.748.080.575	106.950.956.654
Thuế thu nhập doanh nghiệp	396.387.038.230	336.889.518.369
Thuế thu nhập cá nhân	5.935.298.848	12.853.254.782
Thuế nhập khẩu	67.059.641	-
Thuế khác	2.505.599.010	32.175.181
	502.643.076.304	456.725.904.986

20. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	372.271.399.616	218.642.778.937
Chi phí quảng cáo	43.092.205.601	66.981.178.134
Chi phí vận chuyển	58.016.454.874	40.344.338.573
Chi phí bảo trì và sửa chữa	15.277.558.615	12.478.798.051
Chi phí nhiên liệu	14.714.178.145	18.140.900.939
Chi phí nhân công thuê ngoài	16.259.721.436	13.071.225.266
Chi phí lãi vay	4.839.765.871	384.249.613
Chi phí phải trả khác	112.642.935.624	120.717.500.491
	637.114.219.782	490.760.970.004

21. Các khoản phải trả khác

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính (*)	448.007.419.155	448.007.419.155
Thuế nhập khẩu phải nộp	66.891.229.438	108.992.820.343
Tiền ký quỹ ngắn hạn nhận được	51.444.636.092	21.931.607.492
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	1.582.702.277	945.240.476
Cổ tức phải trả	-	664.944.528.680
Chi phiếu chưa thanh toán vượt mức số dư ngân hàng	16.833.321.089	82.832.057.449
Phải trả khác	13.669.310.730	14.109.133.450
	598.428.618.781	1.341.762.807.045

(*) Phải trả khác về đầu tư tài chính bao gồm một khoản nhận trả trước là 447.822.000.000 VNĐ từ một bên thứ ba về việc chuyển nhượng trong tương lai một khoản đầu tư của Tập đoàn vào một ngân hàng. Việc chuyển nhượng này chỉ có hiệu lực khi được sự phê duyệt của Hội đồng Cổ đông thường niên hoặc Hội đồng Quản trị và các cổ đông sáng lập của ngân hàng này; hoặc sau 5 năm kể từ ngày thành lập ngân hàng này, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Vay dài hạn

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Vay dài hạn	367.060.066.552	362.569.476.550
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	(20.676.480.000)	(178.426.692.147)
Hoàn trả sau 12 tháng	346.383.586.552	184.142.784.403

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

		Loại tiền	Lãi suất năm	Năm dáo hạn	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Wells Fargo						
Khoản vay 1		USD	3,75%	2016	-	74.835.285.880
Khoản vay 2	(a)	USD	4,25%	2016	105.689.280.000	115.940.000.000
Khoản vay 3	(a)	USD	4,25%	2016	14.734.790.160	24.111.957.480
Lincoln National	(b)	USD	15,00%	2015	-	131.742.706.320
Sumitomo Mitsui Banking Corporation	(b)	USD	1,98%	2017	234.960.000.000	-
Các cá nhân khác	(b)	VNĐ	None	2039	11.675.996.392	15.939.526.870
					367.060.066.552	362.569.476.550

(a) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Driftwood Dairy Holdings Corporation, một công ty con, có giá trị ghi sổ là 476.546 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 397.015 triệu VNĐ).

(b) Các khoản vay này không được đảm bảo.

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Các khoản phải thu	2.215.809.359	2.294.431.520
Hàng tồn kho	1.101.371.596	1.079.064.120
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	43.092.703.189	75.264.200.640
Chi phí phải trả	5.776.475.462	5.325.461.480
Khác	473.598.162	297.038.280
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	52.659.957.768	84.260.196.040
Dự phòng định giá	(39.733.061.646)	(64.322.015.320)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	12.926.896.122	19.938.180.720
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định và lợi thế thương mại	(97.499.607.507)	(110.900.003.880)
Khác	(138.592.215)	(103.776.840)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(97.638.199.722)	(111.003.780.720)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(84.711.303.600)	(91.065.600.000)

24. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	69.583.293.250	59.635.777.000
Dự phòng lập trong năm	9.155.064.027	12.277.166.717
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.404.587.777)	(609.124.300)
Hoàn nhập	-	(1.720.526.167)
Số dư cuối năm	77.333.769.500	69.583.293.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(4.504.115.000)	-	93.889.017.729	588.402.022.008	5.198.757.611.121	15.493.096.595.858
Giảm cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	-	(38.950.000)	-	22.835.000	-	16.115.000	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(525.442.959)	-	-	-	-	(525.442.959)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	6.534.133.662.834	6.534.133.662.834
Phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	856.326.130.883	245.553.773.992	(1.749.089.266.585)	(647.209.361.710)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.834.006.138.600)	(3.834.006.138.600)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(5.068.507.959)	-	950.237.983.612	833.955.796.000	6.149.811.983.770	17.545.489.315.423
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	1.666.856.030.000	(1.276.994.100.000)	-	-	-	-	(389.861.930.000)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(319.602.000)	-	-	-	-	(319.602.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	6.068.807.696.841	6.068.807.696.841
Phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	599.790.800.992	137.733.786.340	(1.337.315.388.325)	(599.790.800.993)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(3.333.742.894.341)	(3.333.742.894.341)
Chênh lệch chuyển đổi tiền tệ	-	-	-	(161.099.075)	-	-	-	(161.099.075)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	10.006.413.990.000	-	(5.388.109.959)	(161.099.075)	1.550.028.784.604	971.689.582.340	7.157.699.467.945	19.680.282.615.855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	1.000.641.399	10.006.413.990.000	833.955.796	8.339.557.960.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.641.399	10.006.413.990.000	833.955.796	8.339.557.960.000
Cổ phiếu quỹ phổ thông				
Cổ phiếu phổ thông	(522.795)	(5.388.109.959)	(488.735)	(5.068.507.959)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.000.118.604	10.001.025.880.041	833.467.061	8.334.489.452.041

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	833.467.061	8.334.489.452.041	833.525.676	8.335.053.845.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	166.685.603	1.666.856.030.000	(3.895)	(38.950.000)
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(34.060)	(319.602.000)	(54.720)	(525.442.959)
Số dư cuối năm	1.000.118.604	10.001.025.880.041	833.467.061	8.334.489.452.041

27. Cổ tức

Ngày 25 tháng 4 năm 2014 và ngày 25 tháng 7 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 3.334 tỷ VNĐ (2.000 VNĐ/cổ phiếu cho mỗi đợt) (2013: 3.834 tỷ VNĐ (1.800 VNĐ/cổ phiếu cho đợt 1, 2.000 VNĐ/cổ phiếu cho đợt 2 và 800 VNĐ/cổ phiếu cho đợt 3)).

28. Lợi ích cổ đông thiểu số

Biến động trong năm của lợi ích cổ đông thiểu số như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	22.863.933.884	-
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	(3.912.595.560)
Góp vốn bằng tiền	70.421.503.931	-
Góp vốn bằng tài sản	33.520.149.980	26.802.876.651
Điều chỉnh trong năm	(6.943.349.048)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	696.359.439	-
Lỗ thuần trong năm	(604.730.533)	(26.347.207)
Số dư cuối năm	119.953.867.653	22.863.933.884

29. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tổng doanh thu		
Bán thành phẩm	35.036.531.480.704	31.150.951.345.551
Bán hàng hóa	608.206.650.973	392.518.053.443
Cho thuê bất động sản đầu tư	14.200.576.247	12.125.306.829
Các dịch vụ khác	44.837.468.431	30.412.427.799
	35.703.776.176.355	31.586.007.133.622
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại (*)	(653.486.626.134)	(615.609.946.192)
Hàng bán bị trả lại	(73.361.217.045)	(21.795.060.124)
	(726.847.843.179)	(637.405.006.316)
Doanh thu thuần	34.976.928.333.176	30.948.602.127.306

(*) Liên quan đến Quyết định số 1079/QĐ-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty đã áp dụng một số hình thức giảm giá đối với các sản phẩm sữa cho trẻ em dưới sáu tuổi đã được bán cho các nhà phân phối của Công ty nhưng chưa bán ra cho người tiêu dùng tính đến ngày hiệu lực của Quyết định này. Trong chiết khấu thương mại cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm khoản giảm giá có giá trị 41.084.348.017 VNĐ liên quan đến các hình thức giảm giá này (2013: không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Giá vốn hàng bán

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
Thành phẩm đã bán	22.108.401.594.210	19.356.246.171.629
Hàng hoá đã bán	496.049.853.379	333.087.645.676
Bất động sản đầu tư cho thuê	6.891.621.743	7.083.811.145
Dịch vụ khác	3.961.479.739	2.153.118.401
Tổn thất hàng tồn kho	8.594.376.218	7.972.098.132
Chi phí hoạt động dưới công suất	37.049.110.619	50.916.894.707
Tăng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.503.098.580	8.333.940.784
	22.668.451.134.488	19.765.793.680.474

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lãi tiền gửi	479.778.494.831	371.382.601.654
Lãi trái phiếu	11.682.191.784	23.338.013.697
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.619.597.899	89.847.345.276
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.404.807.167	-
Cổ tức	7.268.336.773	22.767.489.751
Lãi thanh lý chứng khoán	35.816.124.708	12.258.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	638
	573.569.553.162	507.347.709.516

32. Chi phí tài chính

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí lãi vay	39.581.737.758	104.027.048
Hỗ trợ thanh toán cho nhà phân phối	15.823.678.176	26.181.425.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.633.506.793	29.550.432.486
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	13.064.625.014
Chi phí lãi từ các khoản ký quỹ nhận được	898.188.327	805.352.929
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(6.336.355.435)	17.634.293.701
Chi phí tài chính khác	96.996.800	3.450.661.270
	81.697.752.419	90.790.817.490

33. Chi phí bán hàng

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	473.726.239.410	194.049.933.281
Chi phí nguyên vật liệu	60.289.821.318	60.524.090.011
Chi phí công cụ, dụng cụ	118.604.903.127	82.551.394.335
Chi phí khấu hao	29.968.528.357	24.911.649.370
Chi phí bảo hành	16.809.808.460	13.414.638.552
Chi phí vận chuyển	483.498.543.127	385.469.435.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.472.016.659	170.156.060.020
Chi phí quảng cáo	1.206.192.193.034	878.084.461.527
Chi phí nghiên cứu thị trường	20.580.121.049	12.504.458.057
Chi phí khuyến mãi	797.787.789.006	566.403.057.342
Chi phí trưng bày sản phẩm	408.465.064.965	376.163.969.684
Chi phí hỗ trợ và hoa hồng cho nhà phân phối	872.747.686.203	512.198.480.608
	4.696.142.714.715	3.276.431.628.666

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	305.035.036.843	203.720.294.882
Chi phí vật liệu quản lý	18.098.831.201	17.697.620.827
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.321.652.371	8.519.542.351
Chi phí khấu hao	68.559.799.199	62.917.986.126
Thuế, phí và lệ phí	10.489.148.731	6.898.909.318
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng trợ cấp thôi việc	11.774.911.559	12.407.364.263
Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	43.199.705.641	43.865.767.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.236.296.708	151.818.765.982
Chi phí nhập hàng	19.522.263.773	20.323.775.456
Công tác phí	28.438.324.874	18.520.954.726
Chi phí dịch vụ ngân hàng	9.510.869.767	3.471.288.316
Chi phí khác	84.178.225.723	61.093.236.238
	795.365.066.390	611.255.506.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Thu nhập khác

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	149.336.436.635	167.756.170.079
Thu nhập từ thanh lý phế liệu, công cụ, dụng cụ và các thiết bị kỹ thuật khác	95.087.181.520	96.319.979.308
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	59.983.306.410	29.581.525.306
Thu nhập từ phạt, bồi thường	16.347.305.098	938.427.793
Thu nhập khác	46.705.794.194	18.861.796.533
	367.460.023.857	313.457.899.019

36. Chi phí khác

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	72.216.913.769	36.917.461.324
Chi phí khác	50.602.844.794	21.902.400.710
	122.819.758.563	58.819.862.034

37. Thuế thu nhập

(i) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.578.444.341.029	1.472.499.920.010
Dự phòng thiếu trong năm trước	2.214.099.350	10.948.296.650
	1.580.658.440.379	1.483.448.216.660
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(35.492.545.769)	(7.298.675.568)
Chi phí thuế thu nhập	1.545.165.894.610	1.476.149.541.092

(ii) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	7.613.368.860.918	8.010.256.856.719
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.674.941.149.402	2.002.564.214.180
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các chi nhánh và nhà máy của Công ty	(87.942.917.362)	(282.235.173.307)
Thu nhập không bị tính thuế	(6.560.421.527)	(13.678.892.481)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.834.356.033	7.544.277.757
Ưu đãi thuế	(40.169.077.694)	(253.697.982.690)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	(4.151.293.592)	(11.018.011.195)
Giảm tài sản thuế hoãn lại do giảm thuế suất từ 25% xuống 22%	-	15.722.812.178
Dự phòng thiếu trong năm trước	2.214.099.350	10.948.296.650
	1.545.165.894.610	1.476.149.541.092

(iii) Thuế suất áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập theo các mức thuế suất khác nhau từ 15% đến 40% tính trên thu nhập chịu thuế tùy thuộc vào địa điểm kinh doanh. Trong Tập đoàn, Công ty, Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa và Driftwood Dairy Holdings Corporation có phát sinh chi phí thuế thu nhập. Các công ty con còn lại trong Tập đoàn chưa có thu nhập chịu thuế.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	6.068.807.696.841	6.534.133.662.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp tục)

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014	2013 (Điều chỉnh lại)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	833.467.061	833.525.676
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	166.687.738	166.701.050
Mua lại cổ phiếu quỹ	(26.565)	(20.428)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	1.000.128.234	1.000.206.298

Ngày 22 tháng 8 năm 2014, 166.685.603 cổ phiếu thưởng được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ một cổ phiếu mới cho năm cổ phiếu phổ thông hiện đang nắm giữ.

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành vào đầu năm 2013 và 2014 được điều chỉnh lại để phản ánh số cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2014. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng được điều chỉnh lại tương ứng để phản ánh số cổ phiếu thưởng này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

39. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.526.525.470.187	2.744.355.064.174
Tiền gửi ngắn hạn và dài hạn	(ii)	6.949.996.000.000	3.600.000.000.000
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	(iii)	2.358.517.115.535	2.305.337.326.185
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(iv)	300.000.000.000	-
		11.135.038.585.722	8.649.692.390.359

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét khi cần. Khách hàng không thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn với điều kiện trả tiền trước.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Các công cụ tài chính (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	78.962.614.586	182.137.670.525
Quá hạn từ 31 – 60 ngày	14.533.446.986	1.522.157.190
Quá hạn từ 61 – 90 ngày	6.495.649.478	132.616.901
Quá hạn trên 90 ngày	1.461.719.054	166.581.220
	101.453.430.104	183.959.025.836

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Số dư đầu năm	7.387.087.909	3.852.583.886
Tăng dự phòng trong năm	2.619.847.532	7.317.652.651
Chênh lệch do quy đổi	56.864.251	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.145.965.258)	(3.783.148.628)
Số dư cuối năm	5.917.834.434	7.387.087.909

(iv) Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn

Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp dài hạn của Công ty bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành Công ty đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua những trái phiếu này. Ban Điều hành Công ty nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.

Không có dự phòng cho giảm giá trong đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Dòng tiền theo hợp đồng VNĐ	Trong vòng 1 năm VNĐ	1 – 2 năm VNĐ	2 – 5 năm VNĐ	Hơn 5 năm VNĐ
Vay ngắn hạn	1.279.525.014.840	1.302.655.532.729	1.302.655.532.729	-	-	-
Phải trả người bán	1.898.529.392.924	1.898.529.392.924	1.898.529.392.924	-	-	-
Phải trả người lao động	163.476.907.176	163.476.907.176	163.476.907.176	-	-	-
Chi phí phải trả	637.114.219.782	637.114.219.782	637.114.219.782	-	-	-
Các khoản phải trả khác	598.428.618.781	598.428.618.781	598.428.618.781	-	-	-
Nợ dài hạn khác	8.192.561.774	8.192.561.774	-	8.192.561.774	-	-
Vay dài hạn	346.383.586.552	391.252.736.516	49.911.587.702	48.205.580.041	293.135.568.773	-
	4.931.650.301.829	4.999.649.969.682	4.650.116.259.094	56.398.141.815	293.135.568.773	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VNĐ	Dòng tiền theo hợp đồng VNĐ	Trong vòng 1 năm VNĐ	1 – 2 năm VNĐ	2 – 5 năm VNĐ	Hơn 5 năm VNĐ
Vay ngắn hạn	178.943.692.147	204.657.303.863	204.657.303.863	-	-	-
Phải trả người bán	1.968.257.136.188	1.968.257.136.188	1.968.257.136.188	-	-	-
Phải trả người lao động	137.540.107.294	137.540.107.294	137.540.107.294	-	-	-
Chi phí phải trả	490.760.970.004	490.760.970.004	490.760.970.004	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.341.762.807.045	1.341.762.807.045	1.341.762.807.045	-	-	-
Nợ dài hạn khác	5.036.159.560	5.036.159.560	-	5.036.159.560	-	-
Vay dài hạn	184.142.784.403	198.513.958.271	-	50.652.124.622	131.922.306.779	15.939.526.870
	4.306.443.656.641	4.346.528.442.225	4.142.978.324.394	55.688.284.182	131.922.306.779	15.939.526.870

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Các công cụ tài chính (tiếp theo)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VNĐ. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và tiền gửi ngân hàng	3.735.730	20.792	16.776.618	21.606
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	25.695.472	-	40.228.189	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	(20.657.877)	(523.391)	(28.256.420)	(6.861.815)
	8.773.325	(502.599)	28.748.387	(6.840.209)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
1 USD	21.360	21.080
1 EUR	25.874	28.956

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VNĐ
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1%)	1.461.659.878
EUR (yếu đi 11%)	1.115.763.242
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 5%)	22.725.600.132
EUR (yếu đi 5%)	7.427.441.572

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

(ii) Rủi ro lãi suất

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần sau thuế hợp nhất của Tập đoàn.

(iii) Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn sẽ cao/thấp hơn 8.546.285.358 VNĐ tương ứng với xu hướng thay đổi của giá (31/12/2013: 7.526.266.200 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Các công cụ tài chính (tiếp theo)

(e) Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
		Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:					
Đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết	(ii)	-	-	9.521.269.292	26.326.080.000
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:					
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	(v)	300.000.000.000	Thuyết minh (v)	-	-
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.526.525.470.187	1.526.525.470.187	2.744.355.064.174	2.744.355.064.174
Tiền gửi ngắn hạn	(i)	6.903.400.000.000	6.903.400.000.000	3.600.000.000.000	3.600.000.000.000
Tiền gửi dài hạn	(v)	46.596.000.000	Thuyết minh (v)	-	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	(i)	2.358.517.115.535	2.358.517.115.535	2.305.337.326.184	2.305.337.326.184
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
Đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết	(ii)	179.237.503.400	109.567.833.000	179.237.503.400	100.350.264.600
Đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết	(iii)	82.533.803.026	12.995.150.626	82.533.803.026	15.446.113.626
Đầu tư ngắn hạn khác	(v)	442.000.000.000	Thuyết minh (v)	442.000.000.000	Thuyết minh (v)
Đầu tư dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết	(ii)	1.043.566.296	1.043.566.296	-	-
Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư	(iv)	10.559.408.600	5.702.117.999	21.677.078.220	11.428.445.958
Đầu tư dài hạn khác	(v)	21.813.262.063	Thuyết minh (v)	22.250.548.736	Thuyết minh (v)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
Vay ngắn hạn	(i)	(1.279.525.014.840)	(1.279.525.014.840)	(178.943.692.147)	(178.943.692.147)
Vay dài hạn	(i)	(346.383.586.552)	Thuyết minh (v)	(184.142.784.403)	Thuyết minh (v)
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	(i)	(3.305.741.700.437)	(3.305.741.700.437)	(3.943.357.180.091)	(3.943.357.180.091)

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác và vay ngắn hạn

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(iii) Đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán cung cấp.

(iv) Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư

Giá trị thị trường của các quỹ đầu tư dựa trên giá trị tài sản thuần của danh mục quỹ được xác nhận bởi công ty chứng khoán và ngân hàng giám sát được bổ nhiệm.

(v) Đầu tư ngắn hạn khác, tiền gửi dài hạn, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn, đầu tư dài hạn khác và vay dài hạn

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số du với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong năm Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Miraka Limited	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	282.968.330.700	182.836.660.880
		Góp vốn	-	33.713.307.770
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	11.414.335.000
		Bán dịch vụ và hàng hóa	11.024.603.438	228.233.276
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Tiền lương, thưởng	60.064.426.741	61.379.663.770
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước		Trả cổ tức	1.502.928.000.000	1.427.781.600.000

41. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	456.147.536.111	180.816.143.352

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Trong vòng một năm	20.449.178.598	10.229.299.096
Trong vòng hai đến năm năm	56.351.280.739	40.917.196.384
Sau năm năm	296.216.877.341	298.345.396.804
	373.017.336.678	349.491.892.284

42. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	20.444.555.743.335	18.391.025.570.770
Chi phí nhân công	1.630.921.219.016	972.049.819.144
Chi phí khấu hao	1.032.730.002.039	780.752.870.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.411.780.643.687	1.216.971.956.636
Chi phí khác	3.756.571.116.317	2.635.416.541.217

Ngày 28 tháng 02 năm 2015

Người lập

Người duyệt



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang
Giám đốc Điều hành tài chính

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên hệ



TRỤ SỞ

10 Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 54 155 555
Fax: (+84.8) 54 161 230
Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
Website: www.vinamilk.com.vn

CHI NHÁNH BÁN HÀNG

1. CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà
Handi Resco, 521 Kim Mã,
Phường Ngọc Khánh,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.4) 37 246 019
Fax: (+84.4) 37 246 005

2. CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

12 Chi Lăng, Phường Hải
Châu II, Quận Hải Châu,
TP. Đà Nẵng
ĐT: (+84.511) 3 584 848
Fax: (+84.511) 3 897 223

3. CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

86D Hùng Vương, Phường
Thới Bình, Quận Ninh Kiều,
TP. Cần Thơ
ĐT: (+84.710) 6 256 555
Fax: (+84.710) 3 827 334

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Lô 46, Khu Công nghiệp Trà Nóc I,
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP.
Cần Thơ
ĐT: (+84.710) 6 258 555
Fax : (+84.710) 6 255 998

2. NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 62 527 555
Fax: (+84.8) 38 966 884

3. NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

12 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 625 29 555
Fax: (+84.8) 62 88 57 27

4. NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Lô 1-18 Khu G1- KCN Tân Thới Hiệp,
Hương lộ 80, Phường Hiệp Thành, Q.12,
TP. HCM
ĐT: (+84.8) 62 528 555
Fax: (+84. 8) 37 176 353

5. NHÀ MÁY SỮA DIELAC

Xa lộ Hà Nội, KCN Biên Hòa 1, Phường
An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: (+84.61) 6 256 555
Fax: (+84.61) 3 836 015

6. NHÀ MÁY SỮA BỘT VIỆT NAM

Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam -
Singapore 1, Thị xã Thuận An,
Tỉnh Bình Dương
ĐT: (+84.65) 37 99 628
Fax: (+84.65) 37 99 625

7. NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM

Lô A-4-CN, A-5-CN, A-6-CN, A-7-CN,
KCN Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, Tỉnh
Bình Dương
ĐT: (+84.65) 3 55 99 88
Fax: (+84.65) 3 55 99 60

8. NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM

Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2,
Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh
Bình Dương
ĐT: (+84.650) 3 55 68 39
Fax: (+84.650) 3 55 68 90

9. NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG

Lô Q, Đường số 7, KCN Hòa Khánh,
Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên
Chiểu, TP. Đà Nẵng
ĐT: (+84.0511) 62 59 777
Fax: (+84.0511) 62 59 555

10. NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang
Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: (+84.56) 6 253 555
Fax: (+84.56) 3 746 065

11. NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, Thị
Xã Cửa Lò, Nghệ An
ĐT: (+84.38) 6 259 555
Fax: (+84.38) 3 824 717

12. NHÀ MÁY SỮA TIỀN SON

Khu Công nghiệp Tiên Sơn,
Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du,
Tỉnh Bắc Ninh
ĐT: (+84.241) 3 739 568
Fax: (+84.241) 3 714 814

13. XÍ NGHIỆP KHO VẬN HCM

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ,
Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 62 526 555
Fax: (+84.8) 38 960 804

14. XÍ NGHIỆP KHO VẬN HÀ NỘI

Km 10, Quốc lộ 5, Xã Dương Xá,
Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.4) 36 789 489
Fax: (+84.4) 38 276 966

15. PHÒNG KHÁM AN KHANG

184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P.6,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (+84.8) 3930 2785
Fax: (+84.8) 3930 2708

16. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI CAMPUCHIA

368 A Đại lộ Preah Monivong,
Khu Boeung Keng Kang 1,
Quận Chamkar Mon, Thủ đô
Phnompenh, Campuchia
ĐT: (+855) 889 994 836
(+855) 236 567 888

CÁC CÔNG TY CON

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM
ĐT: (+84.8) 54 155 555
Fax: (+84.8) 54 161 226

2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SỮA LAM SON

Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa,
Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (+84.37) 3 912 540
Fax: (+84.37) 3 912 541

3. CÔNG TY TNHH BÒ SỮA THỐNG NHẤT THANH HÓA

Khu phố 1, Thị trấn Nông trường Thống
Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (+84.37) 35 14 020
Fax: (+84.37) 35 99 008

4. DRIFTWOOD DAIRY HOLDING CORPORATION

10724 E. Lower Azusa Road, El Monte,
California 91731-1390, United States
ĐT: (+626) 444 9591
Website: www.driftwooddairy.com

5. ANGKOR DAIRY PRODUCTS CO., LTD.

Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom
Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan PoSenChey,
Thủ đô Phnom Penh, Campuchia
ĐT: (+855) 23217424 - Fax: (+855) 23217424
Website: www.angkormilk.com.kh

6. CÔNG TY TNHH VINAMILK CHÂU ÂU

Gwiazdzista 7a/4, 01-065 Warszawa, Ba Lan
ĐT: (+48) 22 118 59 76 - Fax: (+48) 22 416 48 29
Website: <http://vinamilk.pl>

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

1. CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU THỰC PHẨM Á CHÂU SÀI GÒN

Lô C-9E-CN, KCN Mỹ Phước 3,
Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (+84.650) 3 510 175
Fax: (+84.650) 3 510 176
Website: www.afi.vn

2. CÔNG TY TNHH MIRAKA

108 Tuwharetoa St, Taupo, New Zealand,
PO Box 740, Taupo, 3351, New Zealand
ĐT: +64 7 376 0075
Fax: +64 7 377 0694
Website : www.miraka.co.nz

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Trụ sở chính:

- 📍 10 Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- ☎ (+84. 8) 54 155 555
- 📠 (+84. 8) 54 161 226

www.vinamilk.com.vn